

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Xã luận

Đảng cộng sản bối rối trong tình thế khó khăn

Tháng 7-1998 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam đã họp, tháng 10 vừa qua lại họp, và dự trữ sẽ còn họp một lần nữa trước cuối năm 1998. Nhịp độ họp tới tấp như vậy chứng tỏ đảng cộng sản đang gặp những vấn đề cấp bách cần có ngay giải đáp, nhưng những bản thông báo với nội dung vô hại chung chung chứng tỏ chưa có giải đáp thỏa đáng nào được tìm ra.

Thông báo của hội nghị tháng 7 đã là một tài liệu viết cho có lệ; thông báo của hội nghị kỳ này - dành cho các vấn đề kinh tế, xã hội - cũng không khác, nó vẫn chỉ lặp lại những khẩu hiệu đã quen tai: "tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc của xã hội", "xóa đói giảm nghèo, phát triển giáo dục, đào tạo; văn hóa, thông tin, chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân, ngăn ngừa có hiệu quả các tệ nạn xã hội", v.v...

Theo dõi hai hội nghị gần đây của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, người ta có thể nhận xét là sự yếu kém nằm ngay ở Bộ Chính Trị. Các ủy viên trung ương đã họp mà không được chuẩn bị, họ không biết sẽ phải thảo luận những vấn đề nào, sẽ phải chọn lựa giữa những giải pháp nào, mỗi giải pháp có những lợi hại nào. Họp là một điều cần thiết trong tình thế khó khăn để thống nhất quan điểm và hành động, nhưng họp mà không đạt tới kết luận chỉ chứng tỏ rằng đảng không còn khả năng lấy quyết định nữa, và như thế chỉ phơi bày rối loạn nội bộ và gây thêm thất vọng cho đảng viên.

Thực ra các vấn đề kinh tế lớn và cấp bách của đất nước hiện nay rất rõ rệt.

Vấn đề lớn thứ nhất là làm thế nào để

ngăn chặn sự sa sút của khối lượng đầu tư; một mặt gia tăng khối lượng đầu tư từ các nước dân chủ phương Tây để bù lại sự suy giảm không tránh khỏi của đầu tư từ các nước trong vùng, mặt khác huy động khả năng đầu tư của chính người Việt Nam, trong cùng như ngoài nước. Cả hai nguồn đầu tư này đều đầy hứa hẹn và có thể động viên được. Nhưng với điều kiện là phải tranh thủ được lòng tin, nghĩa là cần một chính sách mới, thực sự cởi mở, và một lãnh đạo mới, thực sự đáng tin cậy.

Vấn đề lớn thứ hai là tận dụng khoản tài trợ 2.400 triệu USD mà các nước và định chế tài trợ đã hứa hẹn. Muốn như vậy thì phải thực hiện thành thực và đầy đủ những yêu cầu cải tổ hợp tình hợp lý và rất có lợi cho đất nước mà các định chế này đòi hỏi. Nhưng đảng cộng sản không thể chấp nhận những cải tổ này bởi vì chúng đe dọa chế độ độc tài toàn trị mà họ cố sức duy trì.

Vấn đề lớn thứ ba là gia tăng hiệu năng kinh tế bằng cách giản dị hóa các thủ tục hành chánh và nhất là ngăn chặn tham nhũng, nhưng đây lại là điều cộng sản không chịu làm. Tham nhũng là lợi dụng công quyền cho lợi ích cá nhân, như vậy muốn giảm tham nhũng thì biện pháp đầu tiên là phải giảm nhẹ vai trò của công quyền, phải có một bộ máy nhà nước nhẹ nhưng hiệu lực, dành không gian tự do cho ý kiến và sáng kiến của các công dân và tập trung làm tròn vai trò đích thực của nhà nước là bảo vệ trật tự an ninh, bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ luật pháp, điều chỉnh khối lượng tiền tệ. Nhưng đây lại là cả một triết lý chính trị trái ngược với chủ trương cực quyền

toàn trị của đảng cộng sản.

Vấn đề lớn thứ tư là giải tư các xí nghiệp quốc doanh và cải tổ hệ thống ngân hàng. Nhưng đây là một vấn đề mà đảng cộng sản không thể giải quyết, bởi vì các xí nghiệp gọi là quốc doanh thật ra là một chiến lược tự vệ sống còn của đảng cộng sản. Việt Nam ngày nay không phải chỉ có những công ty quốc doanh theo nghĩa thông thường mà còn có vô số các công ty đảng doanh, quân doanh, công an doanh. Những công ty này là những quyền lợi được phân chia cho thành phần của bộ máy đảng và nhà nước để đổi lại sự trung thành của họ với chế độ. Giải tư các xí nghiệp vì vậy là điều mà đảng cộng sản không muốn làm và cũng không thể làm. Họ cũng không sẵn sàng cải tổ và giải tỏa hệ thống ngân hàng bởi vì cấp phát tín dụng là một phương tiện để đảng khống chế hoạt động kinh tế và duy trì quyền lực.

Nói chung mọi vấn đề lớn của đất nước hiện nay đều dẫn đến một kết luận là phải thay đổi chế độ. Ban lãnh đạo đảng cộng sản hiểu rõ điều đó. Không là một bí mật đối với ai là nội bộ đảng đang tự đặt những vấn đề như cần đổi tên đảng, bỏ Điều 4 Hiến pháp, bỏ chủ nghĩa Mác Lênin... Đó là những triết thoái hợp lý và đáng khuyến khích nhưng cũng rất gay go trong lúc này, bởi vì mọi triết thoái đều rất khó thực hiện an toàn trong một hoàn cảnh bế tắc và bối rối như hiện nay.

Nhưng thời gian không chờ đợi ai, Việt Nam đã chín muồi cho thay đổi, chần chừ chỉ làm ung thối thêm một tình hình đã rất báo động.

Thông Luận

Xét lại đồng thuận Washington

Tối cuối tháng 8-1998, tình hình kinh tế thế giới có thể tóm tắt như sau: Các nước Châu Á đã tương đối ổn định sau những thiệt hại nặng, đã suy thoái của các nước Châu Á hầu như đã khựng lại; Nhật vẫn còn lúng túng tìm cách ra khỏi tình trạng trì trệ, nhưng đó không phải là một điều mới, nói chung kinh tế Nhật còn nhiều tiềm năng; Châu Mỹ La Tinh có biến động từ đầu mùa hè 1998 vì mức độ đầu tư ngoài vùng có phần giảm sút, nhưng nhiều chuyên gia coi đó là một điều bình thường sau nhiều năm tư bản từ ngoài dồn dập đổ vào; kinh tế Hoa Kỳ tiếp tục phát triển mạnh, kinh tế Châu Âu rất khả quan mặc dầu cuộc khủng hoảng tại Nga.

Vào ngày 31-8-1998, không một chuyên gia kinh tế nào dự trù thế giới có thể đi vào khủng hoảng và suy thoái. Bỗng nhiên, một cách chậm chạp nhưng liên tục, trị giá các cổ phần trên mọi thị trường chứng khoán Hoa Kỳ và Châu Âu bắt đầu sụt giảm. Tối cuối tháng 9 nói chung trị giá các cổ phần trên các thị trường chứng khoán Châu Âu đã sụt khoảng 25%, tại Mỹ con số này là 17%. Sự suy giảm tích lũy trong vòng một tháng thật là lớn và phải nhìn nhận là đã có khủng hoảng kinh tế. Đây là một cuộc khủng hoảng chưa từng có, nó đến một cách gần như rón rén và lén lút, nhưng đã gây thiệt hại nặng nề không kém những cuộc khủng hoảng sôi nổi trước đây. Các chuyên gia và các định chế tài chính quốc tế bắt đầu báo động về một nguy cơ suy thoái toàn cầu.

Bỗng nhiên mọi lý luận của các nhà kinh tế đều thay đổi. Họ bắt đầu nhận định rằng kinh tế Hoa Kỳ đã phát triển quá mạnh trong một thời gian quá dài, từ 1992 tới nay, và đã đến lúc cần khựng lại để giảm nhiệt độ. Kinh tế thế giới không thể khả quan khi hơn 3/4 các quốc gia trên thế giới, với trọng lượng gần 60% kinh tế toàn cầu đang gặp khó khăn, thêm vào đó là Trung Quốc tiếp tục bối rối, và nguy cơ đồng Nhân Dân Tệ có thể bị phá giá, với hậu quả không thể lường được vẫn còn nguyên vẹn. Nhật, đầu tàu của Châu Á, tỏ ra vẫn còn lúng túng lâu dài trước khi thực hiện được những cải tổ cần thiết để tăng trưởng trở lại. Cuộc khủng hoảng kinh tế tại Nga đã đem vào chính quyền một ban lãnh đạo mới, mà văn hóa cũng như tập quán vẫn còn nặng ảnh

hưởng của chủ trương tập trung và quốc doanh, tạo ra mối lo về một sự trì trệ kéo dài tại Nga. Châu Mỹ La Tinh, mà mọi người hy vọng là đã tiến ngoạn mục sẽ là một sức kéo quan trọng cho kinh tế thế giới, đã hụt hơi. Các định chế tài chính quốc tế hạ thấp mức tăng trưởng dự trù của thế giới. Các chính phủ cũng sửa đổi các tiên liệu theo chiều hướng bi quan.

Tại sao chỉ trong khoảng thời gian trên dưới một tháng các lý luận và dự đoán có thể thay đổi hẳn như thế? Trước hết cần nhận định rằng nếu các sự kiện mới đây được đánh giá là khả quan và an toàn có thể mau chóng trở thành báo động và đáng lo ngại thì phải hiểu là trước đây chúng cũng không an toàn và lạc quan cho lắm, người ta đã chỉ cố gắng để giải thích chúng một cách chủ quan mà thôi, và người ta đã thay đổi thái độ khi bị thực tế phủ nhận. Nói một cách khác, thế giới đã tích lũy nhiều mâu thuẫn trong một thời gian khá lâu và đã đến lúc cần một sự xét lại tổng quát.

Nhiều tiếng nói đã cất lên phản bác cái thường được gọi là "đồng thuận Washington", theo đó kinh tế sẽ phát triển lành mạnh nếu có hai yếu tố, một là thị trường tự do, hai là đồng tiền vững mạnh. Điều nguy hiểm của khuynh hướng xét lại này là nó có thể khiến người ta từ bỏ một cách vội vã điều nền giữ của đồng thuận Washington là thị trường tự do. Và vì đằng sau thị trường tự do là sinh hoạt chính trị dân chủ nên sự xét lại này có thể làm lung lay cả niềm tin ở dân chủ và một cách gián tiếp hỗ trợ cho các chế độ độc tài. Chính vì vậy mà người Việt Nam chúng ta, một dân tộc đang vùng vẫy để tiến tới dân chủ, cần một cái nhìn rõ rệt.

Năm 1980, vào lúc kinh tế Hoa Kỳ đang suy thoái nặng do ảnh hưởng của hai cuộc khủng hoảng dầu lửa, dân chúng Mỹ đã bầu một tổng thống mới, với một quan điểm kinh tế rất giản dị, ông Ronald Reagan. Chủ thuyết kinh tế của Reagan không có gì mới lạ, nó chỉ lặp lại một chủ thuyết thịnh hành hồi đầu thế kỷ 20 là thị trường tự do và đồng tiền ổn vững và một tên gọi mới là "đồng thuận Washington" (The Washington Consensus). Nhờ chính phủ Reagan, chủ trương này đã mau chóng được các định chế tiền tệ quốc tế, trong đó Hoa Kỳ có vai trò quyết định như Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, Ngân Hàng

Thế Giới, v.v... chấp nhận. Một lý do khác đã khiến đồng thuận Washington ra đời là sự phá sản của các nước đang phát triển, nhất là tại Châu Mỹ La Tinh, sau nhiều năm theo đuổi những chính sách phát triển bất chấp lạm phát. Sự sụp đổ của khối cộng sản, và chủ trương kinh tế hoạch định, đã khiến đồng thuận Washington trở thành một giáo điều được các định chế tín dụng quốc tế áp đặt một cách máy móc lên các quốc gia đang phát triển.

Ngày nay, sau những mâu thuẫn tích lũy và trước một nguy cơ suy thoái toàn cầu, đồng thuận Washington đã chứng tỏ những giới hạn của nó và đã đến lúc cần được xét lại.

Đây không phải là lần đầu tiên mà chủ thuyết "thị trường tự do và đồng tiền vững mạnh" bị xét lại. Cho tới cuối thập niên 1920, chủ thuyết này được áp dụng thẳng tay với sự vắng mặt của các định chế tài chính quốc tế đóng vai trò điều hợp và đã gây ra đổ vỡ lớn cho cả thế giới với cao điểm là cuộc đại khủng hoảng 1929-1930 với hậu quả là đưa các đảng phát xít lên cầm quyền tại Ý và Đức dẫn đến thế chiến II với các trại tập trung, lò thiêu người và hàng chục triệu người chết vì bom đạn trên khắp thế giới. Tại Mỹ, cuộc khủng hoảng này đã đưa Franklin D. Roosevelt lên cầm quyền với chính sách New Deal mà nét đậm là tăng cường vai trò điều hợp của nhà nước để tránh khủng hoảng. Trên khắp thế giới, từ thập niên 1930 trở đi, sự bùng nổ toàn diện và tuyên truyền tích cực của Liên Xô cũng đã khiến cả thế giới tin tưởng là đã có một bước tiến bộ nhảy vọt tại Liên Xô và tại các nước cộng sản. Những "thành tựu" bịp bợm này đã khiến thế giới tin rằng kinh tế chỉ huy và hoạch định có thể là một giải pháp thay thế cho kinh tế thị trường tự do của chủ nghĩa tư bản.

Kinh tế không phải là một khoa học chính xác nên trong suốt hai thập niên 1950 và 1960 đã có vô số tác phẩm đã phá kinh tế thị trường tự do và cố chứng minh hiệu lực của kinh tế chỉ huy với những lý luận gò ép. Những tiếng nói đúng đắn và chính xác không thiếu trong giai đoạn này nhưng đã không được dành sự chú ý xứng đáng. Kết quả của những tranh cãi này là một chủ nghĩa tư bản lúng túng tại Hoa Kỳ và một chủ nghĩa dân chủ xã hội tại Tây Âu, trong khi các nước chậm tiến

và cố tìm cách vươn lên thì bối rối giữa vô số các lý thuyết về phát triển, mà đặc tính chung là đề cao vai trò chủ động của nhà nước.

Lý thuyết kinh tế thời thượng trong thập niên 1960 và đầu thập niên 1970 là lý thuyết của J.M. Keynes, chủ trương phát triển kinh tế bằng cách khuyến khích tiêu thụ và chi tiêu công cộng. Phân tích kinh tế của Keynes có nhiều điểm chính xác nhưng chủ thuyết Keynes được đem áp dụng chỉ là một chủ thuyết sơ đẳng, theo đó muốn phát triển cần đầu tư và tiêu thụ thật nhiều, ngay cả bằng cách vay nợ. Đây là một chủ thuyết rất hấp dẫn với người cầm quyền: còn gì tiện nghi hơn là cứ tung ra những công trình lớn và tốn kém, vừa bằng cách đổ hết tài nguyên quốc gia vừa bằng cách đổ vay nợ, ăn xài cho thật nhiều rồi sẽ có phần vinh! Từ giữa thập niên 1970, lý thuyết Keynes giản lược này đã đưa hầu hết mọi quốc gia đang mở mang đến chỗ phá sản. Dĩ nhiên cuộc khủng hoảng dầu lửa đã đóng vai trò đáng kể khiến cho sự phá sản không tránh khỏi này đến sớm hơn và một cách trầm trọng hơn.

Từ đầu thập niên 1980, thế giới trở về với chủ trương kinh tế cổ điển hồi đầu thế kỷ: phát triển kinh tế phải dựa trên thị trường tự do và đồng tiền vững mạnh, nhưng lần này chủ trương này được gọi bằng một tên mới là "đồng thuận Washington". Thực ra đồng thuận Washington không phải hoàn toàn cũ, lần này đã có thêm một yếu tố rất quan trọng là các định chế tài chánh quốc tế: Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, Ngân Hàng Thế Giới và các ngân hàng phát triển khu vực. Niềm tin nền tảng từ thập niên 1980 trở đi là với những định chế phối hợp và điều chỉnh mới, chủ thuyết kinh tế tự do cổ điển (thị trường tự do với đồng tiền vững mạnh) từ nay có thể áp dụng được. Sự sụp đổ tiếp theo đó của khối cộng sản đã biến đồng thuận Washington thành gần như một chân lý.

Điều đáng chú ý của đồng thuận Washington là nó đã tạo ra một tiện nghi tương tự như chủ thuyết Keynes ở dạng sơ đẳng trước đây. Nhưng lần này những người thụ hưởng không phải là các chính phủ mà là các ông quan kinh tế của các định chế IMF và World Bank. Họ chỉ cần tới thủ đô của một nước đang cần được tài trợ, cư ngụ tại những khách sạn sang trọng và khuyến cáo cắt giảm chi phí để chống lạm phát và bảo vệ giá trị của đồng

tiền. Không phải là quá đáng nếu nói rằng chính đồng thuận Washington đã đóng vai trò quyết định tạo ra những khó khăn hiện tại và những nguy cơ đang đe dọa thế giới. Xét lại đồng thuận Washington vì thế là điều cần thiết.

Một cách giản dị, đồng thuận Washington có một điểm đúng, một điểm sai và một thiếu sót.

Điều đúng là kinh tế thị trường tự do. Mọi kinh nghiệm của mọi quốc gia đều chứng tỏ rằng các biện pháp bảo vệ kinh tế, dành đặc ân một số hoạt động, ngăn chặn một số sinh hoạt khác, v.v... nói chung là mọi can thiệp có tác dụng cường lại khuynh hướng tự nhiên của thị trường, và do đó giới hạn cạnh tranh, đều có chung hậu quả là gây ra những tai hại lớn hơn những lợi ích trước mắt. Thị trường tự do là điều tối cần thiết cho ý kiến và sáng kiến, đôi chân của phát triển.

Điều sai của đồng thuận Washington là chủ trương giữ đồng tiền mạnh bằng cách bảo vệ một hối suất cố định. Sự vô lý của quan niệm này đáng lẽ phải rất hiển nhiên. Hối suất giữa các đồng tiền quốc gia phản ánh vào mỗi thời điểm sức mạnh tương đối của mỗi nền kinh tế. Nếu không có gì bảo đảm rằng mọi quốc gia có hiệu năng kinh tế ngang nhau thì cùng không có lý do nào để giữ nguyên hối suất. Sự ổn vững của đồng tiền là điều mọi người đều mong muốn, nhưng sự ổn vững thực sự của đồng tiền trước hết là ở chỗ nó phản ánh đúng sức mạnh của một nền kinh tế, nghĩa là sức mạnh của đồng tiền phải được bảo đảm bằng hoạt động kinh tế quốc gia chứ không thể bằng những biện pháp tài chánh như đồng thuận Washington làm cho người ta hiểu. Chính chủ trương "đồng tiền mạnh" đã khiến Thái Lan tiêu hao gần hết ngoại tệ dự trữ trong vòng hai tuần lễ mùa hè 1997 để giữ nguyên trị giá của đồng bath và cuối cùng phá sản, khởi đầu cuộc khủng hoảng dây chuyền tại Đông Á. Cùng chính chủ trương này đã khiến các nước Châu Âu khốn khổ vì hụt hơi chạy theo đồng Mark của Đức và đã bị trì trệ trong nhiều năm. Đằng sau chủ thuyết "đồng tiền vững mạnh" là hậu ý tốt ngăn ngừa lạm phát gây trở ngại cho các dự án đầu tư, nhưng không một lý thuyết nào hay một kinh nghiệm nào có thể chứng minh là một mức lạm phát dưới 20% có thể gây phương hại cho phát triển.

Và điều thiếu sót của đồng thuận Washington, khiến nó trở thành lỗi thời,

là nó đã không tiên liệu được rằng ngày nay một vài người gõ một vài lệnh trên bàn phím máy computer có thể di chuyển trong vài giây đồng hồ từ đầu tới cuối trái đất một khối lượng tiền tệ lớn gấp nhiều lần tổng sản lượng của một quốc gia tầm vóc trung bình. Khối "tiền nóng" này, gồm chứng khoán và nợ ngắn hạn, đã là nguyên nhân chính của những khủng hoảng trầm trọng tại Châu Á, Châu Mỹ La Tinh và Nga.

Xét lại đồng thuận Washington là điều cần thiết, nhưng phải xét lại một cách đúng đắn, nghĩa là giữ điều đúng, bỏ điều sai và bổ túc điều thiếu sót. Phải tôn trọng hơn nữa qui luật thị trường tự do cho tới nay vẫn bị các can thiệp của nhà nước, và tham nhũng, làm sai lệch. Phải thay thế giáo điều "đồng tiền mạnh" bằng quan niệm "đồng tiền thực", nghĩa là thả nổi hoặc điều chỉnh thường xuyên hối suất để phản ánh đúng thực tại kinh tế. Và nhất là phải có những qui định để giới hạn tác dụng của khối tiền đầu cơ ngắn hạn. Càng ít qui định càng hay cho hoạt động kinh tế, nhưng không phải vì thế mà thế giới không cần một số qui định chung. Vấn đề thực sự hiện nay là một khối lượng tiền tệ có thể làm đảo lộn sinh hoạt thế giới lại không có một kiểm soát nào cả.

Một cách cụ thể, đối với một quốc gia đang cần ra khỏi lạc hậu như Việt Nam, chọn lựa kinh tế đúng đắn là không ngừng tăng cường kinh tế thị trường và cạnh tranh; giải tư các xí nghiệp quốc doanh; hoan nghênh mọi đầu tư trực tiếp, nghĩa là hùn vào vốn cố định, xây dựng nhà máy, lập công ty từ bất cứ quốc gia nào vào bất cứ ngành nào, có tránh những biện pháp can thiệp như nâng đỡ, ngăn chặn; thả nổi hay điều chỉnh liên tục hối suất đồng tiền để phản ánh đúng thực tại kinh tế; và nhất là qui định cho các công ty một tỷ lệ vừa phải, so với vốn và dự trữ, của tổng số nợ ngắn hạn và số tiền động viên được trên thị trường chứng khoán.

Những tranh cãi về đồng thuận Washington đã bắt đầu. Trong những ngày sắp tới sẽ không thiếu những lập luận sai lệch, hoặc với gian ý, bài xích kinh tế thị trường và nhân cơ hội bào chữa cho các chế độ độc tài. Chúng ta cần cảnh giác ngay từ bây giờ để giữ vững niềm tin trong cuộc đấu tranh cho một nền dân chủ thị trường.

Thông Luận

Liên bang Úc đa nguyên

Cuộc bầu cử lập pháp tại Úc ngày thứ bảy 03-10-1998 để thay thế 148 ghế tại Hạ viện và 40 ghế tại Thượng viện với kết quả Thủ tướng đương nhiệm John Howard, chủ tịch đảng Bảo thủ, đã thắng đảng Lao động do Kim Beazley lãnh đạo, với một tỷ số rất sát sào.

Đảng *Một Quốc Gia* (One Nation), đảng cực hữu quá khích của bà Pauline Hanson đã thất bại ê chề, chứng tỏ tinh thần yêu chuộng đa nguyên của cử tri Úc và sự lựa chọn dứt khoát của dân tộc này để hòa nhập vào cộng đồng Châu Á.

Bà Pauline Hanson, từ năm 1996, trở thành một khuôn mặt nổi tiếng trên chính trường Úc. Sau khi được bầu làm dân biểu, bà đã có những biểu văn nặng mùi quốc gia quá khích lên án chính sách trợ giúp thổ dân Úc và chính sách di trú kiều dân Á Châu. Với chủ trương một nước Úc da trắng và nông nghiệp, bà Pauline Hanson đưa ra một chương trình không cho di dân vào Úc, hạ thấp mức trợ giúp thổ dân, tái lập án tử hình và bảo hộ mậu dịch. Nông dân Úc gặp nhiều khó khăn vì giá cả thị trường lúa gạo, thịt cừu, len... xuống thấp, lại bị những gò bó của chính sách bảo vệ môi sinh và nhất là họ cảm thấy bị hăm dọa nặng nề sau khi Tối cao Pháp viện đưa ra luật thừa nhận quyền cổ truyền của thổ dân trên đất đai của ông cha họ. Nghĩa là các nông dân da trắng người Úc có thể bị truất hữu trên những mảnh đất họ đang khai thác, vốn là đất của thổ dân Úc. Trong tình trạng tâm lý thuận lợi này, biểu văn của bà Pauline Hanson đã có hậu thuẫn, nhất là tại tiểu bang Queensland nơi bà sinh sống. Vào tháng sáu vừa qua, đảng *Một Quốc Gia* đã chiếm được 11 ghế tại Quốc hội tiểu bang Queensland.

Để chặn đứng hiểm họa đưa dân Úc vào con đường quốc gia quá khích bởi những luận điệu mị dân của bà Pauline Hanson, Thủ tướng đương nhiệm John Howard, đã giải tán Quốc hội và tổ chức một cuộc bầu cử lập pháp trước hạn kỳ. Đây là một chiến thuật khá khôn ngoan. Bà Pauline Hanson, vốn không phải là một chính trị gia chuyên nghiệp, trước

kia chỉ là một chủ quán bán cá và khoai chiên (chips) tại thành phố Ipswich, một thành phố hẻo lánh nằm ở vùng duyên hải thuộc tiểu bang Queensland.

Không chuẩn bị kịp trong cuộc bầu cử trước hạn kỳ này, đảng *Một Quốc Gia* đã lúng túng trong những cuộc vận động tranh cử. Các đảng viên đã lộ bộ mặt mị dân và thiếu trình độ chính trị, có thể nói là thiếu giáo dục. Một số phóng viên, nhà báo đã bị xỉ vả là "chó", khi chất vấn các đảng viên của đảng *Một Quốc Gia*. Kết quả là đảng này hoàn toàn thất bại trên bình diện quốc gia, tuy rằng họ có một số quần chúng địa phương tại tiểu bang Queensland. Điều đó nói lên tinh thần bao dung, đa nguyên của đại đa số dân Úc.

Nước Úc da trắng có thể xem được thành hình từ năm 1788, khi những tù nhân người Anh bị án lưu đầy (convict) đổ bộ lên cảng Jackson (Sydney), bắt đầu cho phong trào định cư của thực dân Anh tại Úc.

Những nhận định thông thường vẫn cho rằng Úc vốn là nước của con cháu những tù nhân bị lưu đầy, nghĩa là những dân anh chị, do đó Úc phải có một truyền thống thực dân, nhất nguyên, thượng tôn dân da trắng và bảo thủ.

Thật ra dân Úc đã có tinh thần đa nguyên rất sớm, tương đối với lịch sử rất trẻ của quốc gia này. Úc trở thành một quốc gia độc lập với tên là Khối thịnh vượng chung Úc, vào ngày 01-01-1901 với sáu tiểu bang. Mười năm sau đó, năm 1911, Lãnh địa phương bắc (Northern Territory) đại đa số là thổ dân (khoảng 50.000 người) trở thành một tiểu bang.

Vào năm 1922, họ có quyền bầu một dân biểu vào Hạ viện, được quyền bỏ phiếu những đạo luật có liên hệ trực tiếp đến lãnh thổ của mình. Vào năm 1968, dân biểu của Lãnh địa phương bắc được toàn quyền tham dự tất cả các cuộc bầu phiếu.

Trong lịch sử của Úc, một số dữ kiện khác đã nói lên tinh thần bao dung, đa nguyên của dân tộc này.

Đảng Cộng sản Úc không có một đại

diện nào tại Quốc hội. Một đạo luật giải tán đảng Cộng sản Úc đã bị Tối cao pháp viện xét là bất hợp hiến và đã bị bãi bỏ vào năm 1951 sau một cuộc trưng cầu dân ý.

Thường thường, những người theo đạo phần đông là bảo thủ, luôn luôn ủng hộ các đảng chính trị hữu khuynh. Ba phần tư cử tri người Úc theo đạo Công giáo thì lại rất cấp tiến, bầu cho đảng Lao động. Những tổ chức Hành động Công giáo (Catholic Action) cố gắng khuynh loát đảng Lao động Úc để có thể ảnh hưởng trên những chính sách kiểm soát sanh đẻ hoặc giáo dục giáo lý. Họ lại còn có tham vọng dùng đảng Lao động để ảnh hưởng trên các nghiệp đoàn.

Gần đây, vào tháng 9 năm 1988, khi chính phủ Hà Nội kết án tử hình hai Thượng tọa Trí Siêu và Tuệ Sĩ, chính phủ Úc rất hăng hái trong việc đòi giảm án cho hai vị tu sĩ Phật giáo này. Đại sứ Úc tại Hà Nội vào lúc đó, Graham Alliband, luôn luôn tiếp xúc với bộ Ngoại giao Việt Nam để có tin tức của hai Thượng tọa. Ngày 20-09-1988, Thủ tướng Úc, bị thượng nghị sĩ Margaret Reid chất vấn, đã yêu cầu bộ Ngoại giao Úc theo dõi vụ án này. Ngày 21-10-1988, Bộ trưởng Ngoại giao Úc, Ganeth Evans, đã ra chỉ thị cho Đại sứ tại Hà Nội trình bày các trường hợp của hai Thượng tọa Trí Siêu, Tuệ Sĩ và ông Trần Văn Lương với Thứ trưởng Ngoại giao Hà Nội, Bùi Hồng Phúc. Ganeth Evans cho biết rằng các án tử hình này làm cho nhân dân Úc và Quốc hội Úc rất phẫn nộ, yêu cầu phải cho các người bị kết án quyền được biện hộ và cho rằng các án tử hình này sẽ làm tổn hại rất lớn đến cuộc bang giao tốt đẹp giữa hai nước. Trong thời điểm này, Việt Nam bị Hoa Kỳ cấm vận. Các nước Tây phương giàu có không viện trợ. Chỉ có Úc và một vài nước Bắc Âu giúp đỡ Việt Nam, bất chấp lệnh cấm vận. Hậu quả là hai bản án tử hình đã biến thành hai mươi năm tù.

Nhân dân, Quốc hội và Chính phủ Úc chắc chắn vui mừng khi nghe tin hai vị Thượng tọa Thích Trí Siêu và Thích Tuệ Sĩ được tự do vào tháng 9 vừa qua. Đây là thắng lợi nhân dân Úc có quyền tự hào, cũng là niềm tự hào chung của Mặt trận Dân chủ toàn cầu.

Huỳnh Hùng

LTS: Nói tới Cuba, người ta thường liên tưởng tới một miền đất vui tươi, nơi dân chúng ca hát, nhảy điệu salsa ở mỗi góc đường. Những người mê du lịch còn nói đó là xứ của những bờ biển san hô xanh rợp bóng dừa, những ai ham thích xe hơi cũ đều muốn đến để nhìn những chiếc xe huê kỳ bóng loáng, của thập niên 50, chạy trên những đại lộ thênh thang. Những người yêu mến cách mạng cho đó là nơi sản xuất những vị anh hùng. Nói chung, trong trí tưởng tượng của nhiều người Cuba là một đất nước đẹp, dân chúng sống thanh bình và hạnh phúc, ít ai nghĩ rằng đó là một nước vẫn còn theo đuổi chủ nghĩa cộng sản một cách trung kiên.

Nguyễn Văn Huy vừa từ Cuba về sau một chuyến viếng thăm mười ngày, từ 18 đến 27-9-1998. Anh đã đi khắp đảo từ Đông sang Tây, tiếp xúc với người bản xứ, sau đây là một vài ghi nhận.

Nhờ chiếm giữ một vị trí chiến lược quan trọng, Cuba là cửa khẩu lý tưởng để khối cộng sản quốc tế cạnh tranh với uy tín và sức mạnh của Hoa Kỳ tại Châu Mỹ la tinh. Trong suốt ba thập niên, từ 1960 đến 1990, được Liên Xô và các nước cộng sản Đông Âu tận tình giúp đỡ, Cuba đã biến từ một miền đất nghèo khổ, lạc hậu thành một đất nước hùng cường, giàu mạnh. Cuba là mẫu mực thành công của chủ nghĩa xã hội ngay tại Châu Mỹ: chênh lệch giữa thôn quê và thành thị hoàn toàn biến mất, mức sống dân chúng được nâng cao, lợi tức đầu người năm 1990 được ước lượng khoảng 3.000 USD/năm. Những thành tựu về văn hóa, giáo dục, y tế và xã hội của Cuba được bộ máy tuyên truyền của khối cộng sản phô trương càng khiến các quốc gia nhược tiểu trên toàn thế giới ngưỡng mộ, Cuba trở thành một thứ ba và tiếng nói của Fidel (tên gọi thân mật của Fidel Castro) có trọng lượng đặc biệt trong các hội nghị quốc tế. Mặc dù bị Hoa Kỳ cấm vận kinh tế, cách mạng Cuba vẫn được xuất cảng sang Châu Mỹ la tinh và Châu Phi da đen, Che Guevara và Fidel Castro là thần tượng của giới trẻ khuynh tả tại nhiều nước phát triển. Người ta nói tới "chủ nghĩa anh hùng cách mạng", "thiên đường xã hội chủ nghĩa" Cuba, v.v... Nhưng...

Thực tế đã không phải vậy. Sự thành công của Cuba hoàn toàn giả tạo, nó không được tạo nên bởi khả năng thực sự của con người và đất nước Cuba mà do bàn tay của khối cộng sản, đúng hơn là Liên Xô, nhào nặn ra. Người Cuba không cần làm gì cả cùng sống trong sung túc. Tất cả những công trình

xây dựng cơ bản (hải cảng, phi trường, xa lộ, cơ xưởng, nhà máy), những trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật quân sự và dân sự, kể cả lương thực thực phẩm, năng lượng, xăng dầu và giáo dục đều được tặng không. Trị giá tổng sản lượng hàng hóa nông nghiệp, ngư nghiệp và quặng mỏ (đường mía, mỏ quặng, hải sản, thuốc lá và sản phẩm lát vật khác) mà Cuba xuất khẩu sang Liên Xô và Đông Âu không thấm vào đâu so với lượng hàng hóa khổng lồ nhận được. Toàn bộ sinh hoạt của Cuba do đó hoàn toàn lệ thuộc vào sự giúp đỡ của khối này, và khi khối cộng sản Liên Xô và Đông Âu sụp đổ cơ thể Cuba không còn đứng vững. Cuba trở thành một nước nghèo, rất nghèo.

* * *

Vừa ra khỏi phi cảng quốc tế José Martí, sự nghèo khó hiện ngay trước mắt. Đường sá thưa vắng bóng người, xe cộ hiếm hoi; mặt đường có đoạn trắng nhựa có đoạn không, hư hỏng và lầy lội. Ngoài trừ con đường chính đi từ phi cảng vào thẳng trung tâm thủ đô La Havana, lộng lẫy và rộng lớn - đại lộ này dẫn thẳng đến Công Trường Cách Mạng, nơi có thể chứa khoảng một triệu người mỗi dịp lễ lớn, đây là khu vực đẹp nhất nước với những hàng dừa và đồi cỏ được chăm sóc đặc biệt dành riêng cho đảng cộng sản và chính quyền Cuba hội họp - những nơi khác rất là ảm đạm.

Cách Công Trường Cách Mạng độ vài trăm thước là khu dân cư. Bước vào nơi đây người ta có cảm tưởng như lạc vào Beirut: đường phố chật hẹp, nhà cửa tối tăm, rào vách siêu vẹo, rác rưởi và cỏ hoang ngập đầy trên hè phố. Những ngôi biệt thự trắng lè xua kia có từ thời thuộc địa phủ đầy rêu phong đen đui, trụ

cột loang lỗ để lộ gạch đá tường như nhà hoang, đến gần mới biết bên trong có tới năm bảy hộ dân sinh sống chật chội. Ngoài đường phố, dân chúng qua lại nét mặt lo âu, áo quần xốc xếch. Điện nước bị cúp liên miên, dây điện giăng chằng chịt trên khắp nẻo đường, sợi cao sợi thấp. Mỗi khi có giông cảnh cây, mái tôn, trụ đèn và dây điện rơi rớt ngổn ngang. Đó là chưa kể vô số hầm to hố nhỏ phục kích khắp nơi, vô phúc cho khách bộ hành nào chẳng may lọt xuống, xe cứu thương không có xăng để chở vào bệnh viện và bệnh viện thì thiếu thốn thuốc men.

Xe cộ tuy không nhiều nhưng có đủ loại, từ xe vận tải hạng nặng, xe quân sự, xe hàng tha hồ phun khói đến các loại taxi đủ màu đủ kiểu (xe huê kỳ to keng cang cỡ lớn của thập niên 50, xe Liên Xô, Tiệp Khắc và Đông Đức cũ kỹ, xe Nhật, Đức, Ý và Pháp tân kỳ). Tất cả các loại xe bốn bánh này đều của nhà nước, kể cả những xe có hơn 40 tuổi đời, tư nhân không có quyền có xe hơi riêng, những ai lái xe ngoài giờ làm việc chở khách kiếm thêm tiền phải thuê các cơ quan chủ quản. Xăng dầu bị kiểm soát gắt gao nhưng những người lái taxi lậu vẫn có thể mua xăng dễ dàng, giá xăng lậu rẻ hơn xăng chính thức vì được đánh cắp từ các bồn xăng thô chưa lọc, xăng lậu thường rất hôi thối và hay làm hỏng máy. Cuba cũng có xe lửa nhưng chỉ dùng để chở mía và đường; do không có bảng báo hiệu trên các đường phố, xe cộ và khách bộ hành bị xe lửa cán chết là chuyện thường xuyên. Cách xa trung tâm thành phố năm mươi cây số, sự nghèo khó càng hiện rõ hơn. Nhà cửa đen đui, bùn đất bám đầy tường vách, cỏ hoang mọc ngay trước thềm nhà. Quán

hàng không có, dân chúng đứng ngồi trằn lan, áo quần dơ bẩn. Phương tiện di chuyển là xe đồ, xe máy cày, xe gắn máy, tất cả đều do Liên Xô chế tạo và rất cũ kỹ; ngoài ra còn có xe đạp, xe bò và xe ngựa. Tại những làng xa xôi, xe cày và xe ngựa là phương tiện duy nhất dùng để chở người và chở hàng, mặt đường phần lớn được lát đá hoặc đất. Trên các tuyến đường liên tỉnh, sự di chuyển rất là khó khăn, cứ mỗi hai ngày mới có một chuyến xe và phải trả bằng đô la. Mặc dầu không bị cấm di chuyển, dân chúng ít dám đi lại vì không có tiền, giá di chuyển trung bình mười cây số là một đô la Mỹ.

Tất cả các phương tiện sản xuất (nhà máy, công xưởng) trong nước đều do nhà nước quản lý, đất đai và nông trại cũng vậy. Tại khắp nơi, người ta chỉ thấy các công trường trồng mía và thuốc lá, thỉnh thoảng có vài nơi trồng lúa, cà phê và cây ăn trái. Cuba hơi giống Việt Nam, khí hậu nóng ẩm và đất đai thích hợp với nghề trồng lúa nhưng, như trong mọi chế độ độc tài, chính quyền quyết định sản xuất mía đường xuất khẩu tất cả ruộng đất chỉ được trồng mía, dân chúng không đủ lúa gạo để ăn. Có lẽ đây là mục đích mong muốn của chính quyền, bản cùng hóa quần chúng để dễ bề cai trị. Lương thực, thực phẩm được phân phối theo chế độ tem phiếu, mỗi ngày dân chúng phải đến xếp hàng trước các cửa hàng để mua.

Tiền lương lãnh được quá thấp, mọi người đều tìm cách kiếm thêm ngoài giờ làm việc, sự lãng phí thời giờ và nạn ăn cắp của công lan tràn khắp nơi. Người giữ xăng ăn cắp xăng, người sản xuất xì gà ăn cắp xì gà, người giữ tôm ăn cắp tôm, v.v... tất cả phải tự xoay sở để được tồn tại. Ăn xin là một hiện tượng mới xuất hiện sau 1993 khi chính quyền cộng sản Cuba mở cửa đón nhận du khách ngoại quốc. Qua tiếp xúc với người nước ngoài, dân chúng Cuba mới chợt phát hiện đất nước họ rất nghèo và thua kém nước ngoài về đủ mọi mặt. Khu vực nào nghèo, nơi đó kẻ ăn xin càng đông, đặc biệt là các thành phố nông nghiệp phía Đông (Santiago de Cuba và Holguin) chỉ sản xuất mía đường và thuốc lá. Người ăn xin không xin tiền mà chỉ xin sà bông, thuốc men và áo quần, họ tập trung ở những dinh

thự lịch sử, bờ biển, khách sạn, xưởng sản xuất thuốc xì gà.

Nạn thiếu hàng hóa là hậu quả tất nhiên của chính sách tân thực dân mà mục tiêu chính là duy trì bóc lột và lệ thuộc của những quốc gia nhược tiểu. Liên Xô và các nước cộng sản Đông Âu trước kia chỉ giúp xây dựng những cơ xưởng sản đường mía, cà phê, thuốc để mang về nước và viện trợ cho không hàng tiêu dùng mà không xây dựng cơ xưởng sản xuất. Khi viện trợ chấm dứt, nguồn hàng tiêu dùng cũng chấm dứt theo. Cộng đồng người Cuba tại Mỹ có gởi tiền và hàng về giúp đỡ gia đình, nhưng không thấm vào đâu so với nhu cầu trong nước. Phần lớn nguồn hàng ngoại nhập đều do những đường dây buôn lậu quốc tế đưa vào, giá cả ngoài tầm với của dân nghèo.

* * *

Cuba đang sống những ngày khó khăn, thiên đường xã hội chủ nghĩa hoàn toàn sụp đổ. Ba nước cộng sản còn lại không có khả năng giúp Cuba vượt qua khó khăn, Bắc Hàn đang thiếu đói, Trung Quốc không còn hào phóng như xưa, Việt Nam thì quá nghèo chỉ có thể bán gạo gia rẻ, Fidel phải bôn ba đi khắp thế giới để xin viện trợ, kể cả Tòa Thánh Vatican nơi mà trước kia ông không tiếc lời thóa mạ. Xã hội Cuba bị buộc áp dụng kinh tế thị trường với tất cả những cơ may và rủi ro của nó. Trong giai đoạn chuyển tiếp, các chính sách thoát hiểm của chính quyền cộng sản hiện nay chứa đầy nghịch lý, nó có thể là những ngòi nổ phá tung chế độ bất cứ lúc nào. Tất cả chỉ vì đồng đô la Mỹ, một ngoại tệ mà cách đây hơn 5 năm người nào có trong tay có thể bị kết án 15 năm tù.

Nghịch lý thứ nhất là mặc dầu Cuba có đồng tiền riêng, đồng peso, nhưng mọi trao đổi trong nước đều bằng đô la Mỹ. Đồng peso chỉ còn giá trị ở vùng thôn quê và các quầy hàng phân phối thực phẩm. Tại các thành phố lớn đồng tiền quốc gia hoàn toàn vô giá trị, các cửa hàng quốc doanh niêm yết giá cả hàng hóa và dịch vụ bằng đô la Mỹ. Nhà nước còn phát hành một loại peso đặc biệt hoán chuyển ra đô la Mỹ, nhưng chỉ có giá trị tại Cuba mà thôi. Lương tiền được trả bằng pesos nhưng khi mua hàng cao cấp (sà bông, nước

ngọt, thuốc lá đầu lọc, bánh kẹo, thịt cá...) phải trả bằng đô la (lương trung bình một công nhân bằng 7 đô la một tháng (140 pesos), lương một cán bộ trung cao cấp 25 đô la/tháng). Giá một cục sà bông thơm là một đô la, một bao thuốc thơm giá 2 đô la, một chiếc áo thun dệt 5 đô la, v.v...

Nghịch lý thứ hai là sự tập trung quá đáng vào việc xuất khẩu để thu ngoại tệ làm nảy sinh một giai cấp nô lệ mới, những người sản xuất hàng hóa trực tiếp, không biết một quyền nào khác ngoài quyền phải làm công cho nhà nước với đồng lương chết đói. Nhà nước sở hữu toàn bộ số lượng sản phẩm làm ra và muốn sử dụng ra sao cũng được. Loại hàng hóa nào bị xếp hàng xuất khẩu (đường mía, thịt bò và tôm hùm) thì dân chúng trong nước bị cấm tiêu dùng. Chính sách bất bình đẳng giữa người sản xuất và người tiêu dùng chỉ có trong các chế độ nô lệ. Tôm hùm là hàng xuất khẩu, ai bị bắt quả tang ăn tôm hùm hay bắt trộm trên sông biển sẽ bị phạt vạ nặng, có khi còn đi tù, chỉ có người ngoại quốc mới được hưởng thụ. Là nước sản xuất đường mía hạng thứ 9 trên thế giới (4,5 triệu tấn, 3,7% thị trường quốc tế), dân Cuba chỉ được tiêu dùng đường hạ phẩm.

Nghịch lý thứ ba là sự phí phạm chất xám và tuổi trẻ. Hàng ngàn thanh niên tốt nghiệp các trường đại học lớn trong nước hiện đang đổ xô tìm việc tại các khu du lịch để được trả lương bằng đô la, tất cả đều nói thông thạo một vài sinh ngữ. Một nữ nhân viên quét dọn khách sạn cho biết: *"Tôi trước kia là nha sĩ, nay rất thích được phục vụ tại đây vì được trả lương bằng đô la, 50 đô la một tháng, hơn hẳn các bạn đồng nghiệp của tôi còn đang phục vụ trong một bệnh viện lớn của quân đội tại thủ đô La Havana, đó là chưa kể tiền hoa hồng do du khách tặng"*. Trên đường phố, thanh niên nam nữ tranh nhau chiêu mời khách du lịch mua một hàng món hàng nào đó để nhận đô la, tất cả đều học xong hết bậc trung học.

Nghịch lý thứ tư là mặc dù tiếp tục duy trì chủ nghĩa xã hội, các giá trị công bằng xã hội trong nước đều bị bỏ rơi. Khẩu hiệu "xã hội chủ nghĩa hay là chết" nay đã lỗi thời, dân chúng giễu cợt "không có đô la thì chết". Sự thượng tôn

quá đáng đồng đô la Mỹ làm nảy sinh tệ trạng phân biệt đối xử giữa người trong nước với người nước ngoài, giữa người có đô la và người không có đô la. Ai muốn được ưu tiên phục vụ, nhất là khi đón xe, phải cầm trong tay một vài đô la phát qua phát lại trước gió để may ra có một chiếc xe nào đó ngừng lại chờ đi, không có đô la chỉ có đi bộ. Du lịch là nguồn thu nhập ngoại tệ lớn nhất, tất cả các công ty du lịch, khách sạn, nhà hàng, hãng taxi đều nằm trong tay đảng cộng sản, công an và quân đội, người dân thường muốn được nhận vào làm phải qua chế độ xét duyệt lý lịch gắt gao. Gia đình những cán bộ trung cao cấp còn được phép giao tiếp với du khách, như cho thuê phòng trọ, mở quán ăn tại nhà riêng để gia tăng thu nhập, trong khi dân chúng bị cấm. Thêm vào đó những dịch vụ y tế và xã hội chỉ ưu tiên dành cho những người phục vụ trong guồng máy đảng và nhà nước.

Nghịch lý thứ năm là sự bóp nghẹt thông tin và kiểm soát tư tưởng trong sinh hoạt. Chính sách này không phân biệt người trong nước hay người ngoại quốc. Vừa bước xuống phi cảng quốc tế José Martí, du khách liền bị bao vây bởi một hàng rào cảnh sát và nhân viên hải quan, phải xếp hàng chờ đợi để được kiểm soát thẻ thông hành, thời gian trung bình từ nửa tiếng đến một giờ, kể là khai báo những đồ vật mang theo. Tại đây du khách phải để nhân viên quan thuế lục soát cơ thể và khai báo những vật dụng mang theo, báo chí thì bị tịch thu. Trên nguyên tắc người dân trong nước không được tiếp xúc trực tiếp với người ngoại quốc, nhưng mọi người bắt chấp lệnh cấm này để buôn bán với khách ngoại quốc.

Những nghịch lý nói trên đang chia rẽ xã hội Cuba. Người có đô la có tất cả mọi quyền, người không có đô la không có gì cả. Sự thua kém của Cuba so với các nước khác trong vùng không còn che giấu được ai, giới trẻ Cuba tuổi từ 18 đến 30 (2/3 dân số) đang cố gắng vươn lên trong một xã hội nghẹt thở, nhưng họ chưa sót nhận thấy không có chỗ đứng cho những người bên ngoài guồng máy. Dân tộc Cuba không xứng đáng có số phận như hiện nay, chế độ độc tài này phải thay đổi.

Nguyễn Văn Huy

Mạn Đàm

VỀ MỘT CUỘC ĐỐI THOẠI QUỐC-CỘNG

Trần Thanh Hiệp

Vào những năm 70, một biến cố như việc Tổng bí thư Đảng cộng sản Trung Quốc công khai hội đàm với một ủy viên thường trực Bộ chính trị của Trung Quốc Quốc Dân Đảng mang ủy nhiệm chính thức của “chính phủ Trung Hoa Dân Quốc” - đúng ra chỉ là chính quyền thực tế ở Đài Loan - chắc chắn đã phải là một tin giật gân loại “scoop” để các cơ quan truyền thông quốc tế giành giật nhau! Nhưng vào thời điểm những năm cuối của thập niên 90, ngay trên một tờ báo chính trị hàng ngày có uy tín lớn như tờ Le Monde, tin này khởi đầu chỉ được loan đi dưới dạng rút gọn vào mấy dòng để rồi ít ngày sau, khi cuộc hội đàm chấm dứt, mới có một bài tường thuật hạng nhì, đăng ở trang 5.

Điều gì đã làm sục giá truyền thông như vậy một biến cố chính trị đánh dấu cuộc gặp gỡ không ai chờ đợi, 49 năm sau khi tiếng súng ngưng nổ giữa hai phe tử thù đã thực sự nhiều phen tử chiến - phe quốc và phe cộng của Trung Quốc? Khó có thể tìm được những giải đáp dứt khoát, thật hiển nhiên. Nói chung, có lẽ là vì dưới mắt người ngoài, cuộc sống đã biến đổi, quốc đã chẳng còn là quốc nữa mà cộng cũng thôi hết là cộng rồi. Như vậy tại sao có người còn coi đó vẫn là một hiện tượng quốc cộng? Nặng lòng hoài cổ hay bệnh tâm thần hay quá khích hay cuồng tín? Không. Chỉ là ký ức, chỉ là tiếng kêu của một bi kịch quốc-cộng trong đó hàng tỉ người dân - Tàu và Việt - đã chìm đắm trong hai phần ba thế kỷ.

Muộn mà lại vẫn còn sớm.

Nhớ lại 49 năm về trước, khi gần 2 triệu người vừa quân vừa dân của phe quốc trước chiến thắng của phe cộng, phải rời bỏ lục địa chạy về Đài Loan tìm đất sống thì lẽ sống của phe quốc chỉ có thể là “tái chiếm lục địa”. Nhưng với thời gian giắc mơ này đã không còn những

nét rực rỡ thừa ban đầu. Năm 1975, người thủ lĩnh già họ Tưởng qua đời, mang theo hình ảnh của một vị tướng một thời oanh liệt những năm 20 từng cầm quân bắc phạt cộng phi và công lao 26 năm trường nhen nhúm ở hải ngoại ngọn lửa phục hận để trở về đất liền đánh đuổi phe cộng, khôi phục quyền lực cho phe quốc. Mộng tái chiếm lục địa từ đó về sau đã trở thành một ảo ảnh ngày càng xa vời. Qua cuộc gặp gỡ giữa Cô Chấn Phủ và Giang Trạch Dân không ai cảm thấy có bầu không khí ngọt ngào của giao tranh sắp bùng nổ. Đài Loan chỉ nói tới ngày tái thống nhất bằng dân chủ. Lục địa không làm gì nhiều hơn là nhấn mạnh trên tình trạng “Wai Nei You Bie, ngoại nội hữu biệt” (ngoài trong có khác nhau) như để trấn an Đài Loan rằng trước mắt Bắc Kinh chưa có quyết định thu hồi chủ quyền đảo này bằng vũ lực.

Quả thật tình thế đã đảo ngược và dường như đã là bất khả chuyển hồi. Nhớ lại khẩu hiệu những năm 20 của phe quốc là “dung cộng”. Những năm 90, nó đã trở thành khẩu hiệu “dung quốc” của phe cộng!

Vậy là phải chăng bây giờ đã quá muộn nên phe quốc đành từ bỏ mộng tái chiếm lục địa? Nhưng không còn đe dọa tái chiếm thì Đài Loan đứng trên thế mạnh nào để đối đầu với lục địa? Cô Chấn Phủ, Hứa Huệ Hựu, Trương Vinh Cung có vũ khí nào trong tay để nói chuyện ngang hàng với Giang Trạch Dân, Tiền Kỳ Tham, Trần Văn Lâm, Đường Thụ Bi? Và lại nói chuyện hòa bình như thực tế đã cho thấy. Nhưng liệu có phải chuyện hòa bình chỉ là bức bình phong che đậy chiến tranh hay không? Có thể trong thâm tâm, trong tiềm thức của cả hai bên vẫn chỉ có chuyện chiến tranh. Phe quốc, nếu không có chiến tranh để tái chiếm lục địa thì có gì

để còn là quốc? Cho đến trước khi gặp phe cộng tại Bắc Kinh, Đài Loan vẫn không chấp nhận bàn chuyện chính trị với lục địa. Và Đài Loan vẫn còn ngần ngại chưa tính chuyện tuyên bố “độc lập” để ly khai hẳn với lục địa. Tức là vẫn chưa dẹp bỏ ý đồ tái chiếm lục địa. Bắc Kinh cũng chưa từ khước chuyện cất quân đánh chiếm Đài Loan, một mục tiêu chỉ cách bờ lục địa trên 150 cây số, nếu không bình thường hóa quan hệ được với đảo này bằng thủ tục diễn biến hòa bình kiểu Hồng Kông. Hơn hai năm trước đây, Bắc Kinh đã diễu võ dương oai để thị uy tại vùng eo biển Đài Loan chính là để đóng đinh ghi khắc cho sâu thêm mối đe dọa chiến tranh. Cũng trong chiều hướng này Bắc Kinh đã lấy sáng kiến đối thoại với Đài Loan. Nói cách khác, quốc vẫn là quốc và cộng vẫn hoàn cộng. Cuộc hội kiến tháng Mười của họ tại lục địa thật ra vẫn còn quá sớm để giải quyết bất cứ điều gì, bởi lẽ chưa có chỉ dấu nào báo hiệu đã sắp đến hồi kết thúc. Đây chính là nét bi thảm vẫn còn tiềm ẩn của bi kịch quốc-cộng.

Chiến hay hòa?

Raymond Aron, một bậc thầy về bang giao quốc tế, bàn về thời kỳ chiến tranh lạnh đã nói đại ý rằng chiến tranh không chắc xảy ra, hòa bình bất khả thực hiện và gói ghém ý này trong tiên đề (axiome) vẫn còn được truyền tụng “guerre improbable, paix impossible”. Đó đúng là tình trạng hiện thời giữa lục địa và Đài Loan. Nếu so sánh lực lượng thì rõ ràng lục địa ở thế gió trên về nhiều mặt. Nhưng lục địa không khai chiến. Về phần Đài Loan tuy từ 1955 đảo này được đặt dưới sự bảo vệ của Mỹ nhưng điều này không có nghĩa là Mỹ chỉ chờ có cơ hội là gây hấn với lục địa. Trái lại từ đầu thập niên 70, Mỹ đã xích gần với lục địa, đã hội nhập lục địa vào cộng đồng quốc tế và tiến thăng lục địa lên hàng một thành viên của Hội đồng Bảo an. Phải chăng khi khuyến khích Đài Loan nên nói chuyện chính trị với lục địa, Mỹ muốn Đài Loan theo gương Hồng Kông? Không ai dám khẳng định như vậy. Hay là muốn dồn lục địa

vào chân tường phải đưa quân qua eo biển Đài Loan? Cũng không hẳn thế. Người ta tự hỏi sức mạnh của chính Đài Loan nằm ở đâu? Ở chiếc dù của Mỹ? Ở nội lực quân sự của Đài Loan? Ở thành tích phát triển kinh tế “rồng châu Á” của Đài Loan, thứ nhì trên thế giới về dự trữ ngoại tệ chẳng? Nhờ đâu mà từ sau 1972 dù bị lục địa hắt cẳng khỏi Liên Hiệp Quốc, Đài Loan vẫn kiểm được cho mình một chỗ đứng quốc tế không sáng chói gì nhưng không phải là không khả quan. Đến mức Bắc Kinh phải chấp nhận đối thoại? Câu trả lời dễ dàng thường là “Đài Loan có sự hỗ trợ của “thế giới tự do”. Không gì sai lầm cho bằng! Ai đã trục xuất Đài Loan ra khỏi Liên Hiệp Quốc nếu không phải là đa số các nước trong Thế giới tự do? (Người ta chưa quên sau cuộc thất trận của Miền Nam Việt Nam, chính Đài Loan đã không cho phái đoàn miền này tham dự VNCH cũ trong một cuộc họp của Liên Minh Á Châu Chống Cộng).

Không ai chối cãi rằng gần 50 năm qua, Đài Loan đã có những nỗ lực để tự cường về mọi mặt quân sự, kinh tế, xã hội, chính trị v.v... Đài Loan đã có những biến đổi thần kỳ. Nhưng không phải chỉ riêng Đài Loan mà cả thế giới đã biến đổi - điều ở các nơi khác không dễ nhận biết như ở Đài Loan - Có điều Đài Loan đã bắt kịp đà biến đổi chung này. Hay, đúng hơn, chính Đài Loan đã là một trong những động cơ tạo ra biến đổi...

Trong đội ngũ những nhà nghiên cứu khoa học nhân văn- tạm giới hạn vào địa hạt bang giao quốc tế - có nhiều người đã nêu lên rằng ba thập niên cuối thế kỷ XX đã có nhịp độ tiến bộ ngang với nhịp độ của 3 thế kỷ đã qua. Nghĩa là nhịp độ đảo lộn các điển mẫu (paradigme) về con người đến xã hội qua quốc gia ra tới nhân loại. Sự kiện mới là ngày nay quốc gia đã mất đi địa vị chủ thể tối thượng đối nội đã dành mà cả đối ngoại. Quốc gia (Etat) không còn là tác nhân (acteur) nắm độc quyền về mọi mặt trong hệ thống bang giao quốc tế. Nhiều tác nhân mới, cá thể hay tập thể dưới quốc gia (infra-étatique), hữu hình (thí dụ Ân Xá Quốc Tế, Hồng Thập Tự

Quốc Tế) hay vô hình (thị trường, tôn giáo) đã ngang nhiên qua mặt quốc gia thiết lập những bang giao quốc tế không thông qua quốc gia. Đời sống nhân loại đang chuyển từ cộng đồng liên quốc gia (inter-étatique) sang một cấu trúc mới mang tên gọi là xã hội nhân loại (société humaine). Đó là hiện tượng toàn cầu hóa và nó đã lấn chiếm những quyền hạn cổ truyền của quốc gia tuy vẫn chưa lấn át hẳn quốc gia. Nó cũng đã xô đẩy, bắn phá các học thuyết cổ truyền về luật học, chính trị học v.v... Sự giao thiệp giữa Đài Loan và lục địa trong thực tế đã diễn ra dưới những hình thái mới này nhưng vẫn trong khuôn khổ điển mẫu hướng tâm (statocentré) cũ: “Đài Loan là một tỉnh của Trung Quốc”. Cho nên bề ngoài có vẻ như cuộc tranh chấp quốc cộng vẫn còn đang được tiếp tục. Và bi kịch chính là ở nơi thực tế đã vượt qua ý hệ của hai phe rồi mà hai phe vẫn chưa phản tỉnh hẳn, nhất là phe cộng vẫn bám lấy cuồng vọng chiếm hữu toàn quyền - chủ quyền quốc gia - đối nội (độc quyền toàn trị đất nước bằng chuyên chế), đối ngoại (độc quyền bang giao quốc tế dưới bình phong truyền thống dân tộc, châu Á, dân tộc tự quyết v.v...).

Cuộc đối đầu quốc-cộng trong quá khứ đã làm hao tổn hàng 30, 40 triệu nhân mạng người Trung Quốc. Trong dịp hội kiến với phe quốc Đài Loan, phe cộng vẫn tỏ ra chưa có khả năng hoặc chưa muốn bắt kịp đà tiến bộ. Vỡ bi kịch quốc cộng vì vậy chưa tới những chuyển biến quyết định để hạ màn.

Trần Thanh Hiệp

Kêu gọi

Nhiều độc giả và thân hữu vì không để ý đã quên gia hạn mua báo đúng lúc khiến cho thu nhập của tờ báo có phần sút giảm trong khi mọi chi phí phát hành đều gia tăng. Chúng tôi mong quý vị lưu ý gia hạn và giúp Thông Luận thêm độc giả mới.

Những khoản tiền để bù lỗ cho tờ báo có thể được sử dụng hữu ích hơn nhiều cho cố gắng yểm trợ phong trào dân chủ trong nước.

Xin cảm tạ.

Ban biên tập

Cuộc chiến đấu chống độc tài đảng trị từ Trần Độ đến Nguyễn Chí Thiện

Lê Trung Hưng

MỘT VỤ THÁCH ĐỐ CHÍNH TRỊ NGHIÊM TRỌNG

Nhân vật có chức vụ quan trọng nhất hiện nay trong guồng máy quyền lực ở Việt Nam là Lê Khả Phiêu, tổng bí thư của đảng Cộng Sản. Nhưng không chắc Lê Khả Phiêu sẽ giữ được chức vụ lâu dài bởi lẽ làm Tổng Bí Thư đảng Cộng Sản Việt Nam trong những năm cuối cùng của thế kỷ 20 xem ra khó hơn thời hét ra lửa của Tổng Bí Thư Lê Duẩn. Ngoài ra bản lĩnh của Lê Khả Phiêu cũng là một dấu hỏi vì trước nay ông ta không có gì nổi bật, về cả thành tích và tư cách. Ngay cả trường hợp ông ta được bầu vào chức vụ cao nhất một cách khá bất ngờ vào ngày 26 tháng 12 năm 1997 vừa qua cũng khiến người ta ngờ rằng đảng Cộng Sản Việt Nam bắt buộc phải chọn một nhân vật “vô thưởng vô phạt” gốc quân đội, sau khi các phe trong Trung Ương Đảng tìm hết cách ngăn chặn người của đối phương. Trong hoàn cảnh như thế, tiếng nói của Lê Khả Phiêu trong Bộ Chính Trị - cơ quan quyền lực tối cao của Đảng Cộng Sản - có lẽ cũng không có trọng lượng gì hơn tiếng nói của các ủy viên khác. Tuy nhiên “cờ đến tay”, Lê Khả Phiêu sẽ không bỏ lỡ cơ hội củng cố quyền lực như Giang Trạch Dân đã làm tại Trung Cộng. Chỉ có điều khoảng cách giữa hai lãnh tụ Cộng Sản Á Châu còn rất xa - địa vị của Giang Trạch Dân đã vững vàng trong một quốc gia lăm le tiến lên hàng đại cường quốc trong khi tư thế của Lê Khả Phiêu còn bấp bênh trong một quốc gia chưa nhìn thấy tương lai. Tương lai còn bất định hơn nữa khi cuộc khủng hoảng kinh tế tại Á Châu đã lan qua Việt Nam và xã hội có nhiều dấu hiệu rối loạn, bắt đầu bằng những biến động tại một số vùng nông thôn và nhất là cuộc “thách đố” chính trị bất ngờ và nghiêm trọng của cựu trung tướng Trần Độ. Nếu không đối phó nổi tình thế, làm sao ông tân tổng bí thư giữ được cái ghế của mình?

Lá thư của ông Trần Độ gửi Đảng, Quốc Hội, Chính Phủ và “các bạn quan

tâm”, phổ biến khá rộng rãi trong và ngoài nước vào đầu năm 1998 vừa là cáo trạng, vừa là kiến nghị, chủ yếu đòi tháo gỡ chế độ độc tài đảng trị. Việc làm của ông Trần Độ trong con mắt của “Đảng”, tức là tập thể lãnh đạo đương quyền, là một sự nổi loạn. Thế mà ông tổng bí thư còn đích thân tới thăm và chúc tết kẻ nổi loạn - vốn là thượng cấp cũ của ông ta. Bộ Chính Trị cũng mời con người “phản động” 75 tuổi này đến hội kiến dù là để bác bỏ các ý kiến và đề nghị cải cách. Kế tiếp, một chiến dịch báo chí (nhà nước) kịch liệt phê phán Trần Độ là sai lầm, xuyên tạc và chống đảng... Gia đình Trần Độ cũng bị đe dọa và làm khó dễ. Tuy nhiên khi ông ta lên tiếng phản đối, viện dẫn hiến pháp, chính sách thì “Đảng” hơi “khựng” lại và lui một bước... Tất cả xem ra “Đảng” thực sự lo ngại và lúng túng. Trần Độ quả là một nhân vật đặc biệt không dễ đối phó. Thật vậy, khi công khai “thách thức” Đảng, Trần Độ có vẻ đã sẵn sàng chấp nhận mọi nguy hiểm, nhưng một cách có tính toán và sách lược hẳn hoi. Ông ta đang ở thế mạnh và dồn “Đảng” vào thế bị động:

- Trần Độ từ trong lòng Đảng đánh ra. Trận chiến bắt đầu ngay trong nội bộ của đảng Cộng Sản Việt Nam.

- Uy tín cá nhân của Trần Độ hơn hẳn uy tín của các ủy viên trong Bộ Chính Trị - vì tuổi tác, thành tích và tư cách. Cựu trung tướng Trần Độ từng nắm giữ vai trò lãnh đạo tư tưởng “quân đội nhân dân” trong các thời kỳ chiến đấu gian khổ cho nên có nhiều sĩ quan cao cấp - còn tại ngũ hay đã hồi hưu - là đàn em hay bạn bè của ông ta. Ngoài quân đội ông ta cũng từng làm ủy viên Trung Ương Đảng, phó Chủ tịch Quốc Hội. Ông ta còn được đặc biệt quý trọng trong giới trí thức, giới nhà văn như là một đồng ngũ có danh vị lớn, có thực tài, lại có tinh thần dân chủ. Vì thế khi đứng trước các ủy viên của Bộ Chính Trị hiện tại phần lớn là đám hậu sinh, ông ta không mấy may có mặt cảm tự ti.

- Tiếng nói đồng dạng của Trần Độ

nghiêm nhiên đưa ông ta vào địa vị phát ngôn viên hay lãnh đạo tinh thần của những người bất mãn chế độ, đặc biệt trên dưới 1 triệu cựu chiến binh Cộng Sản - từ anh bộ đội du kích đến sĩ quan cấp tướng, kể cả mấy trăm ngàn thương phế binh - đang sống cuộc đời nghèo khổ hay lam lũ như được mô tả trong câu ca dao thời đại:

*Đầu đường đại tá và xe
Cuối đường trung tá bán chè đậu đen.*

Chính cựu chiến binh cộng sản, những người đã hy sinh cuộc đời và xương máu cho chế độ, uất hận vì cảm thấy bị lợi dụng và bạc đãi, đã chủ yếu gây ra vụ biến động ở tỉnh Thái Bình. Trong vụ này có lẽ “Đảng” đã tìm thấy ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp của Trần Độ - vốn gốc người Thái Bình và cũng nghỉ hưu ở Thái Bình - nhưng đành tạm làm ngơ để khỏi vô tình xác nhận và “tấn phong” vai trò lãnh đạo của ông ta.

- Trần Độ là một người khả tín mà nội dung các thông điệp chính trị của ông ta, dựa trên sự thật, đều rất hợp lý và hợp lòng người: “Một bộ phận lớn đảng viên, trước hết là trong số đảng viên có chức quyền, nắm quyền lực đã thực sự trở thành lực cản đối với sự phát triển mọi mặt của đất nước”, “Kinh tế quốc doanh là khu vực kém hiệu quả nhất và là những ổ tham nhũng ghê gớm nhất”, “Mọi sự độc quyền độc tôn đều đưa đến thoái hoá, ruồng nát, tắc tị”, “Thay vì do dân, của dân, vì dân thì chế độ hiện nay là chế độ do một nhóm nhỏ của một nhóm nhỏ và vì một nhóm nhỏ”, “Sức mạnh trí tuệ của toàn dân tộc chỉ có thể phát huy trên nền tảng những thể chế dân chủ”, “Phải thực sự dân chủ hóa, thực sự thực hành dân chủ để cho nhân dân có quyền lực thực sự trong khi thực hiện quyền lợi và trách nhiệm của mình”, “Phải có tự do ngôn luận, tự do ứng cử, bầu cử”... Buộc tội ông ta “phản bội” hay “phản quốc” thật khó lắm thay!

- Ngoài thành phần cựu chiến binh có lẽ sẽ là chủ lực đứng ở tuyến đầu trong phong trào chống độc tài đảng trị

do ông ta phát động, Trần Độ còn có thể thu phục được sự ủng hộ của hàng triệu đảng viên đảng Cộng Sản thuộc loại không có quyền và không có tiền nhưng có thể có súng trong tay. Họ là đảng viên bộ đội, nông dân, công nhân, giáo chức, trí thức... có đời sống và cách suy nghĩ không khác biệt lắm với người dân thường nhưng lại rất khác biệt với “giai cấp” cộng sản thống trị chỉ gồm vài chục ngàn đảng viên đa số giàu có vì tham nhũng, đang nắm các chức vụ trọng yếu về chính trị, hành chính, quân sự, công an, kinh tế, tài chính, thuế vụ... ở trung ương và ở địa phương.

- Trần Độ còn có thể có sự ủng hộ của những “lão thành cách mạng” nay đã bị gạt ra khỏi trung tâm quyền lực, bất mãn nhìn đàn em mùa may trên chính trường và tham ô quá độ trong khi đời sống xã hội ngày càng suy đồi. Đặc biệt ông ta có thể được sự đồng tình của nhóm Võ Văn Kiệt, thủ tướng hồi hưu nhưng còn ít nhiều ảnh hưởng, vốn chủ trương hạn chế sự thao túng của “Đảng” trong guồng máy nhà nước và do đó có thể nhận được sự ủng hộ ngầm của Phan Văn Khải đồng minh của Võ Văn Kiệt, nhân vật số 3 trong Bộ Chính Trị và là đương kim Thủ Tướng.

- Thông điệp chính trị của Trần Độ được tung ra đúng vào thời điểm đảng Cộng Sản, dù vẫn thống trị, đã mất thế chủ động trong việc điều khiển quốc gia. Lý do chính là nền kinh tế Việt Nam vào năm 1998 đã quá lệ thuộc vào thế giới tư bản. Lệ thuộc về viện trợ, tín dụng, đầu tư, giao thương và từ đó về cả các mặt phi kinh tế. Nước Cộng Sản Việt Nam đã bị cuốn vào quỹ đạo của thế giới tư bản một cách khá êm ái nhưng sẽ không thoát ra được. Khả năng kháng cự lại những áp lực từ bên ngoài yếu kém, đặc biệt rất yếu kém so với khả năng tương tự của nước Cộng Sản Trung Hoa, điển hình là tổng số dự trữ ngoại tệ của Việt Nam chưa tới một tỉ mỹ-kim so với hơn 140 tỉ của Trung Hoa (báo “The Economist” ngày 28/8/98). Cho nên chỉ là ảo tưởng nếu những người lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam nghĩ rằng họ có thể rập khuôn chính sách của đảng Cộng Sản Trung Hoa trong mưu đồ duy trì độc tài đảng trị.

NHỮNG CHỌN LỰA KHÓ KHĂN

Nếu nhìn bằng con mắt “duy vật sử quan” theo đó “kinh tế quyết định hết thảy” thì nhà cầm quyền Cộng Sản phải thấy ngay sự “thách đố” của Trần Độ và những biến cố tiếp theo là một quá trình tất yếu của đấu tranh giai cấp, mĩa mai thay đấu tranh giai cấp ngay trong nội bộ của đảng Cộng Sản! Đó là cuộc đấu tranh của giai cấp cộng sản bị trị chống giai cấp cộng sản thống trị, cộng sản nghèo chống cộng sản giàu, cộng sản đa số chống cộng sản thiểu số. Vai trò của Trần Độ dù rất quan trọng, ông ta chỉ là công cụ của lịch sử, chỉ là ngọn chừ không phải là gốc của vấn đề. Tổng Bí Thư Lê Khả Phiêu và các ủy viên Bộ Chính Trị thực sự bối rối giữa ngọn và gốc, giải quyết ngọn đã khó mà giải quyết gốc còn khó hơn. Có thể “Đảng” sẽ tìm cách giải quyết ngọn và gốc cùng một lúc. Tuy nhiên những biện pháp lưng chừng chưa chắc đã có kết quả mà còn gây thêm “tai họa”. Chẳng hạn chiến dịch báo chí của “Đảng” phản công Trần Độ trong những tháng vừa qua chỉ có tác dụng quảng cáo không công cho ông ta, giúp ông ta có thêm cơ hội mở rộng diễn đàn và làm hình ảnh của ông ta nổi bật hơn ở cả trong và ngoài nước. Nói một cách khác, “Đảng” đã hiểu sai bản chất độ sơ khởi sách lược “giải quyết vấn đề Trần Độ” phải là một bộ phận không thể tách rời với sách lược sinh tồn chung của chế độ.

Xét tổng quát thì phe Trần Độ ở thế tất thắng: đông người, có chính nghĩa, có dũng khí - cùng là cộng sản với nhau, trung tá hồi hưu hẳn không ngán trung úy công an tham nhũng - có tai mắt, tay chân ngay trong chính quyền, trong Đảng, trong quân đội, ngoài ra có thể huy động được sự ủng hộ của nhân dân Việt Nam và yểm trợ của thế giới tư bản, kể cả Hoa Kỳ. Mặt khác có đa số chưa phải là có một lực lượng được tổ chức một cách hữu dụng. Trong khi đó phe thống trị là thiểu số nhưng sức mạnh là có sẵn tổ chức hành chính, hệ thống an ninh tình báo, vũ khí để khủng bố, tiền bạc để mua chuộc, địa vị để phân phát và lúc nguy nan có thể trông cậy vào sự can thiệp chớp nhoáng của Trung Cộng vốn không muốn thấy Việt Nam dân chủ hóa (giống như Liên Xô hơn 40 năm trước đã can thiệp bằng

cách đưa quân vào Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi để cứu hai chế độ cộng sản chũu hầu). Nếu mâu thuẫn biến thành xung đột, phe Cộng Sản thống trị có thể thắng thế lúc đầu nhưng chung cuộc vẫn có thể thảm bại. Đảng Cộng Sản Việt Nam vì thế đang bối rối trước những lựa chọn khó khăn:

- Hoá giải mâu thuẫn nội bộ đảng, bằng cách phân chia quyền lợi đồng đều giữa các đảng viên? *Tuy nhiên* trong thực tế, khi số đảng viên lên tới 2 triệu thì Đảng không đủ “bánh” để chia, không đủ chức vụ để phân phát và cũng không có đảng viên giàu có nào sẵn sàng san sẻ tài sản riêng cho “các đồng chí nghèo”, nhất là san sẻ những tài sản có xuất xứ mù mờ.

- Mua chuộc Trần Độ bằng địa vị và quyền lợi như trước đây Đảng đã “mua” cựu thượng tướng Trần Văn Trà? *Tuy nhiên* nếu tìm kiếm địa vị và quyền lợi có lẽ Trần Độ đã tìm thấy từ lâu không đợi đến lúc gần đất xa trời. Vả lại một con người tầm thường coi danh lợi là trọng lẽ nào dám đứng lên thách đố bạo quyền?

- Ám sát hay bỏ tù Trần Độ? *Tuy nhiên* có thể đã quá trễ để “giải quyết” theo lối này. Không có gì bảo đảm một cuộc cách mạng không bùng nổ sớm hơn và Đảng không vỡ làm đôi, chưa kể phản ứng của thế giới nhất là phản ứng của các nước tư bản dân chủ đang nắm huyết mạch của nền kinh tế Việt Nam.

- Làm ngơ để mặc Trần Độ muốn nói gì thì nói? *Tuy nhiên*, ông ta đã không dừng lại ở lá thư đầu tiên và lời lẽ càng ngày càng táo bạo. Đã có một nhóm “lão thành cách mạng” khác theo chân Trần Độ, phổ biến tài liệu tố cáo tham nhũng đích danh Phạm Thế Duyệt, một thành viên trong Bộ Chính Trị. Sự việc này chưa từng xảy ra trước đây, khiến các ủy viên khác như ngồi trên lửa vì không biết bao giờ đến lượt!

- Tạm thời phong tỏa Trần Độ, đồng thời gấp rút tiến hành việc cải tổ hành chính, ưu tiên tập trung vào việc diệt trừ tham nhũng để thu phục nhân tâm. Đảng Cộng Sản Việt Nam quả đang tiến tới trong chiều hướng này. (Thủ Tướng Phan Văn Khải vừa ra quyết định bắt buộc tất cả các quan chức nhà nước phải làm giấy kê khai tài sản). Tuy nhiên, phong tỏa Trần Độ tới mức

nào mà không “bứt dây động rừng”? Vả lại “Đảng” đã tìm nhiều cách ngăn cản, như cho công an rình rập bao vây chung quanh nhà ông ta, xét hỏi những người lui tới mà những bài viết của ông ta vẫn phổ biến trong và ngoài nước. Trần Độ phải có một hệ thống thông tin khá hữu hiệu! Mặt khác, cải tổ hành chánh không phải là giải quyết gốc của vấn đề, diệt tham nhũng đã thất bại trong quá khứ, sẽ tiếp tục thất bại trong tương lai dù Phan Văn Khải có thực tâm đến đâu. Lý do rất dễ hiểu. Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đánh mất sự chính đáng của quyền lực (the legitimacy of power) vì cai trị thuần bằng bạo lực, áp đặt và dối trá trắng trợn - “nhân dân làm chủ” nhưng hiến pháp lại qui định Đảng Cộng Sản đương nhiên lãnh đạo và lãnh đạo vô thời hạn, nói trắng là thống trị muôn đời. Hậu quả tất nhiên các cuộc bầu cử phải là bịp bợm vì không có cách nào khác - Đảng đã biến lặn trắng trợn như thế không thể bắt đảng viên phải ngay thẳng. Đảng đã đạo đức giả như thế làm sao bắt đảng viên phải đạo đức thật? Gốc của quốc nạn tham nhũng ở Việt Nam cũng như những tệ trạng xã hội khác là một trạng thái tâm lý của cả một thế hệ đã mất hết niềm tin!

Đảng chỉ còn một chọn lựa sau cùng: thực tâm chấp nhận những đề nghị thay đổi của Trần Độ. Tuy nhiên Đảng Cộng Sản Việt Nam có sẵn sàng làm một sự lột xác hay không? Bộ Chính Trị và Trung Ương Đảng toàn là một bọn tham nhũng đầu óc đặc sệt những tính toán vị kỷ hay vẫn còn những người cộng sản có lương tâm và biết nhìn xa?

CỨU TINH HAY KẼ NỘI THÙ?

Trước đây Đảng Cộng Sản Việt Nam độc tài đến nỗi bất cứ ai lên tiếng phê bình Đảng hay phê bình “lãnh đạo” lập tức bị coi là phản động, là kẻ thù và bị trừng phạt nặng nề. Ngày nay quyền lực của Đảng Cộng Sản đã bị sút giảm nên sự ngạo mạn và sự tàn bạo đã kém hơn trước. Vì thế, mặc dù bị coi là “phản động”, Trần Độ vẫn chưa bị trừng phạt. Nhưng có đúng Trần Độ là tên phản động, kẻ nội thù của Đảng Cộng Sản Việt Nam?

Nếu “phản động” hiểu là đi ngược với trào lưu thời đại hay xu thế lịch sử,

đi ngược với tiến bộ, chống lại đa số thì cái mũ “phản động” phải trả lại cho tập đoàn lãnh đạo hiện tại của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nếu hiểu Đảng Cộng Sản Việt Nam là giai cấp thống trị mấy chục ngàn người quyết tâm bám lấy quyền lực và quyền lợi thì Trần Độ rõ ràng là tên chống Đảng, là kẻ nội thù. Nhưng nếu hiểu Đảng Cộng Sản Việt Nam là đảng của hai triệu đảng viên đang còn sống, của hàng triệu đảng viên đã hy sinh, là tổ chức chính trị chi phối lịch sử đất nước suốt 60, 70 năm thì cuộc vận động của Trần Độ mang nhiều ý nghĩa đặc biệt:

- Những bài viết và những phát biểu của Trần Độ cho thấy ông ta không có ý định rời bỏ đảng cộng sản. Trước hết là lý do tình cảm - cả cuộc đời của ông ta gắn liền với đảng, lúc chiến đấu gian khổ, lúc thắng trận vinh quang. Đảng cộng sản đối với ông ta là đại gia đình, là đời sống mặc dù ông ta “có vấn đề” với lớp lãnh đạo đương quyền. Trần Độ có vẻ thành thực tin rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam có công trong cuộc tranh đấu giành độc lập cho nước Việt Nam - chấm dứt 80 năm nô lệ người Pháp - và đánh đuổi người Mỹ ra khỏi miền Nam để thống nhất Tổ Quốc (dĩ nhiên ông ta không tính đầy đủ cái giá khốn khổ mà dân tộc Việt Nam phải trả cho sự “độc lập thống nhất” này). Vì tin vào “chính nghĩa độc lập thống nhất” ông ta hãnh diện về sự đóng góp, hy sinh của chính ông ta và các đồng đội trong mấy chục năm chinh chiến với tư cách là đảng viên của Đảng Cộng Sản và càng có mặc cảm tự tôn hơn nữa khi ông ta sống một cuộc đời thanh bạch trước và sau khi ra khỏi bộ máy cầm quyền. Vì thế phủ nhận hoàn toàn Đảng Cộng Sản đồng nghĩa với sự phủ nhận chính mình, Trần Độ không có lý do hay chưa có lý do để làm như thế. Trần Độ cũng không phải là người nhẹ dạ, tức khí nói cho hả giận mà là con người chính trị đầy dạn kinh nghiệm, mưu tính làm việc đổi đời, ông ta không thể không liệu trước việc công, việc thủ. Nói một cách khác, chừng nào ông ta còn tự nhận là một đảng viên, một “lão thành cách mạng” của Đảng Cộng Sản Việt Nam ông ta còn được các đảng viên khác bảo vệ, ông ta còn huy động được những thế lực trong Đảng để đương cự và áp lực “Đảng”. Trần Độ không bỏ

Đảng vì lý do chiến lược, còn “Đảng” có dám trục xuất ông ta hay không lại là việc khác.

- Đảng Cộng Sản Việt Nam ngày nay thực ra cũng không hoàn toàn giống Đảng Cộng Sản Việt Nam cách đây 15, 20 năm. Nếu hiểu chủ nghĩa Cộng Sản gồm chủ nghĩa Mác (Marxism) và chủ nghĩa Lê-nin (Leninism) thì chủ nghĩa Mác ngày nay chỉ còn là một hồn ma vì không đảng viên nào - kể cả cấp lãnh đạo đương quyền - còn tin tưởng vào “duy vật biện chứng”, “đấu tranh giai cấp”, “kinh tế tập sản”, “thế giới đại đồng”, “thiên đường cộng sản” v.v..., bất kể những lời nói cường điệu hay đầu môi chót lưỡi như kiểu “kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Trong khi đó, vì muốn bảo vệ đặc quyền, đặc lợi của giai cấp thống trị, Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn bám vào chủ nghĩa Lê-nin - thực chất chỉ là tập hợp của những kỹ thuật và xảo thuật cướp chính quyền và giữ chặt chính quyền, đồng nghĩa với độc tài công an trị. Trần Độ ngày nay cũng khác với Trần Độ 15, 20 năm trước. Ông ta muốn Đảng từ bỏ - dứt khoát, chính thức - cả chủ nghĩa Mác lẫn chủ nghĩa Lê-nin. Lời nói của ông ta rất rõ: “Ta đã có được Độc Lập còn hai chữ Tự Do, Hạnh Phúc thì bây giờ ta phải nỗ lực lao mặc dù không có cái “định hướng xã hội chủ nghĩa”. Hay ta cần một đất nước có xã hội chủ nghĩa nghèo đói như những năm cuối (thập niên) 70 và đầu 80 cũng được? Phải chọn đi chứ! Tôi thì tôi đã chọn “nước Việt Nam nhân dân được ấm no, tự do, hạnh phúc”. Thắc mắc được nêu ra ngay là nếu Đảng Cộng Sản Việt Nam bỏ cả chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Lê-nin thì Đảng Cộng Sản Việt Nam trở thành cái gì? Ông ta chưa có câu trả lời hay chưa tiện nói rằng Đảng trong thế “cưỡi hổ” phải xuống từ từ nghĩa là “từ từ” rồi sẽ đổi tên thành đảng “Dân Chủ Xã Hội”, đảng “Công Nông”, hoặc đảng “Lao Động” như trước kia hay một tên hiền lành nào khác. Hoặc giả Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn tồn tại nhưng danh xưng không còn ăn nhập với nội dung và chỉ mang một giá trị thuộc về lịch sử liên quan đến cuộc chiến đấu cho độc lập, thống nhất đất nước. Vì “công nhiều hơn tội” (?) cộng với sự chấp nhận lột xác từ độc tài đảng trị qua dân

chủ tự do, ông ta tán thành - hay tin tưởng - Đảng Cộng Sản Việt Nam của ông ta vẫn giữ được vai trò lãnh đạo tức là giữ được chính quyền mà không cần áp đặt hay biến lộn.

- Ở tuổi 75, lại không còn nhiều sức khỏe, Trần Độ có lẽ không tha thiết lắm với quyền hành. Ý kiến và cung cách phát biểu cho thấy ngoài lòng yêu nước, ông ta thực tâm muốn cứu vãn sự suy tàn của Đảng Cộng Sản Việt Nam, đồng thời cứu vãn danh dự của những người cộng sản yêu nước như chính ông ta (vì yêu nước mà kết quả lại góp phần tạo dựng một chế độ độc ác, tàn hại làm cho nước nghèo, dân khổ, xã hội lụn bại). Cuộc vận động chính trị của Trần Độ vì thế chủ yếu không phải tranh quyền mà nhằm áp lực Đảng Cộng Sản Việt Nam từ bỏ những nguyên tắc mà ông ta cho rằng nếu không sai lầm hoàn toàn thì cũng đã lỗi thời và là nguồn gốc của mọi tệ trạng. Nói một cách khác, ông ta để ngỏ cửa để có thể hợp tác với “Đảng” thực hiện những cải tổ chính trị cần thiết - không phải chỉ là cải tổ hành chánh của Phan Văn Khải - với điều kiện “Đảng” có thực tâm. Bộ Chính Trị và Trung Ương Đảng do đó sẽ phải quyết định dứt khoát: Trần Độ là cứu tinh của Đảng hay kẻ nội thù? Và riêng Lê Khả Phiêu, trong tiến trình củng cố quyền lực cũng phải quyết định dứt khoát: Trần Độ là đồng minh hay kẻ đối đầu? Trường hợp thứ nhất hàm ý tân tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam nắm lấy thời cơ, đảm đương vai trò lịch sử của một lãnh tụ quyền biến, thức thời. Trường hợp thứ hai hàm ý ông ta chỉ cam tâm làm một viên chức thừa hành cao cấp phục vụ giai cấp thống trị. Cả hai trường hợp đều có phần thưởng và sự hiềm nguy nhưng rất tiếc mức độ khả hữu của trường hợp thứ nhất kém hơn mức độ khả hữu trường hợp thứ hai rất xa!

BÊN LỀ LỊCH SỬ

Có phần chắc Đảng Cộng Sản Việt Nam không tự ý từ bỏ độc tài đảng trị, dù có một hai nhân vật quan trọng trong cấp lãnh đạo muốn Đảng thay đổi theo chiều hướng đó. Đảng Cộng Sản chỉ từ bỏ độc tài đảng trị dưới áp lực rất mạnh. Cuộc vận động chính trị của Trần Độ có thể nổ bùng thành xung đột lớn. Trong trường hợp này, hiệp đầu của trận đấu

sẽ diễn ra giữa hai phe cộng sản với nhau chưa có sự tham dự tích cực của nhân dân Việt Nam. Nhưng sau đó, khi Đảng Cộng Sản đã yếu đi vì rối loạn, những đoàn thể tôn giáo, chính trị, những người yêu nước, nhân dân Việt Nam sẽ đứng lên xác định vận mạng của mình và của đất nước. Nếu bước chân lịch sử chuyển động theo chiều hướng đó, cộng đồng Việt Nam hải ngoại đứng ở vị trí nào và có thể đóng góp những gì?

Cho đến nay những thay đổi ở Việt Nam diễn ra độc lập đối với cộng đồng Việt Nam hải ngoại. Nói cách khác, cộng đồng Việt Nam hải ngoại gần như không có ảnh hưởng gì đáng kể đối với mọi đối tượng quan trọng ở trong nước. Đó là một sự thực đáng buồn và đáng suy ngẫm, nhất là đất nước vẫn tắc nghẽn và tàn lụi trong vòng kiểm tỏa của độc tài đảng trị và nhất là cộng đồng Việt Nam hải ngoại có nhiều tiềm năng lớn lao để có thể cống hiến cho tổ quốc. (Người ta thường nói đến tổng số lợi tức của hai triệu người Việt sống ở hải ngoại có thể tương đương với tổng sản lượng của nước Việt Nam 78 triệu dân; hai, ba trăm ngàn chuyên viên Việt Nam ở hải ngoại có cấp bằng đại học không những có khả năng kỹ thuật cao hơn mà còn vượt quá tổng số chuyên viên trong nước; bảy, tám trăm triệu dollars từ hải ngoại tuồn về Việt Nam mỗi năm đủ để “giúp” Cộng Sản Việt Nam thăng bằng cán cân chi phí; những người có kinh nghiệm cay đắng nhất với Cộng Sản đều sống ở nước ngoài...). Sự bất lực có thể giải thích bằng nhiều lý do: người Việt Nam không yêu nước bằng yêu gia đình, không yêu nước bằng người Nhật, người Đại Hàn, người Do Thái; đời sống ở các nước tây phương quá bận rộn, nhiều người lại phải làm lại cuộc đời từ số zero; người Việt Nam háo danh hay ghen tị vặt và không có truyền thống đoàn kết, không có thói quen làm việc tập thể, không có kỷ luật và mỗi người trong bụng đều có một ông quan v.v... Những lý do nêu ra đều có thể đúng nhưng chỉ đúng tới một mức nào bởi vì nếu không yêu nước làm sao dân tộc Việt Nam có thể giữ được nước cả nghìn năm, đánh bại bao cuộc xâm lăng? Làm sao đảng Cộng Sản Việt Nam có thể huy động hàng ngàn

hàng triệu người xông vào lửa đạn dưới chiêu bài “đánh Pháp giành độc lập” hay “chống Mỹ cứu nước”? Phải chăng vì “lúa không mọc thì cỏ mọc”? Ngoài ra còn một lý do quan trọng khác khiến cộng đồng Việt Nam hải ngoại, dù quan tâm đến đất nước, hơn 20 năm qua phải thủ thủ đứng bên lề lịch sử: những người tranh đấu không cộng sản đã không xác định được một cách rõ ràng, hay không đồng ý được với nhau về mục tiêu và sách lược tranh đấu, chưa nói đến xây dựng được tổ chức có tầm vóc và sức mạnh thực sự. Cuộc vận động của ông Trần Độ mang lại nhiều giao động, hứng khởi và hy vọng nhưng thời cơ lịch sử nắm được hay bỏ lỡ tùy thuộc những người tranh đấu không cộng sản tìm ra câu trả lời thích đáng cho những vấn đề sau:

* Mục tiêu tranh đấu là Dân Chủ, Tự Do cho nhân dân Việt Nam hay là tái lập chế độ Việt Nam Cộng Hòa bị “bức tử” một cách bất công? Cuộc tranh đấu sẽ hướng nhiều hơn về tương lai hay về quá khứ?

* Người Việt Nam không cộng sản tự mình có đủ thế lực và điều kiện lật đổ chế độ cộng sản độc tài đảng trị một cách nhanh chóng không? Và lật đổ bằng võ lực? Và tiền đâu? súng đâu? người Việt Nam tranh đấu không cộng sản muốn nhìn thấy phong trào chống độc tài đảng trị của Trần Độ thành công hay thất bại? Có chấp nhận yểm trợ cuộc chiến đấu của Trần Độ và yểm trợ đến mức nào? Dù Trần Độ không bỏ đảng, dù Trần Độ vẫn hãnh diện về thành tích “giành độc lập thống nhất đất nước”, vẫn công khai tán thành vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng Sản?

* Nếu Đảng Cộng Sản Việt Nam sau cùng, dưới các áp lực, phải chấp nhận dân chủ hóa, nghĩa là phải chấp nhận các cuộc bầu cử thực sự tự do và ...thắng cử, người tranh đấu không cộng sản sẽ phản ứng thế nào, chấp nhận kết quả hay không chấp nhận? Ngược lại nếu Đảng Cộng Sản thua và phải rời bỏ chính quyền, người tranh đấu không cộng sản chấp nhận hay không chấp nhận một chỗ đứng cho người cộng sản như một đảng đối lập hợp pháp giống như tình trạng các nước dân chủ Âu

Mỹ? Nói một cách khác, người cộng sản và người quốc gia phải một mất một còn vì những “nợ máu” chồng chất hay có thể giải quyết những khác biệt và cả những tranh chấp trong khuôn khổ và bằng phương thức của một chế độ dân chủ pháp trị?

* Ai có thể bảo đảm cuộc vận động chống độc tài đảng trị của Trần Độ sẽ không lệch hướng biến thành cuộc xung đột tranh dành quyền lực và quyền lợi giữa những người cộng sản với nhau? Nếu không xây dựng được một sức mạnh có tổ chức thì người không cộng sản và nhân dân Việt Nam có thể làm gì khác hơn là làm khán giả để rồi sau cùng vẫn phải tiếp tục chịu sự thống trị của phe Cộng Sản thắng thế?

CON MẮT CHIẾN LƯỢC

Ngày 31-8-1998 nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam thông báo một cuộc “ân xá” tập thể. Ông Đoàn Viết Hoạt, một tù nhân chính trị nổi tiếng, rời trại giam rồi được hộ tống đến thẳng phi trường và đặt chân lên đất Mỹ ngày 3-9-1998. Một tù nhân chính trị nổi tiếng khác cũng được thả là ông Nguyễn Đan Quế nhất định ở lại Việt Nam. Hiển nhiên Giáo Sư Hoạt, Bác Sĩ Quế và một số tù nhân chính trị khác được thả vì áp lực quốc tế, đặc biệt áp lực của những triệu hay tỉ dollars viện trợ hoặc tín dụng bị chặn lại tại IMF, World Bank hay ở Paris, Tokyo, Washington D.C.... đúng vào lúc kinh tế Việt Nam lâm cảnh ngặt nghèo. Đảng Cộng Sản Việt Nam quyết định tiếp tục giam giữ hai tù nhân nổi tiếng khác là ông Nguyễn Đình Huy và ông Phạm Thái, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ để đòi “tiền chuộc” lần sau hay vì hai ông này quá nguy hiểm cho họ? Dẫu sao cộng đồng Việt Nam hải ngoại đã có Nguyễn Chí Thiện nay lại thêm Đoàn Viết Hoạt. Từ nay ai dám nói hàng ngũ những người tranh đấu Việt Nam lưu vong thiếu người tài đức - những nhân vật đặc biệt mà ngôn ngữ và hành động có thể làm lịch sử đổi chiều.

Sau một thời gian nghỉ ngơi để lấy lại một phần sức khỏe đã mất trong lao tù cộng sản, ông Nguyễn Chí Thiện đã bắt đầu một số hoạt động rất đáng lưu

ý. Mùa hè năm nay qua một cuộc phỏng vấn dành cho thông tin viên đài VNN tại Pháp ông Thiện đã có một thông điệp nói về cuộc chiến đấu của ông Trần Độ. Bài phỏng vấn có một đoạn như sau:

VNN: *Theo ông tướng Trần Độ là người thế nào? Có người gọi ông ta là “cò mồi cộng sản”, là “đối lập cuối” ông nghĩ sao?*

Nguyễn Chí Thiện: Số người gọi ông Trần Độ bằng những từ ngữ hàm hồ như thế rất hiếm. Thậm chí có người còn gọi ông ấy là “con ngựa già của chế độ”. Riêng tôi, giả thử Trần Độ có là con ngựa già của chế độ mà nay trở thành bất kham muốn quật đổ chế độ, thì đó là điều rất đáng hoan nghênh. Đọc những bài viết của ông Trần Độ từ năm 1988 tới nay, nghĩa là từ hồi tôi còn nằm trong tù, tôi thấy ông là người rất đáng tôn trọng. Năm 1988, khi ông còn làm Trưởng Ban Văn Hóa - Tư Tưởng của Trung Ương Đảng cộng sản, ông đã viết một bài đăng trên báo Văn Nghệ yêu cầu đảng cộng sản đừng có đóng vai kẻ “chọn món ăn tinh thần cho nhân dân vì nhân dân đủ thông minh để chọn lấy”. Nghĩa là ngay từ hồi đó ông đã đòi hỏi đảng phải để cho nhân dân được quyền thông tin đầy đủ, không thể bị bưng bít, chỉ được đọc và nghe những gì đảng cho phép. Sau đó ông bị loại bỏ. Cái đó không làm ai ngạc nhiên. Ở trong tù, bọn công an nhiều lần nói với tôi về tướng Trần Độ một cách rất hỗn xược. Chúng nó khoe đã đến nhà ông khám xét nhiều lần. Tất nhiên, đứng trên lập trường đảng cộng sản, chúng nó phải coi ông là tên phản bội. Gần đây ông tuổi đã cao, lại bị liệt, nhưng ông vẫn tiếp tục viết nhiều bài đòi hỏi dân chủ hóa, đòi hỏi tự do ngôn luận... Tôi nghĩ đòi hỏi hai điều kiện này cũng đồng nghĩa với đòi hỏi giải thể chế độ độc tài đảng trị, mà đây là điều tất cả những người Việt Nam đều mong mỏi. Trong những bài viết của ông, có đôi chỗ ông còn viện dẫn tư tưởng Hồ Chí Minh, thậm chí còn đề dãi dành quyền lãnh đạo chính trị cho đảng cộng sản. Ai sống trong lòng chế độ cộng sản và hiểu chế độ cộng sản thì thấy ngay ông đã phải viết như thế trong hoàn cảnh nào. Phải vừa đánh vừa đỡ. Ở vị trí của

ông hành xử như vậy là khôn ngoan. Ông đấu tranh cho dân chủ ngay trong nội bộ đảng, ngay tại thủ đô Hà Nội, ông không thể giống như chúng ta đấu tranh ở Mỹ, ở Pháp hay ở Đức. Tôi có quen ông, tiếc rằng chỉ trên điện thoại, tôi hiểu ông là người điềm đạm, nhưng vững vàng trong trận chiến đấu của mình.

VNN: *Thưa ông, liệu những tiếng nói phản kháng trong nước có làm nên chuyện gì trong việc dân chủ hóa đất nước không?*

NCT: Tôi đã nhiều lần phải nhắc đi nhắc lại: ngôn luận là cái cầu nối liền giữa tư tưởng và hành động. Nó là bước đầu không thể thiếu trong cuộc đấu tranh để dân chủ hóa đất nước. Những tiếng nói phản kháng ở trong nước là vô cùng quý báu. Theo tôi, tiếng nói của ông Trần Độ là tiếng nói gây tác động lớn nhất. Trong đảng, trong quân đội, có nhiều cán bộ, sĩ quan cao cấp là bạn hoặc là đàn em của Trần Độ. Những lời tâm huyết của ông đánh thẳng ngay vào tim óc của những lực lượng mà nhóm lãnh tụ đảng coi như trụ cột để họ dựa vào nhằm giữ vững địa vị và đặc quyền. Một khi trụ cột lung lay thì chế độ cũng phải lung lay, và sụp đổ nhanh chóng nhất. Indonesia là một minh chứng. Tôi coi những chiến sĩ dân chủ như Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đình Huy, Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc... là những người chuẩn bị tâm lý cần thiết cho nhân dân trong cuộc nổi dậy tương lai. Có những người ở hải ngoại coi họ là “cò mồi”, là “đối lập cuối”, nên tự đặt cho mình câu hỏi: mấy lãnh tụ cộng sản bấy trờ tự gây rắc rối cho mình như vậy để làm gì? Những hình ảnh tượng tượng trong đầu những chính khách xalông chẳng có gì giống với thực tế. Ở ngoài này tôi còn thấy một hiện tượng tuy không phổ biến nhưng cũng khá tai hại. Đó là thái độ mong chờ chế độ hiện tại tự dân chủ hóa. Tôi nghĩ sự mong chờ này là vô vọng. Muốn dân chủ hóa xã hội nhất thiết phải dẹp bỏ chế độ độc tài đảng trị. Đây là tiền đề không thể thiếu.”

Nội dung bài phỏng vấn có một số điểm đáng lưu ý:

- Những người có dịp tiếp xúc với Nguyễn Chí Thiện đều biết ông là người bản lĩnh, ý chí sắt thép. Con người bên mộ song thân thể chiến đấu chống Đại Ác Cộng Sản đến cùng, nay phát biểu những lời rõ ràng bên vực và tán thành việc làm của ông Trần Độ, một cựu trung tướng cộng sản có trên 50 tuổi đảng. Trong một bài phỏng vấn khác ông Nguyễn Chí Thiện còn yêu cầu mọi người hết lòng yểm trợ cuộc chiến đấu của ông Trần Độ. Ông Thiện chống chế độ cộng sản nhưng nhìn từng người cộng sản bằng những con mắt khác nhau.

- Lập trường của ông Nguyễn Chí Thiện đối với những người cộng sản phản kháng tương đối có nhiều cảm tình hơn so với thời gian hơn hai năm trước lúc ông trả lời thư của nhà văn Nhật Tiến. Lý do có lẽ không phải vì ông Vũ Thư Hiên, một người bạn tù của ông Thiện, trong tác phẩm hồi ký “Đêm Giữa Ban Ngày” lên tiếng trách (oan) ông Thiện đã vợ dứa cả năm khi phủ nhận lòng yêu nước của một số người cộng sản “chân chính”, mà có lẽ vì ông Thiện đã nhìn thấy thời cơ lịch sử và nhu cầu khẩn thiết của một mặt trận chung chống độc tài đảng trị, hay ít nhất một thế y đốc giữa một bên là người cộng sản phản kháng và một bên là người tranh đấu không cộng sản. Trong sự hợp tác phải tạm thời (hay vĩnh viễn?) bỏ qua những đối nghịch trong quá khứ hay những khác biệt trong những góc nhìn về lịch sử liên quan đến công, tội, phải, trái, đúng, sai của cả hai bên. Phần phát biểu của ông Nguyễn Chí Thiện về ông Trần Độ vì thế không chỉ là sự bày tỏ cảm tình của một cá nhân với một cá nhân, mà còn thể hiện một cái nhìn chiến lược có hiệu năng thắng bại.

- Những người ái mộ và đặt kỳ vọng vào ông Nguyễn Chí Thiện tất nhiên muốn ông nói đầy đủ hơn về những điều ông đã suy nghĩ. Phải hết lòng yểm trợ cuộc chiến đấu của những người như ông Trần Độ nhưng làm thế nào thể hiện sự hết lòng? Và yểm trợ thế nào cho hữu hiệu? Phải bắt đầu từ đâu? Một công tác trường kỳ và có tổ chức? Một cuộc tập hợp chính trị chống

độc tài đảng trị? Các kế hoạch vận động quần chúng, vận động quốc tế, vận động tài chánh? Cách ứng phó với những âm mưu phá hoại của tình báo chiến lược của cộng sản tại hải ngoại, đặc biệt là sự xuất hiện của những luận điệu chống cộng cực đoan nhất định không đội trời chung với người cộng sản, bất kể loại cộng sản nào? Những luận điệu này chủ yếu là tác phẩm của những người quốc gia mơ mộng hay thủ pháp “gây ông đập lưng ông” của những Cô Tô Mộ Dung cộng sản đội lốt quốc gia? Và thi sĩ họ Nguyễn là chàng thư ngai Đoàn Dự hay đại trượng phu Tiêu Phong?

- Cũng trong bài phỏng vấn, ông Nguyễn Chí Thiện nhắc tới (một sự cố ý?) ông Nguyễn Đình Huy cùng lúc với các ông Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc. Ông gọi những vị này là những chiến sĩ dân chủ, những người chuẩn bị tâm lý cần thiết cho nhân dân trong cuộc nổi dậy tương lai. Ông nói câu sau đây, cũng có vẻ để áp dụng nhiều nhất cho trường hợp Nguyễn Đình Huy: “Có những người ở hải ngoại coi họ là “cò mối”, là đối lập “cuội” nên tự đặt cho mình câu hỏi: mấy lãnh tụ cộng sản bây giờ tự gây rắc rối cho mình như vậy để làm gì? Những hình ảnh tưởng tượng trong đầu những chính khách xa-lông chẳng có gì giống với thực tế”. Ông Thiện không muốn nặng lời hơn nữa nhưng đủ vô hiệu hóa những mũi tên tẩm thuốc độc và phục hồi toàn vẹn danh dự cho ông Nguyễn Đình Huy và các chiến hữu của ông trong cả hai tổ chức Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ và Liên Minh Dân Chủ Việt Nam. Một lần nữa lời nói của tác giả “Hoa Địa Ngục” có sức mạnh mở ra một triển vọng đoàn kết rộng lớn trong hàng ngũ những người quốc gia.

Nếu nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam đang hối tiếc đã “thả cộp về rừng”, có lẽ họ còn phải hối tiếc nhiều hơn nữa trong những ngày tháng tới!

Lê Trung Hưng
(tháng 9/1998)



THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF
(hoặc tương đương)
Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc :
THÔNG LUẬN
124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Đức:
Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.
Tel: 069-4940048
Fax: 069-443913
và thanh toán tiền mua báo dài hạn
(60 DM/năm) vào trương mục:
Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr: 00 77 70 82 94
Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada
có thể liên lạc và góp ý kiến với
Thông Luận qua địa chỉ:

Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592
e-mail: qml@juno.com
Khi thanh toán tiền mua báo
(40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
do **Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam**
(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan
Stelpswyk 13, 9202 BD Drachten
Telefax: 051.253.1318 - 024.373.0652

Giá báo một năm: 55 gulden,
xin chuyển vào trương mục của hội:
Giro nr 6234112. Postbus 40083

Các giá trị văn hóa căn bản

Tôn Thất Long

1. Sự phân loại các giá trị văn hóa căn bản

2. Các giá trị văn hóa căn bản của thời đại

3. Các giá trị của tinh thần khoa học

4. Nhìn lại bài học của lịch sử

1. Sự phân loại các giá trị văn hóa căn bản

Lịch sử nhân loại đã được nhắc đến kể từ khi dân số trong các xã hội loài người đạt được các con số khổng lồ, con người không còn có thể sống cô lập như thời tiền sử mà phải tụ họp lại trên hình thức căn bản của các tập thể xã hội rộng lớn. Sự sống còn của mỗi thành viên trong mọi xã hội đều có ảnh hưởng và liên hệ mật thiết với sự sống còn của các thành viên khác cũng như với sự tồn tại chung của cả tập thể loài người. Văn hóa trở thành các động lực chủ yếu dùng làm nền móng xây dựng xã hội, điều hòa cuộc sống tập thể và được thể hiện qua một số các nguyên tắc, các tinh thần và các mối tương quan liên hệ giữa các thành viên trong xã hội. Những giá trị tinh thần này là những yếu tố quyết định sự sinh tồn, sự tiến hóa hay sự tiêu vong của xã hội.

Trong bài viết này, chúng ta sẽ chỉ đề cập đến các giá trị văn hóa căn bản nhất trong mục tiêu làm cơ sở cho các đào tạo văn hóa con người qua hệ thống giáo dục sau này, đặt nền tảng cho việc xây dựng các cơ cấu tổ chức căn bản của xã hội. Chúng ta cũng chỉ đề cập một cách sơ lược các giá trị văn hóa đạo đức và hoàn toàn bỏ qua không đề cập đến các vấn đề rộng lớn khác về văn hóa dưới khía cạnh nghệ thuật và các ảnh hưởng sâu rộng của văn hóa nghệ thuật trong cuộc sống cụ thể hàng ngày. Sau nữa, để không đi quá xa trong các phân tích, chúng ta cũng chỉ đề cập vấn đề trong khung cảnh của một xã hội Dân chủ Tự do mà ta muốn xây dựng mai sau.

Nhìn chung, Văn hóa là một khái niệm thay đổi không ngừng. Trên mức độ cao nhất, văn hóa muốn đề cập đến các triết lý trừu tượng của cuộc sống, muốn khám phá các bí ẩn đang bao quanh cuộc sống hàng ngày, tìm hiểu

các nguyên nhân và mục tiêu cuối cùng của các xã hội loài người và của môi trường thiên nhiên,... tìm hiểu về vũ trụ quan cũng như về nhân sinh quan... để từ đó rút ra các hệ quả dùng làm nền móng xây dựng và tổ chức xã hội hiện hữu. Đó là những đề tài rộng lớn, vô cùng tận mà tri thức con người vẫn chưa bao giờ tìm ra được những lời giải tương đối đồng nhất, chính xác hay hợp lý... một cách tuyệt đối. Trong khi đó, dầu muốn hay không, dầu có giải thích được hay không giải thích được các nghi vấn sâu xa về nhân sinh quan hay về vũ trụ quan, các xã hội loài người vẫn luôn luôn có những vấn đề nan giải, cấp bách cụ thể trong các sinh hoạt của cuộc sống hàng ngày cần phải được giải quyết để có thể sinh tồn và tiến hóa, nếu không muốn đi vào con đường tiêu vong... Vì vậy, Văn hóa chủ yếu đặt các mục tiêu để giải quyết các vấn đề cụ thể sau đây: Làm thế nào để giải quyết các tranh chấp về quyền lợi và quyền lực thường xuyên xảy ra trong xã hội, để xã hội có thể tồn tại và ổn định cuộc sống trong trạng thái đa nguyên hiện tại? Làm thế nào để khám phá hữu hiệu các chân lý (điều thiện, điều đẹp và điều thực) để giải thích từ từ các điều bí ẩn đang bao trùm trong cuộc sống, trong mục tiêu nâng cao đời sống hàng ngày của con người, trong mục đích phát triển tài nguyên thiên nhiên để thỏa mãn và cải tiến các nhu cầu vật chất và sinh lý cụ thể của con người.

Trên các khía cạnh trên đây, ta có thể tạm thời phân biệt Văn hóa dưới ba khía cạnh khác nhau: Văn hóa chính trị, Văn hóa đạo đức và Tinh thần khoa học. Dưới ba khía cạnh này, ta sẽ có thể nhận diện được ba vấn đề chính yếu của mọi xã hội loài người về cơ cấu tổ chức tổng quát của xã hội, về cách giao tiếp bình thường giữa các thành viên trong xã hội và về các phương thức lao động để tạo

ra các tài nguyên thỏa mãn các nhu cầu của xã hội. Mỗi nhìn qua ba khía cạnh này có vẻ độc lập với nhau nhưng thực sự cả ba khía cạnh luôn luôn có những liên quan mật thiết với nhau. Cả ba vấn đề đều có mục tiêu bảo vệ sự sinh tồn và sự tiến hóa của các xã hội, giúp cho các xã hội loài người tránh khỏi con đường tiêu vong. Bởi vì, như chúng ta đã có lần đề cập, không tạo được một nền móng tổ chức thích hợp hay không thông hiểu được các lãnh vực chính trị, tâm lý..., xã hội loài người sẽ tự đào thải lẫn nhau vì các tranh chấp về quyền lợi và quyền lực. Không tìm hiểu được môi trường sinh sống và tổ chức các sinh hoạt một cách chính xác, hợp lý để giải quyết các vấn đề về phát triển tài nguyên, tạo cho xã hội các nguồn lợi vật chất cần thiết cho cuộc sống, xã hội loài người cũng đi đến một kết quả vì nghèo đói và bần cùng cùng sẽ dẫn tới sự tiêu vong.

2. Các giá trị văn hóa căn bản của thời đại

Chỉ trừ ra một vài nước, hầu như mọi dân tộc trên thế giới ngày nay đều đã chấp nhận, ít nhất là trên nguyên tắc, xây dựng xã hội dựa trên khái niệm về Dân chủ-Tự do. Trong lịch sử, vấn đề chính yếu của mọi xã hội hay của cả tập thể nhân loại vẫn luôn luôn là các tranh chấp thường xuyên về quyền lợi và quyền lực. Dầu muốn hay không, các tranh chấp nội bộ trong cuộc sống tập thể của mỗi xã hội hay giữa các xã hội khác nhau vẫn luôn luôn xảy ra và đè nặng trên suy tư của mọi người, nhất là khi nhân số các xã hội đang trên đà tăng trưởng không ngừng và nhất là khi các tài nguyên vật chất sản xuất ra được không đủ để thỏa mãn nhu cầu của mọi tầng lớp thành viên xã hội. Sự tiêu vong của mọi xã hội thường xuất phát từ các tranh chấp này về sự phân công lao động, sự phân phối tài nguyên, về sự

phân phối quyền lực và quyền lợi. Văn hóa của mỗi xã hội chủ yếu phản ánh các mối tương quan đó và là đối tượng của địa hạt Văn hóa chính trị và, nói rộng ra là Văn hóa đạo đức.

Văn hóa trong các xã hội trước tiên là những quy định chung có mục tiêu đặt các căn bản chung sống tập thể, tìm kiếm những nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quyền lợi và quyền lực, đặt nền móng cho việc xây dựng các cơ cấu tổ chức thích đáng trong xã hội, để đưa cuộc sống từ trạng thái đa nguyên khác biệt đến cuộc sống hài hòa giữa mọi thành viên, san bằng các bất công trong xã hội. Đó là những giá trị đặt căn bản cho một khế ước chung sống, trong lợi ích chung của xã hội, dựa trên sự đồng thuận chấp nhận cùng nhau xây dựng một tương lai chung, vừa có tính cách bắt buộc để giới hạn các thái độ tự do cực đoan, vừa bảo đảm các quyền tự do căn bản cho mỗi cá nhân, vừa có đầy đủ khả năng để tự thích nghi với các thay đổi của môi trường và với các trào lưu tư tưởng tiến bộ mới. Các quy ước sống chung này thường được thể hiện qua một văn kiện tổng quát, dưới hình thức của một Hiến pháp trong đó thể hiện những giá trị văn hóa dùng làm nền tảng cho công cuộc xây dựng thượng tầng cơ sở chung, đặt căn bản cho các cơ cấu tổ chức và bộ máy chính quyền ở mọi cấp để điều hòa các mối tương quan và sự chung sống tập thể trong các xã hội và, khi nói rộng ra, là cho cả tập thể nhân loại.

Trong các giá trị căn bản nhất dùng làm nền tảng cho quy ước sống chung trong một xã hội Dân chủ-Tự do trước tiên ta phải kể đến một giá trị mà ta chấp nhận như một nguyên lý chung. Đó là "sự sống chung hòa bình của mọi cá nhân và mọi tầng lớp đang hiện hữu trong xã hội, trong trạng thái đa nguyên hiện có, chỉ trừ khi sự hiện hữu này đe dọa đến sự hiện hữu và sự sinh tồn chung của xã hội". Không một cá nhân hay một tập đoàn nào có thể nhân danh bất kỳ một lý tưởng nào để chà đạp lên sự sống còn của các cá nhân hay của các tập thể khác. Mọi sinh hoạt trong xã hội đều phải lấy con người làm gốc, trong mục tiêu phục vụ các lợi ích và tôn trọng nhân phẩm của mỗi con người cũng như của tập thể xã hội. Các điều còn lại khác của Văn hóa làm sao tìm kiếm các

nguyên tắc tổ chức các cơ cấu xã hội, cải tiến sự phân công lao động và phương pháp làm việc để phát triển phong phú tài nguyên trong xã hội, trong mục tiêu nâng cao đời sống vật chất cụ thể của cuộc sống, làm thỏa mãn và ổn định các tranh chấp trong các mối tương quan về quyền lực và quyền lợi trong xã hội. Từ nguyên lý chung này sẽ nảy sinh ra những khái niệm riêng biệt căn bản khác mà ta sẽ nêu ra sau đây những khái niệm chính yếu dùng làm nền tảng cho việc xây dựng các xã hội Dân chủ-Tự do.

Trước tiên, xã hội phải được xây dựng trên khái niệm về Nhân quyền, theo đó khi sinh ra thì mọi người đương nhiên có những quyền cơ bản, như quyền sống yên ổn trong môi trường của mình, quyền lao động, quyền có được các phương tiện bảo đảm các nhu cầu tối thiểu của cuộc sống, quyền mưu cầu hạnh phúc, quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, quyền tư hữu... Công bằng xã hội và sự cấm đoán mọi hình thức bóc lột để giải phóng con người khỏi những ràng buộc về nhu cầu vật chất hàng ngày cũng nằm trong những quyền căn bản của con người. Sau các quyền tối thiểu để bảo đảm đời sống của mỗi cá nhân là khái niệm Dân quyền, qui định các nguyên tắc tham gia vào các sinh hoạt chung trong xã hội, qui định sự hành xử các quyền lực trong xã hội cũng như những bổn phận mà mỗi cá nhân phải có đối với tập thể và xã hội, để cho quyền lợi của mỗi cá nhân không tương phản với quyền lợi của tập thể và của các cá nhân khác, tạo ra một sự quân bình giữa quyền lợi và nghĩa vụ. Một trong các điều căn bản của Dân quyền là sự bình đẳng của mọi người, mọi quy định trong việc điều hành xã hội phải được áp dụng cho mọi người chứ không phải là dụng cụ của một cá nhân hay một tập thể nào. Mọi người dân đều bình đẳng và có những cơ hội đồng đều để tham gia vào guồng máy tổ chức quyền lực và lãnh đạo xã hội, qua các hình thức đại diện và qua sự tín nhiệm của các thành viên khác trong xã hội...

Sự phân quyền và tản quyền, tuy không phải là những giá trị tinh thần, nhưng là những nguyên tắc cơ bản khác cho việc xây dựng các cơ cấu tổ chức và guồng máy điều hành các công việc bình thường trong xã hội, tránh mọi sự

lạm dụng và tích lũy quyền lực. Mọi hình thức nắm giữ quyền lực trong các xã hội dân chủ phải được quan niệm như là những chức năng điều hành các bộ phận của guồng máy xã hội và đều được quy định rõ rệt, giới hạn trong những không gian nhất định, trong những khoảng thời gian định kỳ nhất định đã được giao ước từ trước và trên những lãnh vực nhất định... để quản trị các công việc bình thường trong xã hội, trong lợi ích của mỗi cá nhân cũng như trong lợi ích chung cho toàn xã hội. Mọi hình thức độc quyền và thần quyền đều không có chỗ đứng trong các cơ cấu tổ chức của các xã hội Dân chủ-Tự do.

Hiến pháp của một quốc gia mà ta đã nhắc đến trên đây chỉ thể hiện các nguyên tắc tổng quát sống chung trong xã hội và thường được cụ thể hóa, với mọi chi tiết cần thiết, qua hình thức của Luật pháp. Tất cả những giá trị văn hóa khác luôn luôn phải được quan niệm để phù hợp với quy ước chung nêu ra trên đây cũng như không được tương phản lẫn nhau. Người Tây phương và các xã hội dân chủ tiến tiến ngày nay quan niệm Luật pháp như là những tiêu chuẩn cụ thể, có thể giải thích một cách thuần lý và chính xác, có thể đo lường được... dùng để giải quyết các mâu thuẫn và tranh chấp về quyền lợi trong xã hội. Một nền Dân chủ luôn luôn phải là một nền dân chủ pháp trị trong đó luật pháp phải rõ ràng. Nói một cách khác, Luật pháp phải thể hiện các tinh thần công lý và tính bình đẳng. Ngược lại, tinh thần thượng tôn pháp luật, xem pháp luật như là biểu hiện của ý muốn tối cao của xã hội, cũng phải nằm trong nội dung của khái niệm Nhân quyền và Dân quyền và là bổn phận chính yếu của mọi người đối với xã hội.

Một giá trị quan trọng hàng đầu khác là tinh thần đối thoại và tôn trọng sự thật. Ngay cả khi đã giải quyết được các nguyên tắc cơ bản trong việc điều hành quyền lực, các tranh chấp trong xã hội vẫn luôn luôn diễn ra, thường thường dưới khía cạnh phân phối tài nguyên vật chất, kết quả của sự lao động, nhất là khi có những thay đổi về kỹ thuật sản xuất. Sự chênh lệch cao độ trong sự phân phối tài nguyên là một sự bất công và sẽ dẫn tới sự bất bình đẳng trong xã hội và đưa đến các khủng hoảng chính trị. Vì vậy mà mọi xã hội cần phải được xây dựng

liên tục trên tinh thần đối thoại hòa bình thường xuyên giữa mọi tầng lớp khác nhau để giải quyết các tranh chấp và tiến xa hơn nữa trong việc tìm hiểu sự thật. Nhờ vào tinh thần đối thoại mà luật pháp xã hội thay đổi không ngừng trong ổn định, tránh cho xã hội những đổ vỡ cực đoan, nội chiến và tránh cho các dân tộc khác nhau những cuộc chiến tranh tương tàn. Nhờ vào đối thoại mà các sự thật mới có cơ hội bộc lộ và sáng tỏ để đưa xã hội đi xa trên con đường tiến hóa... Trong cùng một chiều hướng này, ta cũng không thể bỏ qua một giá trị văn hóa quan trọng khác, không kém phần quan trọng trong quá trình đào tạo văn hóa đạo đức con người: Đó là tinh thần thể thao. Thể thao tự nó là một lãnh vực văn hóa thuần túy nghệ thuật nhưng "tinh thần thể thao" là một lãnh vực tinh thần, là một phương pháp đào tạo đạo đức con người một cách cụ thể vì việc tranh đua công khai qua hình thức thể thao luôn luôn đặt nguyên tắc trên sự tôn trọng tuyệt đối những quy ước đã được đặt ra từ trước, cũng như tôn trọng các giá trị ngay của cả người đối lập của mình. Việc thực hành các môn thể thao tập thể dĩ nhiên làm nảy nở tinh thần hợp tác, tinh thần đồng đội, tinh thần đối thoại, tinh thần tôn trọng sự thật, và tinh thần tranh đua chính đáng, muốn tìm cách vượt mọi khó khăn để đạt được những thành tích ngày càng cao đẹp, ngày càng sâu sắc. Đó là những đức tính tối cần trong đời sống hàng ngày, thúc đẩy sự tiến hóa của xã hội.

Xét cho kỹ, các khái niệm chính yếu về văn hóa chính trị dùng làm cơ sở cho việc xây dựng các Xã hội Dân chủ-Tự do hiện nay ở các xã hội Tây phương mà ta vừa nêu ra trên đây cũng được xem như là một hình thức, ở mức độ cao nhất trong xã hội, của Văn hóa đạo đức và các giá trị này được cụ thể hóa dưới hình thức của Luật pháp. Trong khung khổ của bài viết này, ta chỉ muốn nhấn mạnh thêm rằng, vừa muốn cho xã hội có một ổn định cần thiết, vừa xem Tự do là một quyền chính đáng tối cao của con người... vừa muốn xây dựng xã hội trên những căn bản trong sáng thuần lý, phù hợp với tinh thần khoa học mà ta sẽ đề cập trong phần sau, luật pháp trong các xã hội Tây phương vừa có tính cách cụ thể, có thể đo lường được, vừa có tính

cách bắt buộc và tối thiểu, để không muốn hạn chế quá đáng quyền tự do con người. Vì vậy trong các xã hội này, Văn hóa đạo đức thường chỉ được giới hạn trong các giá trị về sự tôn trọng Luật pháp, Luật pháp là tiêu chuẩn duy nhất điều hòa các mối tương quan trong xã hội và sự điều hành xã hội đặt căn bản trên việc xây dựng một nhà nước pháp trị. Vì vậy, cũng trong tinh thần "trong sáng và thuần lý" này, trong các xã hội Tây phương, các tinh thần đạo đức dưới các hình thức định tính không đo lường được, không định lượng được một cách chính xác, như các khái niệm về luân lý, như lòng nhân đạo, lòng từ bi, lòng bác ái, hay tinh thần trách nhiệm, và ngay cả các giá trị tinh thần của khái niệm gia đình, cũng chỉ được xem như là những lãnh vực riêng tư của mỗi cá nhân, một hình thức của quyền tự do tuyệt đối, mà con người có thể chấp nhận hay từ chối, xã hội không có quyền can thiệp và hệ thống giáo dục không có quyền cùng như nhiệm vụ phổ biến chính thức các giá trị đó. Vì vậy mà trong các xã hội Tây phương, đạo đức và luật pháp chỉ thường được xem như là hai hệ thống vòng tròn đồng tâm nhưng trung tâm điểm của hai hệ thống đó lại khác nhau, mặc dầu mỗi vòng tròn của một hệ thống có thể có một phần chung với một vòng tròn của hệ thống kia, tùy theo từng mức độ khác nhau. Đó là một nghi vấn và cũng là một sự khác biệt cơ bản giữa văn hóa ở các xã hội Tây phương và các xã hội Á đông cổ truyền mà ta cần phải xét lại.

3. Các giá trị của tinh thần khoa học

Ngày nay, hầu như mọi sinh hoạt của con người đều trở thành những môn khoa học riêng biệt và mọi sinh hoạt đều có thể nhìn dưới hai khía cạnh khác nhau: Văn hóa và Kỹ thuật. Khi xét sinh hoạt trên khía cạnh thực hiện và phương pháp thực hiện thì đó là một vấn đề về kỹ thuật. Ngược lại, khi nhìn các sinh hoạt đó theo mục tiêu và tinh thần thực hiện thì đó lại là một vấn đề văn hóa. Văn hóa, theo nghĩa sâu xa đó, là những "trạng thái tinh thần", những "thái độ" để đạt tới một mục tiêu nhất định. Cũng như khi một nhà văn thực hiện một tác phẩm thì đó là một vấn đề kỹ thuật nhưng diễn đạt tư tưởng của mình qua

tác phẩm đó lại là một vấn đề về văn hóa. Vì vậy, ta nên phân biệt rõ ràng hai khái niệm khác nhau: việc thực hành một môn khoa học cụ thể và tinh thần khoa học. Cũng như một nhà khoa học, nghĩa là một người nghiên cứu một môn khoa học nhất định, không bắt buộc phải có đầy đủ các đức tính của tinh thần khoa học nhưng khi nhà khoa học đó có đầy đủ các đức tính của tinh thần khoa học thì công việc nghiên cứu khoa học sẽ hợp lý hơn nhiều. Ngược lại, một người có thể không làm công tác nghiên cứu khoa học nhưng vẫn có thể có đầy đủ các đức tính của tinh thần khoa học. Việc thực hành một môn khoa học nhất định là một sự kiện chỉ có liên hệ tới một số người nhất định và là một vấn đề về Kỹ thuật, trong khi hành động trong tinh thần khoa học là một vấn đề liên quan tới sinh hoạt của mọi người và là một vấn đề về Văn hóa.

Trong phần này ta sẽ xét tinh thần khoa học trên ba khía cạnh chủ yếu: Tinh thần tìm hiểu sự thật, tinh thần tìm hiểu những điều mới lạ và tinh thần tổ chức hợp lý của các phương pháp làm việc hàng ngày. Nói chung, mọi khoa học thường được xây dựng trên sự chấp nhận một số giả thuyết mà ta thường gọi là các "nguyên đề" hay các "định đề" và dựa trên một số cơ sở về lý luận sơ đẳng, đơn giản mà ta thường có thể chấp nhận một cách tự nhiên. Tinh thần khoa học nói chung là những phương pháp làm việc dựa trên những căn bản "thuần lý", có thể lý luận được từ các cơ sở lý luận sơ đẳng nói trên mà vẫn luôn luôn phù hợp với các nguyên đề đã được đặt ra từ đầu. Khi lý luận trên lãnh vực tinh thần và tình cảm thì đó là tinh thần khoa học trong lãnh vực tư tưởng đạo đức. Khi các cơ sở lý luận và đối tượng của khoa học là những gì mà ta có thể sờ mó được, có thể kiểm chứng được, có thể thực hiện được một cách cụ thể, thì đó là lãnh vực của các khoa học chính xác hay của khoa học về các vật thể.

Trong đời sống hàng ngày cũng như trong công cuộc tìm hiểu vũ trụ, con người luôn luôn đứng trước những khó khăn và những nghi vấn, không cho phép ta giải thích các sự vật và các hiện tượng một cách thuần lý. Tinh thần khoa học trước tiên là tinh thần tìm kiếm sự thật, giải thích các sự kiện một cách

tận cùng, tuyệt đối và khách quan mà vẫn luôn luôn phù hợp với các nguyên đề đã đặt ra từ đầu. Khi lý luận còn khúc mắc hay mâu thuẫn với những điều đã được chấp nhận từ trước thì sự thật chưa được khám phá và cần phải tìm cách đặt lại vấn đề hay thay đổi các giả thiết ban đầu. Đó là tinh thần phản kháng, không chấp nhận các nghi vấn trong các tranh luận, không ngừng bước trước áp lực của bạo lực, không chấp nhận nguy hiểm và các phản lực. Khi áp dụng tinh thần này vào lãnh vực tư tưởng thì tinh thần tìm hiểu sự thật giúp cho con người phải luôn luôn phải tự trọng với chính bản thân của mình, không cho phép con người hành động trái với lương tâm của mình và đó là một vấn đề đạo đức. Khi áp dụng vào việc sử dụng quyền lực trong xã hội thì tinh thần tìm hiểu sự thật sẽ là những cơ hội cho phép điều chỉnh lại các cơ cấu tổ chức xã hội và luật pháp để cho phù hợp với các tình trạng và dữ kiện mới, tránh các sự tích lũy các bất đồng tư tưởng và quyền lợi và giải quyết các tranh chấp một cách ôn hòa. Quan trọng hơn cả là việc áp dụng tinh thần tìm hiểu sự thật vào việc khám phá vũ trụ và vào các khoa học chính xác, nhờ đó mà ngày nay các xã hội tiên tiến Tây phương dần dần chế ngự và điều hòa được các trở ngại của môi trường sinh sống của mình, tìm hiểu được các quy luật biến hóa của thiên nhiên và vũ trụ, giúp con người điều hòa các mối tương quan giữa con người và vũ trụ, trong mục tiêu phát triển phong phú các tài nguyên, tạo ra các nguồn lợi vật chất để giải quyết và cải thiện các nhu cầu cần thiết cho cuộc sống hàng ngày. Trên khía cạnh này, đó là một vấn đề kỹ thuật nhưng nhờ vào các tiến bộ về kỹ thuật này mà xã hội loài người tránh được các tình trạng nghèo khó bần cùng của các thời kỳ sơ khai trong lịch sử.

Cũng như tinh thần tìm cách vượt mọi khó khăn để đạt được các kỷ lục mới đã được nhắc đến trong tinh thần thể thao, khía cạnh thứ hai của tinh thần khoa học là "tinh thần khai phá" những chân trời mới lạ và những chân lý mới. Đó là tinh thần sáng tạo, luôn luôn muốn cải tiến đời sống, luôn luôn muốn làm những việc hữu ích phi thường, muốn luôn luôn tiến bước, không tự mãn với những gì đã có, không bó tay

thủ phận trước khó khăn. Nhiều người thường phát biểu tinh thần này như là "tinh thần mạo hiểm" hay "tinh thần phiêu lưu", nhưng tinh từ "mạo hiểm" hay "phiêu lưu" có thể bị hiểu lầm như là những hành động quá khích, thiếu suy nghĩ, nên danh từ "tinh thần khai phá" là thích hợp hơn cả để diễn tả ý muốn của xã hội loài người luôn luôn muốn đi xa hơn nữa, muốn đưa tầm nhìn của mình đi trước hiện tại, muốn dự đoán trước tương lai của mình, muốn dẫn thân trong phục vụ các lợi ích chung, trong việc tìm kiếm các chân lý mới, mặc dầu đã biết trước mọi khó khăn không tránh né được, mặc dầu đã biết trước mọi cạm bẫy đang chờ đón mình. Vì vậy tinh thần khai phá còn có một ý nghĩa sâu xa hơn cả tinh thần tìm hiểu sự thật, không phải chỉ có mục đích xác định những chân lý để giải quyết các khó khăn của hiện tại. Ngày nay, trước sự phát triển mau chóng của khoa học kỹ thuật, nhiệm vụ của mọi xã hội không những chỉ là giải quyết các vấn đề khó khăn của hiện tại mà chính yếu là, dựa trên các dữ kiện của lịch sử và các chiều hướng phát triển của hiện tại và quá khứ, dự đoán các phát triển trong tương lai, đón chờ và ngăn chặn trước các mầm mống tranh chấp trong xã hội.

Sau hết, chúng ta cần phải xác định một cách rõ rệt rằng, mọi hệ thống và mọi sinh hoạt, dưới hình thức của các khoa học chính xác hay của các khoa học xã hội hay khoa học nhân văn, muốn được chuyển vận một cách hữu hiệu đều phải có những cơ cấu tổ chức và những phương pháp làm việc thích đáng. Vì vậy, khía cạnh thứ ba của tinh thần khoa học mà ta muốn nêu ra sau đây là tinh thần tổ chức làm việc và các sinh hoạt một cách hợp lý và thuần lý. Muốn nghiên cứu một hệ thống hay thực hiện một công việc nhất định trong "tinh thần làm việc một cách khoa học", người khoa học thường bắt đầu bằng cách đặt vấn đề một cách chính xác, xác định các mục tiêu và các chức năng chung của hệ thống. Sau đó, đi từ lớn tới nhỏ, tìm cách phân tích hệ thống ban đầu thành từng bộ phận hay hệ thống ngày càng đơn giản hơn để dễ quan sát, phân tích chức năng của mỗi bộ phận trong hệ thống chung và sau cùng tìm cách phối hợp các liên hệ giữa các bộ

phận khác nhau để giải quyết dần dần các vấn đề đặt ra từ đầu, đi từ các bộ phận nhỏ tới các bộ phận lớn. Trong tinh thần làm việc này, "phân tích", "tổng hợp" và sự phân định các chức năng của các bộ phận riêng biệt là những khái niệm liên hệ mật thiết với nhau và giúp ta nhận thức được một cách rõ ràng các nhiệm vụ của từng bộ phận, các mức độ khó khăn và trọng tâm của từng vấn đề. Ngay cả khi hệ thống đã được thực hiện bình thường, các khái niệm về phân tích và tổng hợp vẫn phải hiện hữu thường xuyên trong tiềm thức của con người để có thể phát hiện các sai lầm cũng như để cải tiến hệ thống. Vì vậy, khi nhìn vào một hệ thống có tổ chức theo tinh thần này, ta có thể thấy ngay một cách rõ rệt vai trò và vị trí của mỗi bộ phận trong hệ thống chung, tránh các sự trùng hợp vô ích, tránh các sự chồng chất của các chức năng, tránh các sự lãng phí vô ích, để cho mỗi thành phần của hệ thống có thể chuyển vận một cách bình thường, hòa hợp mà không va chạm hay tranh chấp với các bộ phận khác của hệ thống. Vì vậy, các hệ thống khoa học thường là những hệ thống "đẳng cấp", có thứ tự rõ rệt, mỗi thành phần trong hệ thống đều có những chức năng nhất định và sự thực hiện các chức năng này là yếu tố tiên quyết cho sự chuyển vận điều hòa chung của hệ thống. Trong mọi lãnh vực sinh hoạt, như lãnh vực các tổ chức lao động, sản xuất hay các tổ chức để điều hành guồng máy xã hội, tinh thần khoa học cũng là một yếu tố quan trọng quyết định hiệu năng của sự lao động, sự thành công hay thất bại của hệ thống. Vì vậy, ngay trong các hệ thống tổ chức điều hành các guồng máy quản lý xã hội, tính "đẳng cấp" của các hệ thống này cũng là một điều tự nhiên và có tính chất "cưỡng bách", "bắt buộc". Điều quan trọng là ta phải quan niệm sự đẳng cấp này như là một sự phân định hợp lý các chức năng kỹ thuật trong vấn đề phân công lao động, tùy theo khả năng của mỗi thành viên, và không thể quan niệm sự đẳng cấp như là một sự tranh chấp về quyền lực giữa các tầng lớp hay các thế lực khác nhau trong xã hội.

Tóm lại, tinh thần khoa học giúp con người tổ chức hợp lý các cơ cấu tổ chức xã hội, các sinh hoạt trong cuộc sống cụ

Phật học và tánh hiện đại

Diệp Tường Bảo

Như nhiều dân tộc lạc hậu khác, người Việt chúng ta thường thích những khẩu hiệu bùi tai ("*bốn ngàn năm văn hiến*") hay những hình ảnh sướng mắt ("*con rồng cháu tiên*") thay vì cố gắng tự xét mình một cách khách quan. Trong một khoảng thời gian rất dài, sử học Việt Nam không vượt lên trên tánh cách biên niên, chúng ta không có môn xã hội học và khoa học thiên nhiên của chúng ta giới hạn ở sự hiểu biết thực nghiệm của dân quê hay ngược lại lệch về những khái niệm siêu hình của Lão giáo. Bị ám ảnh bởi mô hình Hán Nho, chúng ta đã không biết đón nhận những ưu điểm của các nền văn minh láng giềng Cao Miên và Lào và không thêm chú ý đến ngay cả những "anh em ruột thịt" Mường, Mông, Mèo, Tày, v.v. Điều đó đã đem lại chúng ta nhiều mặc cảm tự tôn lẫn tự ti khiến cho chúng ta tự đặt cho mình những vấn đề sai và từ đó lấy những quyết định tai hại khi phải đối phó với những thử thách đến từ Tây phương. Gần đây hơn, nó còn khiến cho một số người Việt nhẹ dạ xiêu lòng trước khẩu hiệu "*giá trị Á châu*" do các nhà độc tài Á Đông đề xướng nhằm biện hộ cho những nền chuyên chế trên thực tế tầm thường và tồi tệ như bất cứ chế độ độc tài nào khác. Đây là một sự kiện càng đáng tiếc vì tìm hiểu cận kề toàn bộ thành phần văn hóa của mình, chúng ta sẽ thấy rằng một số giá trị mà chúng ta gán cho "quốc tịch" Tây phương một cách vội vã thiết ra tiềm ẩn hay có hẩn trong chúng ta. Điều này xuất hiện một cách đặc biệt rõ ràng nếu chúng ta chịu khó nghiên cứu Phật học, một trong ba bộ phận của cái gọi là "*tam giáo đồng nguyên*". Những dòng viết sau đây có mục đích làm nổi bật một số đặc điểm Phật học mà theo tôi mang nhiều tánh cách hiện đại chứ không là giới thiệu hoặc cổ võ cho nó. Do đó, tôi xin chỉ nhắc đến những điểm cần thiết cho mục tiêu mà thôi.

Vài điều căn bản của Phật giáo

Nền tảng của đạo Phật là Tứ Diệu

Đế, bốn chơn lý cao cả mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã khám phá và hiến cho nhơn loại cách đây hơn 2500 năm. Điều đáng lưu ý là các chơn lý đó không phải là những mệnh đề độc lập với nhau mà xuất phát từ một phương thức lý luận nhứt quán vì "*nhận thức được bề khổ, người ta sẽ tìm ra nguồn gốc của sự khổ, tìm ra được nguồn gốc của sự khổ, người ta sẽ khám phá được sự chấm dứt của bề khổ và phát giác được sự chấm dứt của bề khổ, người ta sẽ tìm ra được con đường đi tới nó*". Vì thế, một phần nào đó, người ta có thể nói rằng Đế nhứt Diệu Đế hay sự thực về khổ đau là "hạch tâm" của Phật học. Yếu điểm nhưng cũng là điều tinh vi và khó hiểu nhứt của Phật học, Khổ đế đã là nguyên nhơn của những đánh giá sai lầm gán cho Phật giáo những màu sắc bi quan, hư vô hoặc thụ động. Có lẽ lý do của những ngộ nhận ấy bắt nguồn từ việc những hiểu biết của người ta về Khổ đế thường giới hạn ở hai khía cạnh khổ hiểu theo nghĩa thông thường (*dukkha-dukkhata*) và sự khổ đến từ những biến đổi hay hoại khổ (*viparinama-dukkhata*). Nhưng kích thước phụ thuộc và vô thường (*sankhara-dukkhata*) mà Khổ đế bao hàm chính là thành phần cao siêu nhứt của triết lý Phật giáo. Muốn hiểu rõ hơn những ý niệm này, chúng ta hãy xem lại quan niệm Phật giáo về con người. Theo Phật học, con người là sự phối hợp của năm nhóm hay ngũ uẩn (*panca kkhanda*). Nhóm thứ nhứt là vật chất hay sắc (*ruppa khandha*) chia thành bốn đại chủng, cố, thủy, khí và năng và sáu sở tạo sắc, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm quan. Uẩn thứ hai là thọ (*vedana khandha*), tức những cảm giác xảy ra khi mắt tiếp xúc với hình sắc, tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với vật, tâm quan với tâm giới. Uẩn thứ ba là tưởng (*sanna kkhanda*) gồm có sáu tri giác cho phép chúng ta phân biệt những màu sắc, âm thanh, mùi, vị, cứng mềm và các ý niệm. Nhóm thứ tư là hành (*sankhara kkhanda*) : tạo tác của tâm thức gồm

thể, điều hòa các phân công lao động, giúp phát triển và cải thiện đời sống vật chất. Trên phương diện đạo đức, tinh thần khoa học giúp cho con người phải luôn luôn phải tự trọng với chính bản thân của mình, tôn trọng sự thật. Trên phương diện trí dục, tinh thần khoa học giúp cho con người nảy nở óc sáng tạo, giúp con người tìm hiểu và khám phá sự thật, khám phá các chân lý mới, trong mọi lãnh vực, về văn hóa cũng như về khoa học kỹ thuật và dựa trên các cơ sở lý luận thuần lý, vững chắc, rõ ràng.

4. Nhìn lại bài học của lịch sử

Với sự sụp đổ của khối cộng sản Đông Âu, hầu như tất cả các xã hội Tây phương ngày nay đã được xây dựng trên các khái niệm về Nhân quyền và Dân quyền, đẩy lùi vào dĩ vãng mọi tàn dư của các hình thức văn hóa độc quyền và thần quyền. Với tinh thần khoa học, các xã hội này đã đạt được các phát triển vượt bực về kinh tế, tạo cho xã hội các tài nguyên vật chất dồi dào cần thiết cho cuộc sống hàng ngày. Nhờ đó mà trật tự và ổn định xã hội đã được thực hiện trên những quy mô rộng lớn trong thế giới ngày nay, mặc dầu tính đa nguyên trong cách cấu tạo của các xã hội này. Một trong các ví dụ cụ thể là trường hợp điển hình của xã hội Hoa kỳ, với sự chung sống hòa hợp của mọi sắc tộc và mọi hình thức văn hóa khác nhau. Các xã hội Âu châu ngày nay cũng đang muốn tiến dần tới một mục tiêu tương tự, với sự xóa bỏ dần dần các hình thức về biên giới, đẩy lùi vào quá khứ mọi tàn dư của các cuộc chiến tranh thế giới tương tàn, như đã xảy ra trong phân đầu của thế kỷ XX.

Trong hơn một thế kỷ vừa qua, dân tộc Việt Nam cũng đã làm nhiều cố gắng, tìm cách học hỏi trào lưu tư tưởng mới lạ, vừa tiến bộ, vừa mâu thuẫn của các xã hội Tây phương trong quá khứ và tìm cách áp dụng vào môi trường xã hội của mình nhưng vẫn chưa tìm được một con đường trong sáng và đang sa lầy trong sự bất động. Muốn không rơi vào con đường tiêu vong mà mằm mống đã đầy rẫy như trong xã hội hiện nay, chắc chắn chúng ta phải cùng nhau bình tâm làm lại những sự lựa chọn mới, trên căn bản của những kinh nghiệm của lịch sử dân tộc và của nhơn loại.

Tôn Thất Long

có 52 loại như chú ý (*manasikara*), muốn (*chanda*), định (*samadhi*), tuệ (*panna*), nghị lực (*virya*), tham (*raga*), hận (*pathiga*), kiêu căng (*mana*), thân kiến (*sakkayaditthi*), v.v. Uẩn thứ năm là thức (*vinna* *kkhandha*), mỗi thức là một phản ứng mà cơ sở là một trong sáu giác quan và đối tượng là hiện tượng ngoại giới tương ứng. Tóm tắt, cái mà người ta gọi là "cá thể" hoặc "tôi" chỉ là một nhân hiệu dành cho những tổ hợp ngũ uẩn khác nhau. Mỗi uẩn nằm trong một quá trình sanh tử liên tục do đó luôn luôn biến đổi. Đằng sau các uẩn, không có cái gì là trường cữu, bất biến và hoàn toàn độc lập mà chúng ta có thể xem là "linh hồn". "Tôi" chỉ là một ý tưởng sản xuất bởi tác động phối hợp của năm uẩn nhưng một ý tưởng đủ mạnh để chúng ta khổ đau vì nó và thỉnh thoảng gây nhiều tai hại nhằm thỏa mãn nó.

Những nhận định tương đồng giữa Phật học và những môn học hiện đại

Tới đây, chúng ta có tạm đủ dữ kiện để so sánh vũ trụ quan Phật giáo với những phát minh của khoa học hiện đại. Sự kiện đập vào mắt trước hết là sự sáng suốt kỳ diệu của nhà bác học Cò Đàm trong việc phân tách vật chất vào lúc mà cả nền văn minh Trung Hoa lẫn Hy Lạp vì không vượt lên trên được những thực tế trước mắt, đã đề ra thủy, hỏa, mộc, kim và thổ như năm nguyên tố căn bản của vật chất. Ở một bình diện căn bản hơn, Phật học còn được vật lý lượng tử xác nhận lập trường phủ nhận sự đối lập tuyệt đối giữa vật chất và năng lượng (bản chất nhị nguyên sóng-hạt). Theo môn học này, vật chất không khác gì những luồng năng lượng ở những trình độ kích thích khác nhau. Nguyên tắc bất định thừa nhận rằng người ta không thể biết rõ cùng lúc thực trạng (địa điểm) và hoạt động (tốc độ) của một phần tử. Để giải đáp khó khăn này, cơ học lượng tử thay thế những khái niệm địa điểm, tốc độ và gia tốc bằng những số lượng tượng trưng cho khả năng xác suất của mỗi tình huống.

Đối với Phật học, cái mà những tôn giáo hay tư tưởng khác gọi là tinh thần và đối lập với thể xác, chỉ là cơ quan thứ sáu của sắc uẩn mà chức năng là tiếp xúc những thực thể của thế giới tâm

quan. Điều này không khỏi làm chúng ta nhớ tới cuộc tranh luận lý thú giữa hai nhà toán học lừng danh Hilbert và Poincaré, vị thứ nhất chủ trương rằng các khái niệm toán học do con người sáng tạo trong lúc nhà bác học thứ hai cho rằng chúng là những thực thể có sẵn chỉ chờ con người khám phá. Một cách cụ thể hơn, môn sinh lý học thần kinh đã chứng minh sự liên tục giữa thể xác và tinh thần khi nghiên cứu những bệnh nhơn mà một thành phần bộ não bị phá vỡ. Những trường hợp ấy cho thấy sự đúng đắn của sơ đồ ngũ uẩn : có những bệnh nhơn thấy bình thường nhưng không đọc được nữa, có những bệnh nhơn đọc được nhưng không hiểu được những gì mình đọc, có những bệnh nhơn hiểu được những gì mình đọc nhưng không ghi lại được, v.v.

Cuối cùng và có thể là quan trọng nhất về mặt xã hội, Phật học và kiến thức hiện đại gặp nhau một lần nữa trong việc phủ nhận sự hiện hữu của một ý thức nhất nguyên và hoàn toàn độc lập đối với môi trường và quá trình con người. Theo môn phân tâm học, con người do ý thức, vô thức và siêu ngã hợp thành. Ý thức là những gì mình biết hoặc tưởng là biết về mình. Siêu ngã là mẫu hình mà chúng ta muốn đạt tới và chiếu cho người khác do áp lực xã hội. Vô thức là tổng hợp của những dục vọng chúng ta có mà không muốn nhìn nhận. Khổ đau chủ yếu do những mâu thuẫn giữa vô thức (dục vọng), ý thức (ý tưởng về "tôi") và siêu ngã (những gì mình muốn chiếu cho mình và công chúng). Công việc chính của nhà phân tâm học là làm cho bệnh nhơn nhận ra những ý muốn thầm kín của mình và dung hòa chúng với những ràng buộc của xã hội (đọc thêm *Bouddhisme et psychiatrie* của Lương Cần Liêm, nxb L'Harmattan). Trên bình diện vĩ mô, xã hội học cho thấy những ảnh hưởng của gia đình, xã hội, môi trường nghề nghiệp trong lộ trình hình thành của một cá tánh trong đó những gì mà chúng ta có thể thực sự gọi là nội tại hoặc bẩm sinh chiếm đóng một chỗ đứng rất giới hạn.

Chúng sinh không những phụ thuộc thế giới bên ngoài mà còn thay đổi liên tục. Đó cũng là kết luận của toàn thể các môn học liên quan đến sinh vật, từ khoa học nhơn văn đến khoa học thiên nhiên.

Theo phép biện chứng của Hegel, vật nào cũng có mâu thuẫn, mâu thuẫn luôn luôn phát triển đến lúc sự vật biến thành cái mới. Muốn hiểu sự vật, phải xét nó trong quá trình mâu thuẫn và nhận ra những quan hệ giữa các sự vật. Luật tiến hóa của Darwin là một ví dụ của phép biện chứng trong phạm vi thiên nhiên. Động cơ thúc đẩy sự tiến hóa của vạn vật là cuộc tranh đấu để sinh tồn không những giữa các loài vật mà ngay giữa những cá thể của mỗi loài vật. Duy vật lịch sử của Engels và Marx là kết quả của việc áp dụng phép biện chứng trong phạm vi xã hội con người. Sai lầm của nhà biện chứng duy vật ở chính sự mâu thuẫn giữa kết luận và tiền đề khi Marx tiên đoán sự chấm dứt của lịch sử với sự hình thành của xã hội cộng sản. Nghịch thường lý thú là chính chủ nghĩa tư bản (mà dân chủ là một bộ phận không thể tách khỏi) là mô hình xã hội thừa nhận và vận dụng phép biện chứng vì nó coi như bình thường những mâu thuẫn quyền lợi trong xã hội và xem cuộc cọ sát (hòa bình) giữa chúng là động cơ chủ yếu của tiến bộ (đọc thêm *Tân thuyết Darwin và khái niệm đa nguyên*, *Thông Luận* 5-95).

Thái độ của Phật tử

Sự vắng mặt của Thượng đế trong giáo lý đạo Phật đã làm cho nhiều nhà tư tưởng (chủ yếu người Tây phương) hoang mang về bản chất triết lý hay tôn giáo của đạo Phật. Nói một cách vắn tắt, Phật giáo không là một triết lý hiểu theo nghĩa Tây phương vì nó không chủ trương tìm kiếm chơn lý trong mục đích thỏa mãn một tò mò trí thức nào đó. Giáo lý của Đức Phật chuyên tâm về việc dẫn lộ giải thoát. Tất cả những khái niệm có tánh cách triết học xuất hiện trong giáo lý Phật học chỉ nhằm mục đích đó. Thêm nữa, Phật giáo đề xướng một số phương tiện cụ thể để tiến tới giải thoát và xem giáo hội, nghi lễ và cầu nguyện như những công cụ cần thiết cho mục tiêu đó đối với số đông. Thiệt ra, Phật giáo cũng không phủ nhận sự hiện hữu của thần thánh. Chỉ có điều là nó không coi đó là yếu tố quyết định số phận con người. Theo Phật học, vị trí con người là tối cao. Con người tự chủ và không có một thực thể hay quyền năng nào để ban thưởng hoặc

trùng phạt nó : *"người là nơi nương tựa của chính mình, còn ai khác có thể làm nơi nương tựa"*. Đức Phật nhắc nhở : *"quý vị phải làm công việc của mình vì các đức như lai chỉ dạy con đường mà thôi"*. Phật giáo không có khái niệm "tội lỗi" theo ý nghĩa của những tôn giáo khác, là làm những gì trái với ý muốn của Đấng chí tôn. Cội rễ của mọi xấu xa là vô minh. Đức Phật đã tuyên bố một cách rõ ràng rằng ông không phải là Thượng đế nhập thể hay được Thượng đế mặc khải. Ông nói rằng tất cả những gì ông hiểu được, đạt được và hoàn thành được do nỗ lực và trí tuệ con người. Giáo lý mà ngài để lại hoàn toàn không có điều huyền bí, *"không có gì giấu giếm trong nắm tay của đạo sư"*. Có lẽ vì thế mà nó mang nặng tách chất suy luận của các môn học hiện đại. Khởi đầu là quan sát, nguyên tắc nền tảng của thiền định. Tự quan sát để ý thức "tôi" là sự kết hợp của năm uẩn mà không có cái nào là trường cửu, bất biến và thực sự độc lập, xứng đáng thương yêu đến nỗi tấn công, chà đạp và phương hại các thực thể khác. Quan sát những cảm giác buồn hay vui, khổ hoặc sướng, để nhận thấy nguyên nhân, bản chất và sự chấm dứt của nó nhằm tách nó khỏi cái ý tưởng "tôi". Kế tới là phương cách suy luận : Tứ Diệu Đế, Luật Duyên Khởi (*"cái này có, thì cái kia có ; cái này sanh thì cái kia sanh ; cái này không có, thì cái kia không có ; cái này diệt thì cái kia diệt"*) áp dụng những công thức suy luận nhất quán mà các nhà tư tưởng Tây phương như Descartes hay Spinoza (*"Người ta chỉ có thể đạt đến chơn lý sau nhiều mệnh đề hợp lý chặt chẽ với nhau"*) khám phá hơn hai thiên niên kỷ sau. Cuối cùng là việc kiểm chứng. Phật học đề cao sự hiểu biết trên niềm tin, do đó coi là bình thường những hoài nghi đối với giáo lý và xem là tích cực và cần thiết công việc kiểm chứng. Đức Phật bảo các môn đệ cần phải xét đoán ngay cả những đức như lai để có thể hoàn toàn tin tưởng phẩm chất của người thầy mà mình theo. Đức Phật so sánh những thầy tu không chịu kiểm tra những gì mình tin mà chỉ dựa vào truyền thống với *"một chuỗi những người mù nối đuôi nhau, người đi trước không thấy, người ở giữa không thấy và người cuối cùng cũng*

không thấy". Trong một cuộc gặp gỡ với thị dân Kesaputta hoang mang không biết phải nghe theo lý thuyết nào, Đức Phật có những lời khuyên dẫn sau đây thực là độc đáo trong lịch sử tôn giáo : *"Các người hoài nghi là phải [...] Hỏi những người Kalamas, đừng để bị dắt dẫn bởi uy quyền của kinh điển [...], bởi sự xét đoán bề ngoài, bởi thích thú những quan niệm vô đoán hay bởi ý nghĩ "đây là ý kiến của vị thầy". Nhưng hỏi Kalamas, khi nào các người tự mình biết rằng những gì đó là ác, sai, xấu, thì hãy dứt bỏ chúng và khi các người tự mình biết rằng những gì đó là thiện, tốt, thì hãy chấp nhận và theo chúng"*.

Đến đây, một số độc giả có lý do để nghi rằng dường như có một mâu thuẫn nào đó giữa nội dung của Phật học và thái độ mà nó chủ trương. Giáo lý đạo Phật chủ trương chủ quyền con người vì cho rằng sự giải thoát tùy thuộc ở việc trực nhận chơn lý bởi chính mình. Mặt khác, thuyết Vô Ngã phủ nhận sự hiện hữu của bất cứ một thực thể độc lập nào. Phật học giải thích mâu thuẫn này bằng sự sống chung của một chơn lý ước định (*sammuti sacca*) và một chơn lý tối hậu (*paramattha sacca*). Theo kinh *Mahayana-Sutralankara*, *"con người phải được coi như một quy ước ấn định (prajnapti) chứ không có trong thực tại (dravya)"*. Thực tại hằng ngày cho thấy rằng chúng ta không lần lần khi đề cập đến ông X, bà Y. Song, thực tại tối hậu là ông X và bà Y là những hiện tượng điều kiện hóa và hằng biến trên bình diện thể xác cũng như tinh thần, không khác những dòng sông thay nước liên tục. Sự sống chung ở những phạm vi khác nhau của những chơn lý mâu thuẫn là một trong những khám phá tối trọng của tri thức hiện đại. Trong lãnh vực khoa học chẳng hạn, tiền đề của cơ học là tánh liên tục của vật chất, sự phân biệt giữa thời gian và không gian, năng và chất, trong lúc vật lý học tương đối xác nhận bản chất trống rỗng của vật chất, mối quan hệ khăng khít giữa thời gian và không gian, sự tương đương giữa năng và chất. Tuy nhiên, khoa học chấp nhận cùng lúc hai môn này vì chúng thích đáng với những sở trường khác nhau (cơ học chú

ý đến những sự vật vĩ mô trong lúc vật lý nghiên cứu những hiện tượng vi mô). Thái độ này cũng đi đôi với các môn khoa học như văn hiện đại như xã hội học, tâm lý học, chánh trị học hay luật học. Một mặt, người ta ý thức rằng con người bị ảnh hưởng bởi vô số ràng buộc từ những xung năng tình dục đến các áp lực của xã hội. Mặt khác, tự do và trách nhiệm cá nhân vẫn là kim chỉ nam và động lực tiến bộ của những thể chế dân chủ. Các khái niệm "tinh tiết giảm tội" hoặc "phân biệt tích cực" chính là những cố gắng để dung hòa các mâu thuẫn ấy trên bình diện luật pháp hay xã hội.

Phật giáo và xã hội

Tất cả giáo lý Phật học cốt nhằm đưa con người đến giải thoát. Vì thế con người phải làm quen với ý niệm *"từ bỏ ngay cả những thiện pháp"*. Đức Phật so sánh giáo lý với một chiếc bè giúp ta sang sông mà sau đó chúng ta phải để lại để tiếp tục con đường. Với một tinh thần như thế, lẽ dĩ nhiên là Phật giáo khước từ mọi xu hướng độc đoán hướng gì phương thức truyền bá giáo lý bằng bạo lực. Người Phật tử không những phải chấp nhận mà còn phải tôn vinh các tôn giáo khác. Đạo Phật là tôn giáo duy nhất trong lịch sử các tín ngưỡng đã không liên hệ với bất cứ một chiến tranh tôn giáo nào cả, nội hay ngoại đạo, trong thế tấn công hay để tự vệ. Trong cương vị quốc giáo, đạo Phật đã không bao giờ lợi dụng ưu thế của mình để thống trị hay đả kích các tôn giáo khác mà còn giúp chúng được truyền bá. Khi tình thế thay đổi, Phật giáo không bám víu quyền lợi : nó đã không kháng cự khi bị đạo Hồi đánh đuổi khỏi Ấn Độ và A Phú Hân hay bị Nho giáo hất khỏi triều đình Trung Hoa và Việt Nam. Phật giáo gồm có vô số tông phái với những tư tưởng có thể là khác nhau nhiều hơn những trào lưu của các tôn giáo khác nhưng đã chưa bao giờ có xung đột giữa các bộ môn.

Một cách vô cùng bất công, thái độ phóng khoáng này đã gán cho Phật giáo hình ảnh của một tôn giáo xa lánh xã hội, dần dần biến thành ý nghĩ theo đó nó là một tôn giáo quá cao siêu đối với số đông. Không có gì sai hơn điều đó và điều này có thể chứng minh trên bình

diện giáo lý cũng như về mặt lịch sử. Trong quá khứ cũng như ở thời nay, ở khắp nơi các nước Phật giáo và đặc biệt tại Việt Nam, giáo hội, tăng lữ, Phật tử đã không bao giờ ngần ngại góp phần soi sáng các chánh quyền thành tâm hay ngược lại lên tiếng tố giác những sai lầm và tội lỗi của nhà lãnh đạo độc ác và sẵn sàng trả cái giá phải trả để phát ngôn tiếng nói của người dân. Lịch sử ghi chép chính Thích Ca Mâu Ni đã làm trung gian và ngăn chặn được một cuộc chiến giữa hai vương quốc Ấn Độ. Ngược với những gì nhiều người tưởng, Phật giáo hoàn toàn không phải là một tôn giáo dành cho những tăng lữ trong tu viện hay ẩn dật trong rừng núi. Trái lại, rất nhiều điều Phật Thích Ca giảng dạy cốt nhằm những nam nữ cư sĩ sống ở nhà với gia đình. Ngoài các khuyên nhủ về những quan hệ trong gia đình, giữa bạn bè, thầy trò trùng hợp với những tôn giáo khác, điều đáng lưu ý là Đức Phật dành cho quan hệ tới tổ một chú ý đặc biệt: đổi lại lòng tận tình của người giúp việc, chủ nhơn phải giao công việc tùy theo khả năng, trả lương thích đáng, cung cấp thuốc men và thỉnh thoảng tặng quà. Gần hai mươi lăm thế kỷ trước những cuộc cách mạng xã hội ở Âu châu, Đức Phật đã đề xướng khái niệm an sinh xã hội và tiền thưởng cuối năm! Ở đây chúng ta nhận thấy rõ tánh cách thực tế và thẳng thắn của nhà hiền triết Cồ Đàm không ngần ngại đề cập đến khía cạnh tài chánh khi thảo luận về các vấn đề xã hội. Trong một phát biểu về quan hệ gia đình, Đức Phật còn khuyên dạy người chồng đừng quên tặng nữ trang cho vợ! Đối với Phật Thích Ca, nguyên nhơn của phần lớn tệ nạn xã hội bắt nguồn từ điều kiện kinh tế của con người. Đức Phật phân biệt một cách rõ ràng hai phạm trù thần tục và thế tục và trong địa hạt thứ hai, không bao giờ muốn ru ngủ dân chúng bằng những khái niệm "khổ hạnh" hay "thanh bần" mà chúng ta thường thấy trong một số chủ nghĩa hay tôn giáo. Đức Phật đã liệt kê mười bốn phận của nhà vua trong đó lòng bác ái, khả năng hy sinh, nếp sống giản dị, tánh hiếu hòa và khả năng nhận diện những khát vọng của dân, v.v. Vào một thời đại mà hầu như tất cả xã hội khinh bỉ ngành thương nghiệp, Phật giáo xem đó là một công

việc xứng đáng như các nghề nghiệp khác, chứng minh bởi quan hệ thân thiết giữa Phật Thích Ca và nhà thương gia Anathapindika.

Phật giáo như một bàn đạp để tiến tới tương lai

Cách đây gần hai thế kỷ, triều đình Việt Nam đã từ chối đón nhận tri thức Tây phương nhằm bảo vệ một trật tự lỗi thời và lựa chọn ấy đã đưa đất nước vào một tiến trình tụt hậu mà tới bây giờ chúng ta còn phải trả giá. Giờ đây, cuộc tranh luận đã chuyển qua các giá trị tự do, dân chủ và bình đẳng mà một số người Việt Nam còn cố từ chối vì ngộ nhận lịch sử và lòng tự ái đặt không đúng chỗ.

Thiệt ra, một số sợ hãi của người Việt bắt nguồn từ việc chúng ta không nắm vững và không vận dụng toàn thể tiềm năng của nền văn minh ta. Nếu Khổng giáo là một triết lý tìm kiếm ổn định xã hội ở hệ thống thứ bậc và thành thực mà nói, một phần nào ở chủ nghĩa bất động, thì Phật giáo lại là một triết lý coi như tự nhiên và không thể tránh khỏi các hiện tượng biến đổi và biến chứng. Hơn hai ngàn năm trước các cuộc cách mạng nhơn quyền và khoa học ở Tây phương, Phật học đã chủ trương một cách rõ ràng tự do tư tưởng, nhu cầu xét lại, lý tưởng đa nguyên, chủ nghĩa nhơn bản và nguyên tắc bình đẳng giữa con người. Nhận diện được sự kiện lịch sử luân lý ấy, chúng ta sẽ ý thức được rằng tự do, dân chủ và cả chủ nghĩa cá nhơn hiểu theo đúng nghĩa, không của riêng người Âu châu mà là những giá trị phổ cập của loài người mà nền văn minh Đông phương đã khám phá trước trên bình diện triết lý nhưng đã không áp dụng vào địa hạt tổ chức xã hội. Trước ngưỡng cửa năm 2000, theo tôi, đó phải là những lý do khuyến khích chúng ta từ bỏ dứt khoát những mặc cảm và ngộ nhận liên quan đến "quốc tịch" của những giá trị ấy để mạnh dạn bước vào tiến bộ khoa học và xã hội. Nói theo tựa đề quyển sách *Du confucianisme au communisme* của nhà xã hội học Trịnh Văn Thảo (nxb L'Harmattan), tôi muốn hô lên "Từ Phật giáo đến dân chủ".

Diệp Tường Bảo

Giới thiệu sách

"*Gà cùng một mẹ...*", tác phẩm thứ ba của nhà báo Bùi Tín ở hải ngoại, sau "Hoa Xuyên Tuyết" và "Mặt Thật", do nhà xuất bản Thiện Chí ở Đức phát hành. Sách dày 180 trang, khổ A4, bìa giấy láng trắng đen, 25 ảnh.

Nội dung quyển sách gồm những câu trả lời của các cựu chiến binh Việt Nam, Hoa Kỳ, Canada, Úc... về cuộc chiến tranh Việt Nam; những suy tư về hiện tình đất nước, về thế và lực đấu tranh giành tự do dân chủ, về hòa giải và hòa hợp dân tộc, về vai trò của người Việt ở hải ngoại...

Một quyển sách gợi lên nhiều suy nghĩ mới mẻ, mở ra những cuộc thảo luận đi tới lẽ phải và đồng thuận. Một cuốn sách không thể thiếu đối với những tấm lòng Việt Nam còn nặng tình với đất nước. Một quà tặng quý cho bạn bè.

Giá bán tại Pháp: 80 FRF (đã kể bưu phí gởi). Tại Châu Âu: 90 FRF (đã kể bưu phí gởi). Ngân phiếu xin đề Vietnam Fraternité, ghi bằng tiền Francs Pháp hoặc tương đương, và gởi về tòa soạn Thông Luận: 124 bis rue de Flandres, 75019 Paris, France.

Đính chính

Xin đính chính cùng quý độc giả bài "Cách nhìn và cái biết" của Nguyễn Minh Cần đăng trên Thông Luận số 120, tháng 10.98, vài sai sót như sau:

1. Tựa bài xin đọc lại là "Cách nhìn và **cái** biết" thay vì "Cách nhìn và *cách* biết".

2. Ở phần "Cách nhìn", đoạn nói về vụ Thái Bình, mấy câu cuối xin đọc lại là: "Đấy, nông dân đã bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ tốt đẹp của Đảng như thế đó! Đúng là họ đã **không** quay lưng lại với tổ chức cơ sở Đảng mà... xấp lá cà!" thay vì "Đúng là họ đã quay lưng lại với tổ chức cơ sở Đảng mà... xấp lá cà!", thiếu chữ "không". Đoạn này tác giả có ý mỉa mai, chế giễu chế độ. Trần Độ và Nhận Đà dùng chữ "quay lưng lại" theo nghĩa bóng, còn Nguyễn Minh Cần thì theo nghĩa đen: *nông dân đã không quay lưng lại mà xông lên giáp mặt đánh xấp lá cà với tổ chức cơ sở, cán bộ Đảng*.

Phạm Duy, Kiều và chúng ta

Quản Mỹ Lan

Tôi không nhớ rõ năm nào, chỉ mang máng là chúng tôi mới ở ngoài Bắc vào, trước khi cậu tôi mua cái radio đầu tiên mà tôi cứ tưởng là có ai đứng hát đằng sau, thì chị em tôi đã được nghe cậu tôi hát những câu như "*Đường Lặng Sơn âm u ù ù, Gà bình minh reo lơ ò thơ, Rừng êm ái thức giấc trong sương mờ...*" hoặc "*Một mùa thu năm qua cách mạng tiến ra, đất Việt bừng ngàn tiếng, thanh niên tung gông phá xiềng...*" tôi chỉ độ ba bốn tuổi cùng i hát theo.

Lớn hơn một chút nữa, chúng tôi lại được nghe cậu tôi kể về những kỷ niệm kháng chiến, nào là Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Nhi đồng cứu quốc, thời mà hai ông bà đi dạy bình dân học vụ khi tản cư từ Hà Nội lên Thái Nguyên. Thời ấy đã có ban hợp ca Thăng Long với Thái Thanh, Thái Hằng, Hoài Trung, Hoài Bắc. Có những cái tên được cậu tôi nhắc đến nhiều lần như *Thiên Thai* Văn Cao, *Giọt Mưa Thu* Đặng Thế Phong, *Xuất Quân* Phạm Duy, v.v... Những cái tên ấy đã hồn nhiên đi vào tuổi thơ của chúng tôi một cách đơn sơ và tự nhiên như thế.

Rồi chúng tôi lớn lên, thêm những đứa em khác ra đời, trong tiếng mẹ tôi hát ru, tiếng bà tôi ngâm *Kiều*, tiếng đều đều của cô tôi khi đọc *Chinh Phụ Ngâm* cho bà nghe, vì bà tôi chỉ biết chữ Hán mà không biết chữ Quốc ngữ. Tôi cứ thắc mắc không biết tại sao bà không biết đọc mà vẫn thuộc *Kiều* từ đầu đến cuối. Cho đến khi tôi vào trung học, mang bài về đọc cho bà nghe, thì thỉnh thoảng có những chữ bà còn nói "*Chỗ này ngày xưa thế này, thế này, không phải thế* (như tôi học)". Các điển cố bên Tàu, bà tôi cũng biết hết, nên tôi thích đọc cho bà nghe để hỏi bà, bà kể chuyện nghe lại thích hơn là thầy giảng ở trường.

Nhưng lớn lên thêm một chút nữa, thời con gái thích hợp với tân nhạc hơn, thơ *Kiều* đã dần dần đi vào quên lãng, nhường chỗ cho thơ mới, với Nguyên Sa, Nhất Tuấn, Vũ Hoàng Chương... Chúng tôi được ông cụ thưởng cho cái máy thu băng magnetophone khi đậu

trung học. Tôi còn nhớ những cuộn băng nhựa được thu từ những đĩa hát 75 tua hoặc từ radio ra. Những tiếng hát, những bài hát và những người hát đã trở thành thần tượng của bọn nữ sinh chúng tôi. Có những bài hát chẳng nhớ tên, kể cả tên tác giả, nhưng chỉ cần một đĩa bạn hát lên một câu đầu là cả bọn hát thuộc lòng từ đầu đến cuối... "*tìm nhau trong hoa nở... tìm trong câu thơ cổ, tìm qua tranh tố nữ... tìm nhau như Thiên Cỏ tìm Ngàn Thu*" hoặc "*ngày đó có em đi nhẹ vào đời*". Có những mối tình học trò hợp tan bằng "*ngàn trùng xa cách, người đã đi rồi*"... vì "*ngày em hai mươi tuổi, mới chớm biết yêu người, đã buồn vì duyên mới, rồi đây sẽ nhạt phai*"...

Cho đến khi làm mẹ, hát ru con bằng những bài thơ, bài ca dao ngày xưa đã được mẹ ru thì khi ấy Kiều, Chinh phụ, mới trở lại, một cuộc trở lại tuần hoàn trong nhiều thế hệ mẹ Việt Nam.

Cho đến bây giờ, sau gần hai mươi năm xa xứ, với sự chất lọc của thời gian, những bản nhạc hùng, những bản nhạc tình, những câu thơ diễm tuyệt vẫn còn đấy.

Khi soạn chương trình cho những buổi văn nghệ của Thông Luận tổ chức tại Paris, chúng tôi cố gắng lắm mới rút lại được số lượng nhạc Phạm Duy xuống còn độ một nửa chương trình. Trường ca *Con Đường Cái Quan*, *Mẹ Việt Nam* của Phạm Duy hay *Hòn Vọng Phu* của Lê Thương đã từng là cái đỉnh của những chương trình văn nghệ. Phải nhận rằng dù trong cuộc đời nghệ sĩ của ông, đôi lúc Phạm Duy đã đi lang thang ra khỏi những con đường thường lệ, nhưng chẳng qua tác phẩm nghệ thuật nào cũng thế, khi tác giả bỏ cây cọ hoặc cái bút xuống, thì chúng có đời sống riêng, sống mãi với thời gian hay yếu tử đều phụ thuộc vào thông điệp nó gửi đến cho người thưởng ngoạn.

Tôi được xem Phạm Duy "múa" lần đầu tiên cách đây cũng khá lâu, khi ông sang Paris giới thiệu "*Bầy chim bồ cưu*". Lúc ấy Phạm Duy không còn trẻ nữa, thế mà chính ông cũng là người đã phá

lệ, tự mình diễn tả tác phẩm của mình bằng những động tác không đơn giản như những ca sĩ khác thường làm. Phạm Duy thực sự múa theo lời hát, múa theo âm nhạc. Cái "ngôn ngữ thân xác" đã diễn tả nồng nhiệt thêm những gì ông muốn nói bằng âm điệu. Lúc bấy giờ chúng ta có cảm tưởng Phạm Duy đứng đấy một mình trên sân khấu, nhưng ông không còn biết dưới kia là khán giả, không nhớ rằng bao nhiêu con mắt đang đổ dồn vào mình. Phạm Duy thả mình bay theo âm hưởng, bay theo lời ca, chơi vơi trong âm điệu để đi vào cõi riêng mình. Hình như chưa có ca nhạc sĩ Việt Nam nào làm như thế, hay đã có mà tôi không được biết chăng.

Lần trình diễn *Minh Họa Kiều* mới đây ở San José cũng là một chương trình đặc biệt. Ban đầu nó chỉ được trù liệu riêng cho các Thụ nhân, cựu sinh viên Viện Đại học Đà Lạt, nhưng sau khi tin tức được loan ra, số thân hữu tham dự quá đông, lên đến hơn hai trăm người, nên đã phải tổ chức tại một quán cà-phê, và không phải chỉ có Thụ nhân A, Thụ nhân B (vợ hoặc chồng) mà có cả Thụ nhân C (con cái của gia đình thụ nhân) và thân hữu tham dự nữa. Thật là thú vị khi một Thụ nhân C đã lên sân khấu nói rằng: "*Nhờ bác mà cháu biết Kiều nhiều hơn...*". Thật thế, thế hệ ông bà, cha mẹ, chúng ta, thuộc *Kiều* vì được nghe, được kể, được học, còn thế hệ con cháu chúng ta sinh trưởng tại hải ngoại thì khó lòng mà biết *Kiều*, huống gì là thuộc *Kiều*. Phở *Kiều* qua âm nhạc thật là một phương pháp hữu hiệu để các thế hệ tiếp nối biết đến một danh phẩm trong nền văn học nước nhà. Phạm Duy đã suy nghĩ trước chúng ta, những người nghệ sĩ tài hoa bao giờ cũng đi trước chúng ta.

Hội ngộ lần này, Phạm Duy chỉ mới cho chúng ta thưởng thức phần giáo đầu và phần một của *Minh Họa Kiều*. Tác giả chỉ mới giới thiệu không gian, thời gian và nhân vật và đoạn Thúy Kiều gặp hôn Đạm Tiên, xót thương cho số phận người kỹ nữ dưới mộ. Cuộc gặp gỡ này là điềm gở vì nó báo hiệu đời Kiều sẽ gặp những nỗi đoạn trường.

Trong phần này, có lẽ chỉ có một chữ làm người nghe hơi lạ lắm, đó là Phạm Duy đã sửa một chữ trong bản phiên âm quốc ngữ của truyện *Kiều*, đoạn tả sắc đẹp của Thúy Vân:

Vân xem trang trọng khác với
Khuôn trăng đầy đặn, nét "người" nở
nang.

Tôi vẫn chủ trương rằng người nghệ sĩ có quyền sáng tạo. Nhưng ở đây Phạm Duy không vượt qua ước lệ, ông chỉ cho rằng người ở vùng Nghệ Tĩnh nói "ngài" để chỉ "người", chứ không phải chỉ "lông mi". Theo chúng tôi, nếu thế thì ta vẫn cứ để nguyên chữ "ngài" vì nó đã có nghĩa là "người" rồi. Nếu nói về âm điệu, thì dù "người" hay "ngài" nó vẫn chỉ là thông vận. Và lại, theo thiên ý, "ngài" ở đây không phải để chỉ lông mi như Phạm Duy đã nêu lý do, mà nói về lông mày. Ngài ở đây chính là con ngài - con sâu tơ. Chữ ngài còn thích hợp với sự diễn tả nét đẹp của các thiếu nữ thời xưa qua câu "Mắt phượng mày ngài". Dù sao, đó cũng chỉ là một chi tiết rất nhỏ trong *Minh Họa Kiều* 1, nhưng mỗi lần nghe đến đây tôi lại cứ thấy thế nào ấy. Có lẽ mình đã quá quen với âm thanh cũ chẳng?

Minh Họa Kiều đã được nâng niu bằng âm điệu của Duy Cường, người con mà cũng là người bạn đồng điệu của Phạm Duy, bằng những tiếng hát rất được hâm mộ của Ái Vân, Thái Hiền, Duy Quang, Tuấn Ngọc và tiếng ngâm điệu luyện của Thanh Ngoan. Nhưng theo tôi, có lẽ giá trị *Minh Họa Kiều* không chỉ ở chỗ đó; giá trị *Minh Họa Kiều* còn ở chỗ Phạm Duy đã dám nghĩ đến và đã dám làm. Tôi cho rằng làm một bản nhạc không phải là dễ, nếu bản nhạc ấy đến từ tâm hồn và để nó được sống mãi trong lòng người. Phổ nhạc một bài thơ đã khó hơn, vì thơ điệu đã sẵn, chỉ nương theo và gieo nhạc điệu vào thơ sao cho hay hơn, phong phú hơn, để cuốn lời thơ theo điệu nhạc. Nhưng nghĩ đến mang âm nhạc vào *Kiều* thì tôi thấy quả là táo bạo. Táo bạo vì *Kiều* không phải là một đề tài thời thượng, *Kiều* lại là một câu chuyện nguồn gốc từ bên Tàu. Bảo sao tránh khỏi mang phần nào âm hưởng Trung Hoa trong đó?

Bản thân âm nhạc là tự do, là bay bổng, phóng khoáng trong không gian, âm thanh cốt làm thỏa mãn thính giác người nghe. Thế mà *Kiều* lại là một cái gì cố định, âm điệu đã có từ bao giờ, đã ẩn tàng trong lịch sử văn học, chính vì thế mà chỉ một chữ "ngài" đổi ra "người",

người nghe đã lạ tai, hướng gì muốn lồng cái chất liệu ấy vào nhạc điệu. Trong *Minh Họa Kiều* 1, có những đoạn âm nhạc đã phải nhường chỗ hay minh họa cho lời thơ.

Động cơ thúc đẩy tôi ủng hộ Phạm Duy là vì đáng lẽ ở vào tuổi này, với gia tài âm nhạc đồ sộ đã gây dựng, ông có quyền nghỉ ngơi, có quyền rong chơi, nghe con cháu hát lại những bản nhạc ông đã sáng tác từ hơn nửa thế kỷ trước. Nhưng may mắn cho những người yêu nhạc Phạm Duy và nền âm nhạc Việt Nam, ông vẫn tiếp tục sáng tác, vẫn tiếp tục vận dụng cái khả năng thiên phú của mình để đưa con cháu bước vào một khu vườn nghệ thuật mới, lâu nay vắng bóng nhạc sĩ, đó là phổ nhạc *Đoạn Trường Tân Thanh* của Nguyễn Du. Chắc khó có một người thứ hai nào làm công việc như Phạm Duy đã và đang làm.

Có lẽ Phạm Duy không cần chúng ta trao một giải thưởng âm nhạc cho ông, như chính chúng ta phải nghĩ rằng ông xứng đáng để lãnh nhận phần thưởng cao quý đó: vinh danh người nghệ sĩ sáng tác suốt đời sống với âm nhạc.

Bài viết này còn rất nhiều thiếu sót vì người viết chưa được thưởng thức tất cả những đĩa nhạc *Minh Họa Kiều*. Chúng ta có quyền chờ đợi và đòi hỏi.

Cứ tưởng tượng rằng trong thế kỷ thứ hai mươi thì hết nửa thế kỷ, một thành phần quần chúng không nhỏ đã yêu nhạc Phạm Duy, đã trải dài đời sống mình với nhạc Phạm Duy. Ai cũng biết rằng - và may mắn thay - chúng ta còn nhiều nhạc sĩ tài ba khác, nhưng người đã đi vào tâm hồn người Việt Nam sâu đậm nhất, lâu dài nhất, có thể nói đó là Phạm Duy. Sau 1975, hàng triệu người Việt Nam đã đặt chân lên khắp các bến bờ Thế giới, âm nhạc Việt Nam đã theo bước chân họ vang lên ở khắp nơi, đã góp công phần nào giữ lại được tiếng Việt. Nay với *Minh Họa Kiều*, lại càng nghiệm đúng hơn câu ai đã ví von:

*Truyện Kiều còn thì tiếng Việt còn
Tiếng Việt còn thì nước Việt còn.*

Việc giữ gìn tiếng Việt qua âm nhạc có công của các nhạc sĩ mà trong đó Phạm Duy đã đóng một vai trò quan trọng. Mong ông được nhiều sức khỏe để tiếp tục cuộc hành trình.

Quản Mỹ Lan
Bắc Cali, tháng 10-98

Giới thiệu sách

*** Hành Trình Cuối Đông
(Vụ án Langbian)
của Tiêu Dao Bảo Cự
bìa Khánh Trường, Văn Nghệ
xuất bản, Hoa Kỳ, 1998.**

Nhà xuất bản Văn Nghệ đã cho ra mắt *Hành Trình Cuối Đông* "để đưa ra ánh sáng một cuộc đấu tranh cho tự do báo chí và tự do xuất bản xảy ra ngay trong lòng chế độ cách đây 10 năm". "Sự ra đời của cuốn sách này sẽ là món quà tặng hết sức khiêm nhường gửi đến những chiến sĩ đang dùng cảm đấu tranh cho dân chủ và cũng đang là nạn nhân của một guồng máy bạo lực phi nhân". (lời nxb, tr.xii)

Đọc *Hành Trình Cuối Đông* để không quên những chiến sĩ đó.

Giá bán tại Pháp: 100 FF (đã kể bưu phí gởi). Tại Châu Âu: 110 FF (đã kể bưu phí gởi).

Ngân phiếu xin đề Vietnam Fraternité, ghi bằng tiền Francs Pháp hoặc tương đương, và gởi về tòa soạn Thông Luận: 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France.

*** Người Trung Quốc
Xấu Xí**

nguyên tác
Sử Lâu Dích Trung Quốc Nhân
của Bá Dương
(Chou lóu de Zhong Guó rén, Bo Yang), Nguyễn Hồi Thủ dịch.

Sách khổ A5, bìa cứng, 300 trang.
Nhà xuất bản Chân Mây Cuối Trời.

Giá 80 F, tiền gởi 10 F. Chi phiếu 90F xin đề Vietnam Fraternité và gởi về tòa soạn Thông Luận: 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France.

Thông Luận hoan nghênh
mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh
và cảm ơn quý vị cổ động
để phổ biến tờ báo

"Việt Nam từ hồi nào chẳng biết yêu nước là gì", "chẳng ai có ý niệm quốc gia dân tộc", vì suốt 2000 năm lịch sử "mình chịu văn hóa Trung Hoa" theo "đạo Khổng, một văn hóa vô tổ quốc", "không nhìn nhận sự hiện hữu của quốc gia". Trên đây là vài dòng thu kết bài mạn đàm của anh Nguyễn Gia Kiểng, dưới tựa đề "Tổ quốc ta", đăng trên Thông Luận số 118, tháng 9/98.

Ài đọc những lời dẫn giải của tác giả để đi đến kết luận trên cùng phải ngạc nhiên, sững sốt. Như vậy, công lao của tổ tiên tạo lên một nước Việt Nam ngày nay, nhân số trên 70 triệu, sinh sống trên một dãy đất 350.000 cây số vuông, cùng nói một thứ tiếng, với một ngôn ngữ phong phú, dựa trên một nền văn hóa có lâu đài, thành cổ, có nhiều tác phẩm văn chương, công lao đó tự ai, do ai mà nên nếu không phải là những sĩ phu đã hấp thụ Khổng Giáo?

Sao dám nói Đạo này Vô Tổ Quốc, chỉ biết tạo "tinh thần ở ẩn", "luồn lách để tồn tại", khi một phương châm của Khổng Giáo là: "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ"? Tôi có cảm giác là tác giả bị ám ảnh bởi ý tưởng dân chủ tự do Âu Tây nên quên rằng từ ngàn xưa ta đã có câu "phép vua thua lệ làng", một ý niệm rất "dân chủ" nhưng hồi đó chưa thành khẩu hiệu đấu tranh. Ý niệm tổ quốc cũng vậy, nó có tự ngàn xưa. Lịch sử của các nước, kể cả của nước ta, đều chứng minh điều này.

Nước Pháp, dân Pháp suy tôn nữ anh hùng Jeanne d'Arc. Bà nghe tiếng gọi linh thiêng (của thánh Saint Michel), phất cờ cứu chúa, xua đuổi quân Anh ra khỏi lãnh thổ quốc gia, khôi phục lại ngai vàng cho vua Charles VII, rồi bà bị hy sinh trên đồng củi cháy hồng. Thời đó là thế kỷ 15, nào ai nói đến dân chủ? Kể chuyện nước người, làm sao quên được "Hai Bà", đánh đuổi tướng Tàu Tô Định, dời nhà Đông Hán, vào thế kỷ 1 Tây Lịch, kết hợp 65 thành trì, xưng vương, nhưng cuối cùng phải tự vận ở sông Hát Giang. Nay còn đền thờ Hai Bà ở tỉnh Sơn Tây, di tích một chiến công lập quốc đã hai nghìn năm mà dân ta vẫn thờ, làm lễ hàng năm.

Từ đây, suốt dòng lịch sử, tôi chẳng kể chi tiết làm gì, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, nhà Nguyễn, Tây Sơn, ngay cả Trịnh-Nguyễn phân tranh, cùng đều công lao tài trí, giành độc lập đối với Trung Quốc phía Bắc, mở mang bờ cõi phía Nam. Nếu không có sự đồng tâm nhất trí của dân, của sĩ, của vua, thời làm sao mà nên chuyện lớn được? Nói cách khác, dân ta không đợi đến thế kỷ 20, nhờ có tư tưởng dân chủ tự do của Tây phương đem đến thời mới biết yêu nước, yêu nòi. Xin hãy lắng nghe những dòng thơ này của cụ Nguyễn Công Trứ, đời vua Minh Mạng, thế kỷ 19, một sĩ phu tượng trưng cho Nho Giáo:

Tang bồng hồ thử nam nhi trái

Cái công danh là cái nợ nần

Nặng nề thay hai chữ quân thân

Đạo vi tử vi thần đâu có nhẹ.

Rồi những câu trong bài "Cái Cờ":

Nghĩa bút nghiêng ai nỡ dứt tình

On thủy thổ phải đền cho vẹn sông.

Tổ quốc là non sông, sơn hà, thủy thổ. Ai đã sống tuổi 20 thời 45-46 đều nhớ những bài ca hùng hồn của Lưu Hữu Phước mà thanh niên thời đó đồng ca nhịp nhàng, say sưa những lời yêu nước "Bạch Đằng Giang! Sóng ơi cùng ta réo lên chiêu anh hùng xưa!".

Tổ quốc là một ý niệm tâm linh, không phải chỉ là một vấn đề quyền lợi, quyền lợi "làm chủ" đất, nhà của mình, quyền làm chủ đời mình, mà nó gắn bó con người với cội nguồn, với tổ tiên, với tập quán, với những món ăn, tô phở nóng, rau muống xào... với cảnh vật làng mạc, với năm mờ ông bà, với tiếng nói của người đồng hương. Ai đi xa quê hương lâu ngày, khi về nước đều đã sống những giờ phút xúc động thấm thía khi cầm trong tay buổi sáng sớm năm xôi nóng gói trong lá chuối và nghe tiếng Việt nói rì rào, đầu đường cuối chợ, tiếng mẹ đẻ, tiếng nói của dân tộc.

Vì vậy tôi nghĩ chúng ta không nên coi thường những văn sĩ, những thi sĩ đã làm giàu tiếng Việt. Chúng ta không có quyền trách các danh nhân như các cụ Nguyễn Khuyến, Chu Mạnh Trinh, Tản Đà... là họ "đã đứng ngoài cuộc" khi Pháp xâm chiếm xứ ta. Muốn xây dựng

thành một nước, không phải chỉ cầm gươm giáo ra trận mạc hay là hô hào yêu nước, yêu dân là đủ, còn cần phải có những người tài ba, viết văn giỏi, làm thơ hay, để xây đắp lên Tháp Đài Văn Hóa. Nếu Việt Nam mình không có một cụ Nguyễn Du thời chắc phải buồn tủi muôn đời!

Nói chuyện mình lại nghĩ đến chuyện người. Nước Pháp có những danh nhân, văn sĩ tài ba như Racine, Corneille, Molière..., có ai đòi họ phải "ái quốc" không? Mặc dầu những tác phẩm tuyệt đỉnh văn chương của họ làm ra đem tặng nhà vua hay các công hầu bá tước, nhưng đó là những công trình vĩ đại gây sự kính nể của mọi người và góp phần tạo cho nền văn hóa Pháp một khí thế lấy lòng với nhân loại. Nước nào muốn tồn tại phải có một nền quốc văn phong phú. Những ai góp những viên gạch của mình vào tòa lâu đài văn hóa của xứ họ phải được coi là những người yêu nước cao quý, mà các dân tộc vẫn tôn vinh trong những tòa nhà cổ kính như lăng Panthéon chẳng hạn. Vì vậy thái độ coi thường các cụ Nguyễn Khuyến, Chu Mạnh Trinh..., những người có công lớn với nền quốc văn, là một thái độ thiếu quý trọng văn hóa.

Tôi muốn theo dõi lý luận của anh Nguyễn Gia Kiểng cho đến cùng. Anh chê là Đức Khổng Tử chỉ dạy các môn đệ triết lý "ở ẩn". Vậy tôi xin hỏi: Chúng ta, anh, tôi và bao nhiêu người khác bỏ nước ra đi, tìm đất lành, nước Pháp, nước Mỹ và nhiều nước khác làm nơi dung thân, vậy chúng ta không ở ẩn hay sao? Hay là chúng ta giống như ông Jourdain trong vở kịch của Molière nói văn xuôi hồi nào không hay?

Thảo luận điều gì phải nói đến cùng, nói hết lẽ thời mới ra phải trái, mới ra sự thật. Nếu phải có dân chủ tự do thời mới biết yêu nước, vậy tôi xin hỏi: Chúng ta có yêu nước... Pháp, yêu nước... Mỹ, theo ý nghĩa "yêu nước" như trong bài "Tổ quốc ta" không? Chắc là nó khó có thể phát sinh trong lòng chúng ta, mặc dầu ở những xứ này chúng ta được hưởng tự do dân chủ đầy đủ và nhiều phần ta sẽ dung thân ở đây cho đến già, đến chết, cho đến cả đời con, đời cháu. Đến đời tui này, những "đất mới" này sẽ là quê hương xứ sở trong lòng các thế hệ mới, sẽ nảy sinh lòng "yêu nước", yêu nước Pháp, yêu

nước Mỹ...

Nhưng có điều chúng ta đừng quên, lòng yêu nước có thể mang những trạng thái khác, những trạng thái cực đoan, qua khích. Nó đi từ óc dân tộc tự tôn, từ đầu óc kỳ thị bài ngoại biến qua tình thần quốc gia bành trướng, do ý chí quyền lực. Lúc ý chí này chiếm đoạt tư tưởng của cả một dân tộc, nó sẽ tạo nên hiểm họa chiến tranh. Hai cuộc đại chiến thế giới trong thế kỷ 20 đã xảy ra là vì vậy. Đứng trước quân hùng, tướng dữ của phe quốc xã độc tài, được nuôi dưỡng bởi lòng yêu nước cực đoan, phe tự do dân chủ của các nước Âu Châu lục địa đã sụp đổ mau chóng. Tình trạng kẻ mạnh đàn áp kẻ yếu có thể kéo dài, ý chí quyền lực sẽ lấn át công bằng, bác ái trong nhiều năm, nếu phe dân chủ không có sức mạnh kinh tế, kỹ nghệ vượt mức của nước Mỹ đến cứu viện. Từ đó, từ khi chủ nghĩa quốc xã tan vỡ, nhân loại một phần nào được sống trong khung cảnh thái bình, thịnh trị của Mỹ quốc trên đường dân chủ tự do.

Rồi từ đó, lòng yêu nước được bộc lộ một cách hiền hòa hơn... trên những sân vận động, đặc biệt trong các cuộc Thế Vận Hội. Ai chẳng cảm động, mũi lòng lúc thấy quốc kỳ nước mình được kéo lên cao cùng với tiếng nhạc quốc thiều nhờ lực sĩ phe ta đoạt huy chương vàng? Chúng ta vừa chứng kiến Giải Tranh Bóng Tròn Thế Giới trên đất Pháp. Khi đội bóng "tam sắc" của Pháp thắng trận chung kết, lấy được thanh danh "ngàn năm một thuở" là "đội cầu vô địch thế giới", dân chúng Pháp, gồm đủ màu da, hoan hỷ đổ ra đường đón mừng chiến thắng, chẳng kém gì lúc kết liễu cuộc đệ nhị thế chiến với sự đại thắng của phe dân chủ tự do.

Nhưng mô tả dân chủ như một xứ Bồng Lai Tiên Cảnh thời tôi thấy hơi quá đáng, với những câu như là: *"Những người dân chủ có thể gây dựng lòng yêu nước qua một nhà nước khiêm tốn, phục vụ người dân, một tổ quốc hiền hòa và khuyến khích... gần gũi như một người bạn"*. Nghe thiệt là êm tai, thiệt là thơ mộng! Chúng ta đừng mê ngủ người dân lành. Chúng ta đều biết là chế độ dân chủ chẳng phải là liều thuốc chữa bách bệnh, nó không phải là lá bùa vạn năng. Xin cứ nhìn nước Nga, nước Nam Tư, nước Afghanistan, nói gì đến các nước hậu tiến ở Phi Châu. Dân chủ có

thể đem đến hỗn loạn, thập nhị sứ quân, giết chóc, nội chiến, bè phái, mafia... Ngay trong một chế độ thực thi dân chủ, Alexis de Tocqueville, mô tả xã hội Mỹ đang hình thành, đã phải khuyên răn: *"Hãy coi chừng sự độc tài của đa số đối với thiểu số!"*.

Viết vậy, tôi không có ý bài bác tư tưởng dân chủ, vì là trong mọi hình thức quyền chính nó vẫn là hình thức "ít tồi tàn nhất". Và tôi cũng tin như anh Nguyễn Gia Kiểng là "dân chủ sẽ thắng lợi ở xứ ta". Nó là con đường tiến tất nhiên của nhân loại, nó là chiều hướng sinh hoạt của mọi con người ta. Nhưng, muốn thay đổi, từ chế độ cộng sản, nó có một guồng máy đàn áp tinh vi, qua đời sống tự do dân chủ của một nước tân tiến sẽ đòi hỏi thời gian, kiên trì và hy sinh nữa... của những người sống trong nước. Chúng ta sống ở nước ngoài, chúng ta không nên, không được quyền chê trách đồng bào ở nhà là họ *"tìm cách tồn tại, tìm hưởng những đặc ân chết đói 200 đô la một tháng"*. Chúng ta không có quyền khinh họ, thóa mạ họ, vì người ta phải lo sống, sống trước đã! Rồi dần dần, sự đòi hỏi của kinh tế thị trường, áp lực của dư luận, sự trao đổi văn hóa với thế giới bên ngoài, sự đào thải của các cụ quan cách mạng Mác Lê cần cỗi, rì sét, thay thế bởi thế hệ trẻ, sẽ đem đến sự hình thành một nước Việt Nam mới, tự do dân chủ.

Tranh luận với anh Nguyễn Gia Kiểng về những vấn đề lớn như tự do dân chủ, tổ quốc, yêu nước, tôi có cảm giác như "múa riu qua mắt thợ". Hơn nữa, tôi nghe nhiều người bạn nói tác giả bài "Tổ quốc ta" có thói "chơi cương", "nói zậy nhưng không phải zậy", chẳng qua là anh cố tình đưa những lập luận nghịch lý, những điều khích động cốt ý để quấy dư luận mê ngủ của đám người Việt sống trong "phó mát bơ sữa": một cách đánh du kích, "chỉ Đông đánh Tây" vậy!

Cuối cùng, với một luận điệu hơi "ba phải", tôi xin kết luận rằng người Việt mình nuôi lòng yêu nước tự ngàn xưa, mà mối tình này hoặc có lúc bùng cháy gây cơn lốc, thổi sạch suốt bờ cõi, đẩy hết ngoại xâm, hoặc cháy âm ỉ trong lòng mỗi người Việt, dù người ấy là Việt Minh, Việt Quốc, Việt Cộng hay Việt Kiều...

Đặng Văn Châu

Xin cảm ơn anh Đặng Văn Châu về bài đốp gốp này. Hoàn toàn không có vấn đề "múa riu qua mắt thợ". Tôi không dám nhận là "thợ", nhất là khi người múa riu lại là một đàn anh mà tôi hằng kính mến như anh Châu. Các vấn đề lớn như tổ quốc, tự do, dân chủ vừa lớn hơn sự hiểu biết của mọi người mà cũng vừa nằm trong quyền phát biểu của mọi người. Tôi cũng chỉ có vài ý kiến sơ sài đưa ra để thảo luận.

Chúng ta, cũng như nhiều dân tộc đã được thừa hưởng một di sản đáng kể, những lâu đài thành quách không chứng tỏ sự hiện hữu của quốc gia và cũng không cần có quốc gia mới có được. Các Kim Tự Tháp ở Ai Cập hay Vạn Lý Tường Thành tại Trung Quốc là do ý chí của các bạo chúa chứ không do một ý thức dân tộc nào. Có hay không có quốc gia và lòng yêu nước thì cũng vẫn có thể có những thành tựu và tiến bộ. Nhưng vấn đề là thành tựu nhiều hay ít, tiến bộ nhanh hay chậm. Tôi chắc anh Đặng Văn Châu cũng đồng ý là từ khi các ý niệm quốc gia và dân chủ ra đời, nhân loại đã tiến nhanh hơn nhiều.

Tôi không thể đồng ý với những thí dụ ở Nga, Nam Tư, Afghanistan hay Châu Phi mà anh Châu nêu ra để chứng minh dân chủ có thể đưa đến hỗn loạn. Các nước đó hoặc không có dân chủ hoặc chỉ có dân chủ bịp bợm mà thôi. Câu nói bất hủ của Tocqueville mà anh Châu nhắc lại là một ánh sáng soi đường về dân chủ đa nguyên, tôn trọng các thiểu số mà anh em Thông Luận chúng tôi rất gần bó.

Còn về các tiền bối của chúng ta, tôi không hề coi thường. Trong bài "Tổ quốc ta", tôi còn nhấn mạnh là tôi rất kính trọng họ, nhưng họ là sản phẩm của một nền văn hóa và chính nền văn hóa đó mới đáng phê phán. Tôi rất thích nhân vật Nguyễn Công Trứ, nhưng chính bài thơ mà anh Châu nhắc ý và trích dẫn cũng chứng tỏ kẻ sĩ chỉ đặt liên hệ quân-thần mà không đặt tương quan nước-dân.

Sau cùng có một điều mà anh Châu chất vấn tôi và tôi phải xin phép để phản bác, đó là cách nhìn những người sống tại hải ngoại. Ở lại không phải là yêu nước mà ra đi cũng không phải là bỏ nước. Tùy hoàn cảnh mà mỗi người phải làm những chọn lựa khác nhau.

Có những người ra đi để bỏ nước, nhưng cũng có những người ra đi để có thể đóng góp cho đất nước, và ở cương vị nào chúng ta cũng có quyền nói tiếng nói của lý trí và lương tâm. Sống ở nước ngoài không phải là một tội và do đó không bị cấm nói tới một số vấn đề và đưa ra một số ý kiến. Tôi biết anh Châu rất thích thơ nên cũng xin trích tặng anh Châu một câu trong bài "Hồ trường" của Nguyễn Bá Trắc:

Chí ta ta biết, lòng ta ta hay.

NGK

THỜI SỰ...TIN TỨC...THỜI SỰ...

Nhiều tố giác trong vụ xây dựng Thủy Cung Thăng Long

Một mê hồn trận hành chính

Hà Nội cho tới nay vẫn còn kém hẳn Sài Gòn ở một điểm là thiếu những khu giải trí. Từ năm 1996, nhà nước nhận ra là giải trí cũng rất cần thiết cho thủ đô và đi đến quyết định cho thành lập một khu giải trí.

Dự án lúc ban đầu là thành lập một "khu vui chơi, giải trí" lấy tên là "Thủy Cung Thùy Dương" với diện tích 7.000 m², do công ty tư nhân Vạn Thiện thực hiện. Nhưng ngay sau đó công ty Vạn Thiện lại được chỉ định làm "chủ đầu tư" cho một công trình giải trí lớn hơn mang tên là Thủy Cung Thăng Long trên một diện tích 70.000 m² (tức 10 lần lớn hơn) với số vốn dự trù 190 tỷ đồng, gấp 30 lần kinh phí dự trù lúc ban đầu. Đến tháng 10-1996, Ủy Ban Nhân Dân Hà Nội ký giấy cấp cho ông Lê Tân Cương 7.000 m² đất để xây dựng khu "Khuôn viên ao cá, cây cảnh Thùy Dương" theo dự án "Thủy Cung Thùy Dương" tưởng đâu đã được thay thế bằng dự án Thủy Cung Thăng Long.

Sự phức tạp không dừng lại ở đó, bởi vì sau đó, tháng 11-1996, dự án Thủy Cung Thăng Long, vẫn do công ty Vạn Thiện của ông Lê Tân Cương làm chủ đầu tư, được đưa lên tầm vóc lớn hơn với diện tích 220.000 m² (22 hecta). Tuy có sự thay đổi lớn đó, dự án vẫn được bộ trưởng xây dựng Ngô Xuân Lộc (hiện là phó thủ tướng) ký nhận là phù hợp và sau đó được trình lên thủ tướng. Sau đó Văn Phòng Thủ Tướng truyền đạt quyết định của... phó thủ tướng Trần Đức Lương (bây giờ là chủ tịch nước) cho phép UBND Hà Nội chỉ đạo công ty Vạn Thiện xúc tiến làm dự án khả thi trình lên chính phủ. Tháng 11-1997 dự án được trình lên chính phủ. Đến tháng 2-1998, ông Ngô Xuân Lộc, đã trở thành phó thủ tướng, liền ký duyệt dự án.

Trong suốt tiến trình phức tạp của dự án với nhiều thay đổi, vai trò của ông Ngô Xuân Lộc luôn luôn có trọng lượng quyết định. Ông Lộc quả quyết hay ngoan cố còn là một dấu hỏi. Điều chắc chắn là trong vụ này đã có những hiện tượng rất bất thường. Trước hết, dự án

này vượt quá xa khả năng tài chính của công ty Vạn Thiện. Tài sản của công ty này chỉ có một khách sạn đang xây cất dở dang, trị giá ước lượng là 4 tỷ đồng. Công ty không còn vốn để tiếp tục xây cất thì làm sao có thể xây dựng một công trình lớn như Thủy Cung Thăng Long. Và lại, lúc ban đầu công ty chỉ xin khai thác một chiếc ao diện tích 7.000 m² (đúng ra là 6.982 m²) ngay sau trụ sở. Dần dần công ty đã bị bắt buộc phải đứng tên làm chủ một dự án qui mô quá lớn.

Sau đó là diễn biến của dự án. Tuy nói là lập khu giải trí nhưng lại cho phép cất nhà tư nhân trong khu vực. Dự án chưa khởi công thì công ty Vạn Thiện đã tiến hành rao bán đất với giá 3 triệu đồng một mét vuông, trong khi họ chỉ bồi hoàn cho những người bị "giải tỏa" từ 7.600 đến 19.000 đồng một mét vuông. Đối với những người bị đuổi nhà, đây chỉ là một vụ cướp đất trắng trợn. Chưa hết, Sở Địa Chính Hà Nội cũng đăng báo rao bán đất giúp cho công ty Vạn Thiện với giá tối thiểu 5 triệu đồng một mét vuông (nghĩa là ăn hoa hồng trung gian 2 triệu đồng/m²).

Thủy Cung Thăng Long mới đầu là khu giải trí vui chơi đã biến thành một vụ mua bán đất với giá bán gần bằng một ngàn lần giá mua. Về diễn biến hành chính và thủ tục, nó là một mê hồn trận. Ngoài ra các kiến trúc sư còn phản đối việc hủy hoại cảnh quan thiên nhiên và cổ truyền của thành phố, như vụ công ty Vạn Thiện lập chiếc hồ 6.982 m², họ coi đây là một hành động tham nhũng vô trách nhiệm.

Rất nhiều tiếng nói có thẩm quyền đã vang lên tố giác vụ Thủy Cung Thăng Long. Đáng kể nhất là:

- Kiến trúc sư Trần Thanh Vân, trong một lá thư gửi thủ tướng chính phủ, đòi hủy bỏ dự án và xử lý trước pháp luật những người có trách nhiệm.

- Kiến trúc sư Hoàng Phúc Thắng, cố vấn thủ tướng chính phủ, phó ban chỉ đạo bảo tồn các di sản kiến trúc Hà Nội. Ông Thắng nêu đích danh các ông Ngô Xuân Lộc, phó thủ tướng, Đinh Hạnh,

phó chủ tịch UBND Hà Nội và cả ông Trần Đức Lương. Ông Thắng cùng tố cáo hai người đứng đằng sau chủ mưu vụ mua bán đất này là ông Nguyễn Sơn Lộ, con rể ông Hà Ngọc Tiến, cựu thiếu tướng phó tổng cục trưởng Tổng Cục Cảnh Sát, hiện là tổng giám đốc công ty SENA và ông Ngô Xuân Quang, con ông Ngô Xuân Lộc, hiện là giám đốc công ty CDC.

- Mạnh liệt nhất là kiến trúc sư trẻ Nguyễn Hoàng Phương, 28 tuổi, giải thưởng kiến trúc quốc tế 1994. Ông Phương làm đơn kiện đích danh bảy viên chức cao cấp của nhà nước ra tòa. Sau đây chúng tôi đăng nguyên văn đơn kiện của ông Nguyễn Hoàng Phương. Ông Phương gởi cho "các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước" và cho biết nếu vụ này được "xử lý nội bộ" thỏa đáng, ông sẽ không gởi đơn kiện tới tòa án.

Đơn kiện

về tội thiếu tinh thần trách nhiệm và cố ý làm trái của một số công chức nhà nước trong việc lập thẩm định và phê duyệt dự án "Khu Liên hợp Du lịch Dịch vụ Văn hóa Thể thao Thủy Cung Thăng Long" tại Hà Nội.

Kính gửi Tòa án nhân dân tối cao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

*Tôi là Nguyễn Hoàng Phương, 28 tuổi, công dân Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,
Nghề nghiệp: Kiến trúc sư, Giải thưởng Kiến trúc Quốc tế 1994,
Số CMND: 11011607163,
Trú quán: 163 Bà Triệu, Hà Nội,
Dịch chỉ liên hệ: Gác 3, 47 Bà Triệu, Hà Nội. Tel: 8.240388*

- Căn cứ Hiến pháp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ "Hệ thống các Quy định pháp luật về Đầu tư và Xây dựng" do Nhà nước ban hành và nhiều Quy định trong các văn bản pháp luật liên quan như trong Luật đất đai, Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Luật hành chính... hoặc trong các Quyết định, Thông tư, Thông báo của Nhà nước khác.

- Căn cứ 1482 trang số hồ sơ là bằng chứng, vật chứng và trên 15 nhân chứng

trong đó có nhiều chuyên gia đầu ngành thuộc lĩnh vực kiến trúc - qui hoạch đất đai, tài chính... hiện đang công tác tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Trung ương và địa phương.

1. Ông Ngô Xuân Lộc, Phó Thủ Tướng Phụ trách kiến trúc - qui hoạch của chính phủ, về tội: Lạm dụng chức quyền, cố ý làm trái, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng trong việc xem xét và phê duyệt dự án.

3. Ông Trần Xuân Giá, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, về tội: Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng trong việc xem xét và phê duyệt dự án.

4. Ông Đinh Hạnh, Phó Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội, về tội: Lạm dụng chức quyền, cố ý làm trái, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng trong việc xem xét và phê duyệt dự án.

5. Ông Nguyễn Tấn Vạn, Thứ trưởng Bộ Xây dựng, về tội: Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng trong việc xem xét và phê duyệt dự án.

6. Ông Trần Long Hạnh, Vụ trưởng Vụ Kiến trúc Quy hoạch - Bộ Xây dựng, về tội: Lạm dụng chức quyền, cố ý làm trái, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng trong việc xem xét và phê duyệt dự án.

7. Ông Nguyễn Lân, Kiến trúc sư trưởng
Thành phố Hà Nội, về tội: Lạm dụng
chức quyền, cố ý làm trái, thiếu trách
nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng trong
việc xem xét và phê duyệt dự án.

Kính thưa Quý tòa!

Dự án "Thủy Cung Thăng Long" do một Công ty tư nhân lập, về bản chất là nhằm chiếm dụng của Nhà nước 220.000 m2 diện tích tại khu vực coi là đẹp và thiêng liêng nhất của Hồ Tây để kinh doanh khu vui chơi, giải trí đồng thời kinh doanh hàng loạt biệt thự, nhà hàng khác.

Thoảng qua, tưởng như dự án đã được thực hiện đúng với qui trình, bài bản qui định, song đi sâu vào nội dung

dự án, nhiều chuyên gia cho rằng đây chính là một vụ lừa đảo hoặc vụ cướp ngày vừa tinh vi vừa trắng trợn của một số cá nhân trong đó có sự tiếp tay của một số công chức Nhà nước. Riêng tôi, xét nhân chứng, vật chứng cụ thể thấy rõ:

1. Công trình này hoàn toàn không phù hợp với qui hoạch đã được Nhà nước phê duyệt.

2. Quá trình lập, thẩm định, trình duyệt và phê duyệt dự án có những biểu hiện vi phạm nhiều qui định pháp luật mà Nhà nước ban bố cho thấy rõ sự thiếu trách nhiệm, lạm dụng chức quyền và cố ý làm trái của nhiều công chức Nhà nước thuộc nhiều cấp, trong đó có những công chức như đã nêu tên ở trên.

Do vậy tôi làm đơn kiện này, tôi xin khẳng định những nội dung đã nêu trong đơn là hoàn toàn có cơ sở. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Hà Nội, tháng 6 năm 1998

Nguyễn Hoàng Phương

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

Trong đợt ân xá tù nhân ngày 2-9-1998 vừa qua, hai linh mục dòng Đồng Công đã được trả tự do. Đó là linh mục Đinh Viết Hiếu và linh mục Nguyễn Châu Đạt. Cả hai vị đều đã bị kết án 20 năm tù năm 1987 trong một vụ án dàn dựng cực kỳ thô bỉ: chính quyền cộng sản buộc tội họ âm mưu chống chính quyền để bỏ tù họ và tịch thu tài sản của dòng Đồng Công.

Hiện còn bảy người bị xử trong vụ này vẫn còn bị giam giữ:

- Linh mục Phạm Minh Trí, sinh năm 1941, bị kết án 20 năm tù;

- Sư huynh Mai Đức Chương, sinh năm 1931, 18 năm tù;

- Sư huynh Nguyễn Viết Huân, tức Nguyễn Thiên Phụng, sinh năm 1950, 20 năm tù;

- Sư huynh Nguyễn Văn Thìn, sinh năm 1952, 16 năm tù;

- Giáo dân Lầu Sĩ Phúc, sinh năm 1968, 18 năm tù;

- Giáo dân Phạm Văn Dạn, sinh năm 1966, 15 năm tù;

- Giáo dân Lê Xuân Sơn, sinh năm 1966, 14 năm tù.

Trong các vị này, linh mục Phạm Minh Trí đang lâm bệnh tâm thần trầm trọng nhưng không hiểu tại sao đã không được phóng thích như hai linh mục Hiếu và Đạt.

Vụ Đồng Công có thể tóm lược như sau:

Đòng Công là một dòng tu vinh danh Đức Mẹ Maria mà họ coi là có cùng công cứu thế như Chúa Ki Tô (do đó mà có danh xưng Đòng Công). Các tu sĩ Đòng Công tự túc về mặt kinh tế nhờ canh tác và chăn nuôi trên một khu đất gần 15 hecta tại Thủ Đức. Dòng Đòng Công đã có từ lâu và không bị đe dọa ngay sau ngày 30-4-1975, nhưng càng ngày tài sản của họ cũng như cách sinh sống tự túc của họ càng khiến họ bị chính quyền cộng sản dòm ngó. Đã có nhiều "gợi ý" cho họ là nên nộp tài sản cho nhà nước và giảm bớt số tu sĩ (trên 300 tu sĩ), nhưng dòng Đòng Công đã không biết ghi nhận "thiện chí" đó của nhà nước.

Ngày 15-5-1987, công an tới dòng thực hiện kiểm tra hộ khẩu và phát hiện một số người không có hộ khẩu chính thức tại dòng. Những người này đều có hộ khẩu hợp pháp ở một nơi khác. Dòng Đồng Công giải thích rằng đó là cách sinh hoạt bình thường của dòng, nhiều giáo dân vẫn tới đây làm việc và cầu nguyện trong một thời gian tuy họ không có hộ khẩu tại nhà dòng vì không phải là tu sĩ của dòng nhưng đều là công dân hợp pháp. Tuy lý do chỉ có vậy, nhưng cũng đủ để công an quyết định lục soát toàn bộ dòng. Một số lượng rất đông đảo công an được huy động đến khám xét và sau khi khám xét công an đã tìm được những cuốn sách kinh rất cũ không còn sử dụng nữa tại thư viện của dòng, trong đó có những câu kinh chống cộng (như "Lạy Chúa và Đức Mẹ, xin phù hộ cho chúng con thoát ách cộng sản", v.v...). Dù nhà dòng giải thích đó là những sách cũ chỉ tình cờ còn lại trong thư viện nhưng đó vẫn là cớ để dòng bị buộc tội "tuyên truyền chống chủ nghĩa xã hội và phá hoại đoàn kết dân tộc", sau đó công an tuyên bố quản lý nhà dòng. Thực ra đây chỉ là một lý cớ để tịch thu tài sản của dòng mà thôi. Một cán bộ lấy cung có lúc đã tâm sự với một tu sĩ

THỜI SỰ...TÌNH TỨC...THỜI SỰ...

từng bị bắt trong vụ này rằng: "Chúng tôi thừa biết là nhà dòng nào cũng chứa những sách cũ trong đó có những lời cầu nguyện phản động".

Vì số lượng công an đến chiếm đóng nhà dòng quá đông nên đã gây xô xao và phần nộ trong giáo dân. Hàng ngàn người đã tụ tập trước dòng và xảy ra ẩu đả với công an mặc thường phục. Nhiều giáo dân đã bị bắt. Hai tuần lễ sau khi chiếm dòng, công an tuyên bố đã tìm được một khẩu súng lục và vài viên đạn, dòng Đồng Công lại bị buộc thêm tội tàng trữ vũ khí. Các tu sĩ dòng Đồng Công phản đối, nói rằng khẩu súng này, nếu có, là do công an mang tới. Tuy vậy, một số tu sĩ và giáo dân vẫn bị giải tòa vì các tội trạng "tuyên truyền chống chủ nghĩa xã hội, phá hoại khối đoàn kết dân tộc, tàng trữ vũ khí bất hợp pháp, hành hung công an".

Phiên tòa sơ thẩm ngày 30-10-1987 đã xử linh mục bề trên Trần Đình Thủ tù chung thân, sáu tu sĩ khác từ 16 đến 20 năm tù và ba giáo dân Lầu Sĩ Phúc, Phạm Văn Dạn và Lê Xuân Sơn từ 14 đến 18 năm tù. Phiên tòa phúc thẩm ngày 7-9-1988 đã giảm án linh mục bề trên Trần Đình Thủ xuống còn 20 năm tù nhưng giữ nguyên án đối với các bị cáo khác.

Năm 1993 linh mục Trần Đình Thủ, sinh năm 1906, được trả tự do vì tuổi già. Ông đã làm đơn khiếu nại việc tịch thu tài sản của dòng nhưng đơn khiếu nại này đã bị bác. Đầu năm nay, linh mục Trần Đình Thủ lại khiếu nại một lần nữa nhưng chưa được trả lời. Lập luận của linh mục Trần Đình Thủ là tài sản của dòng Đồng Công là của giáo hội, chứ không phải của ông hay của dòng, theo luật pháp Việt Nam chỉ có thể bị tịch thu tài sản khi chủ tài sản dùng tài sản đó vào việc bất hợp pháp, hoặc cố ý để người khác sử dụng tài sản của mình vào việc bất hợp pháp, trong khi ngay cả nếu ông và các tu sĩ dòng Đồng Công có tội thực (điều mà ông quả quyết là không) thì Giáo Hội Công Giáo Việt Nam cũng không hề biết đến, chưa nói là có ý.

Ông Lê Quang Vịnh, trưởng ban tôn giáo đảng cộng sản, gần đây trong một buổi họp với Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đã yêu cầu Giáo Hội Công Giáo

Việt Nam, cũng như các giáo hội khác, đừng đặt vấn đề hoàn trả các tài sản đã bị tịch thu nữa. Ông Vịnh không giải thích tại sao, chỉ tuyên bố như một mệnh lệnh.

Hiện nay dòng Đồng Công còn 8 linh mục và khoảng 200 tu sĩ sinh sống tại vùng đất nhỏ còn lại của dòng. Họ chăm nom vài ao cá hoặc ban ngày đi làm công ở bên ngoài. Tuy cuộc sống thiếu thốn nhưng các tu sĩ cho hay họ vẫn ràng buộc với dòng để giữ vững đức tin và biểu lộ sự kiên trì trước một biện pháp đàn áp thô bạo.

Bắc Kinh và Đài Bắc nối lại liên lạc

Sau ba năm ngừng chỉ liên lạc do sáng kiến của Bắc Kinh, Đài Bắc, dưới áp lực của Tổng thống Clinton, bắt buộc phải nối lại liên lạc với Bắc Kinh.

Đây là lần đầu tiên một nhân vật cao cấp Đài Loan, ông Cồ Chấn Phủ (Gu Zhen Pu hay Koo Chen Fu) đặt chân tới lục địa sau gần 50 năm từ khi hai nước bị chia đôi. Dù chỉ là với tư cách chủ tịch một hiệp hội bang giao bán chính thức, ông Cồ Chấn Phủ là người bạn thân và cố vấn của tổng thống Lý Đăng Huy, ông lại là một trong 33 ủy viên thường trực (bộ chính trị) của Quốc Dân Đảng. Người đồng sự của ông phía lục địa là Ưông Đạo Hàm (Wang Dao Han). Ông Ưông thực sự chỉ làm bình phong vì không phải là ủy viên Trung ương đảng.

Người đồng sự thực tế của ông Cồ là phó Thủ tướng Tiền Kỳ Tham đặc trách về Đài Loan, Hương Cảng, Ma Cao ở quốc vụ viện với sự trợ giúp của ông Trần Văn Lâm (Chen Yun Lin), một ủy viên Trung ương Đảng thay ông Lỗ Bình (Lu Ping) bị mất chức ở đại hội 15.

Trong 4 ngày thương lượng từ ngày 14 đến 17-10 ở Thượng Hải với ông Ưông, ông Cồ đã lên án khắt khe Bắc Kinh vẫn không khước từ đe dọa chiếm đảo Đài Loan bằng vũ lực và tiếp tục làm áp lực các nước có quan hệ chính thức với Đài Loan. Ông lại nhấn mạnh hai bên chỉ có thể thống nhất khi nào Hoa lục có một chế độ hoàn toàn dân chủ như Đài Loan hiện nay. Ông Ưông

tránh né điều này chỉ yêu cầu phía Đài Loan chấp nhận nguyên tắc một xứ Trung Hoa duy nhất như một tiền đề.

Một khi chấp nhận tiền đề này, tất cả mọi vấn đề khác đều có thể bàn luận. Ông Hứa Huệ Hựu (Shui Hui You), phó chủ tịch Hiệp hội phía Đài Loan trả lời xứ Trung Hoa duy nhất là xứ Trung Hoa Dân Quốc! Cuộc thương lượng giữa hai ông Ưông-Cồ bị dầm chân tại chỗ.

Ngày 18-10, ông Cồ và phái đoàn Đài Loan lên Bắc Kinh gặp Tiền Kỳ Tham và Giang Trạch Dân ở Điều Ngự Đài. Tiền Kỳ Tham lại đưa ra thuyết "trong ngoài có khác biệt" (Wai Nei You Bie), ý muốn nói Đài Loan có thể giữ chế độ hiện hữu của mình, Bắc Kinh giữ chế độ "XHCN" trong hệ thống một nước duy nhất, một loại như "một nước, hai thể chế" đã áp dụng ở Hương Cảng. Điều này không thể trả giá. Cuộc gặp gỡ giữa Tiền Kỳ Tham và Cồ Chấn Phủ rất căng thẳng.

Cuộc gặp gỡ thượng đỉnh của phái đoàn Đài Loan với Giang Trạch Dân sau đó được diễn ra trong bầu không khí cởi mở. Phía Bắc Kinh có Giang Trạch Dân, Trần Văn Lâm, Đường Thụ Bị (Tang Shu Bei, phó chủ tịch Hiệp Hội) và Trương Kim Thành (Zhang Jin Cheng) trong khi phía Đài Loan có Cồ Chấn Phủ, phu nhân của ông Cồ, Hứa Huệ Hựu và Trương Vinh Cung (Zhang Rong Gong). Trong một giờ 40 phút thảo luận, chủ đề là dân chủ hóa. Ông Cồ giải thích cho ông Giang tiến trình dân chủ hóa của Đài Loan và nói dân chủ hóa là khuyến khích quan điểm hiện đại hóa của quốc gia. Ông lại kiến nghị là hai bên trao đổi kinh nghiệm về dân chủ. Họ Giang không phản đối lập trường của ông Cồ. Ông lại cho lục địa cũng theo đuổi dân chủ hóa. Đối với ông Giang, dân chủ hóa không phải là một điều trừu tượng mà còn cụ thể và tương đối. Theo ông, cá tính quốc gia ở mọi nơi đều bất đồng, dân chủ cũng bất đồng. Ông lấy thí dụ ở Anh Quốc và Nhật Bản có nữ hoàng và vua, ở Đức Pháp Mỹ có tổng thống, nhưng quyền lực không giống nhau. Ông Giang vẫn khư khư nắm giữ thuyết tương đối của nhà bác học Einstein nhưng đem áp dụng không đúng chỗ. Dù vậy, cuộc đối thoại có thể nói khá hứng thú. Người ta

THỜI SỰ...TIN TỨC...THỜI SỰ...

để ý ông Giang không phủ nhận dân chủ, đó là điều đáng ghi nhận.

Cuộc nổi loạn lại quan hệ giữa hai bờ eo biển chẳng đem lại kết quả gì ngoài sự chấp nhận của Bắc Kinh sẽ gửi ông Uông Đạo Hàm sang Đài Bắc tiếp tục đối thoại. Ông Cô sẽ có dịp gặp lại Giang Trạch Dân ở Hội nghị hợp tác kinh tế Á Châu - Thái Bình Dương (APEC) trong tháng tới ở Kuala Lumpur do Mã Lai tổ chức. Đài Loan đề nghị tổ chức Hội nghị này vào năm 2002 ở Đài Bắc. Liệu ông Giang có thể tránh gặp tổng thống mới của Đài Loan không? Điều chắc chắn là từ đây đến đó thế giới còn nhiều thay đổi.

Đối lập dân chủ sinh hoạt sôi nổi tại Trung Quốc

Từ trước đến nay, những người dân chủ Trung Quốc vẫn không ngừng kêu gọi chính quyền cộng sản Trung Quốc chấp nhận để các chính đảng và các tổ chức nhân quyền được công khai hoạt động, nhưng họ đã chỉ gặp sự từ chối ngoan cố, có khi thô bạo, của chính quyền Bắc Kinh. Nay tình thế đã đổi khác.

Thứ hai 5-10-1998, Bắc Kinh vừa ký kết công ước về các Quyền Dân Sự và Xã Hội, trong đó có quyền tự do ngôn luận và tự do hội họp. Không đợi ngày ký kết chính thức này, một tổ chức chính trị chính thức ra đời qua một hội nghị 50 đại biểu trong hai ngày chủ nhật 4 và thứ hai 5-10 tại Bắc Kinh. Theo ông Bành Minh, một trong những người lãnh đạo của tổ chức, thì họ đã qui tụ được khoảng ba ngàn thành viên, điều này chứng tỏ họ đã chuẩn bị từ lâu có thể với sự thỏa thuận ngầm của chính quyền Bắc Kinh. Tổ chức này mang tên là "Liên Minh Phát Triển Trung Quốc" (China Development Union), một tên gọi ít màu sắc chính trị, nhưng ông Bành Minh xác nhận mục đích của tổ chức là phát huy dân chủ và nhân quyền tại Trung Quốc. Mặt khác, một nhóm bốn người tại tỉnh Hà Nam cũng đã công khai tuyên bố thành lập và xin được đăng ký chính thức Đảng Dân Chủ Trung Quốc.

Chính quyền Bắc Kinh đã phản ứng một cách khó hiểu. Ngày 24-10-1998, họ tuyên bố giải tán tổ chức Liên Minh Phát Triển Trung Quốc, cho công an tới

khám xét nhà ông Bành Minh và sau đó bắt giam để thẩm vấn ông trong vài giờ rồi trả tự do. Cùng ngày, họ cũng bắt giam ba trong bốn sáng lập viên Đảng Dân Chủ Trung Quốc là các ông Li Zongshang, Wang Binh và Zeng Ninh. Ba vị này cũng chỉ bị thẩm vấn rồi được trả tự do. Trước đây, Bắc Kinh cũng đã bắt giam trong một thời gian ngắn khoảng 20 đảng viên Đảng Dân Chủ Trung Quốc.

Cho tới nay người ta có thể nghĩ là chính quyền Bắc Kinh trong thâm tâm đã đồng ý để các tổ chức đối lập ra đời nên đã chỉ có những biện pháp đàn áp tượng trưng nhằm trấn an các phần tử bảo thủ cứng rắn trong đảng cộng sản và để phong trào dân chủ đừng bùng ra quá nhanh và quá mạnh, vượt sự kiểm soát của họ, đợi cho thời gian chín muồi rồi mới công khai nhìn nhận sự hiện hữu của đối lập.

Những phản ứng nhẹ này không đủ để ngăn chặn trào lưu dân chủ vươn lên. Tình hình Trung Quốc sẽ còn hứa hẹn nhiều biến chuyển ngoạn mục.

Thủ tướng Phan Văn Khải đi Trung Quốc

Đây là lần thứ hai một thủ tướng Việt Nam viếng thăm chính thức Trung Quốc từ 1979. Lần thứ nhất trong năm 1991, thủ tướng Võ Văn Kiệt và tổng bí thư Đỗ Mười đến Bắc Kinh nối lại quan hệ chính thức giữa hai nước sau chuyến đi "bí mật" cầu hòa ở Thành Đô một năm trước đó của tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười và Phạm Văn Đồng. Chuyến đi này, bắt đầu từ ngày 19-10-1998, của ông Phan Văn Khải và phu nhân là bà Nguyễn Thị Thuộc, chủ yếu là quan hệ kinh tế và vấn đề tranh chấp biên giới.

Cùng đi với ông Khải, có tất cả hơn 20 người trong đó có nhiều bộ trưởng như ông Nguyễn Công Tạ, phó thủ tướng, Đặng Vũ Chư, bộ trưởng công nghiệp, Lê Huy Ngọ, bộ trưởng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Nguyễn Đình Lộc, bộ trưởng tư pháp, Châu Tuấn Nhạ, bộ trưởng khoa học kỹ thuật và môi sinh, Đỗ Nguyên Phương, bộ trưởng y tế, Vũ Khoan, thứ trưởng ngoại giao và ông Bùi Hồng Phúc, đại sứ Việt Nam ở Bắc Kinh. Về phía Trung Quốc,

ngoài thủ tướng Chu Dung Cơ, còn có ngoại trưởng Đường Gia Triền, bộ trưởng nông nghiệp Trần Diệu Bang, bộ trưởng tài chính Hướng Hoài Thành, phó chủ nhiệm kinh tế mậu dịch Trần Bang Trụ, thứ trưởng đối ngoại kinh tế mậu dịch Tôn Quang Tương và đại sứ Trung Quốc ở Hà Nội Lý Gia Trung.

Phái đoàn Việt Nam được thủ tướng Chu Dung Cơ tiếp đón và chiêu đãi ở Đại Hội Đường Nhân Dân. Chu Dung Cơ tuyên bố hy vọng hai xứ xiết chặt quan hệ hợp tác ổn định trong tình giao hảo tốt trước khi bước vào thế kỷ 21. Ông Khải, trong bài diễn văn đáp lại, hy vọng Trung Quốc tiếp tục thu hoạch nhiều thành quả và hy vọng học tập kinh nghiệm của Trung Quốc. Ông Khải nhấn mạnh Việt Nam không quên sự giúp đỡ quý báu và "vô tư" của Trung Quốc trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và kiến thiết hiện đại hóa của Việt Nam. Hai bên ký ba hiệp định có liên quan về hợp tác ở biên giới, về tương hỗ pháp luật và vấn đề lãnh sự.

Báo Nhân Dân (Bắc Kinh) ngày 21-10-1998, trong bài tường thuật, không nói tới lý do của ba hiệp định này cũng như không nói tới hai chủ đề khác trong cuộc đàm thoại giữa hai thủ tướng là vấn đề phong bão tiền tệ ở Á Châu và vấn đề Trường Sa (Spratleys). Báo nước ngoài cho biết là quan hệ mậu dịch giữa hai nước vượt ngoài 1,4 tỷ USD trong năm qua, trong đó hàng lậu với chất lượng xấu chiếm một tỷ lệ cao.

Về vấn đề biên giới, báo Nhân Dân chỉ nói tới vấn đề giải quyết ở biên giới nội địa và chung quanh vịnh Bắc Bộ. Chu Dung Cơ nhắc lại quyết định của hai tổng bí thư Giang Trạch Dân và Đỗ Mười trong tháng 7-1997 là phải giải quyết hai vấn đề này trước năm 2000. Ngoài Bắc Kinh ra, phái đoàn của ông Khải còn đi tham quan Tô Châu, Hàng Châu và Quảng Tây.

Vụ án Nguyễn Hoàng Linh: một triết lý pháp luật mới

Mục đích của tòa án là để tái lập công lý, chế tài vi phạm và bồi thường thiệt hại cho nạn nhân của sự vi phạm. Nhưng chính quyền Việt Nam vừa phát minh một triết lý pháp luật mới: dùng tòa án để bao che cho sự vi phạm.

THỜI SỰ...TÌNH TỨC...THỜI SỰ...

Ký giả Nguyễn Hoàng Linh, 46 tuổi, tốt nghiệp Đại Học Thương Mại, tổng biên tập tuần báo *Doanh Nghiệp*, bị bắt giam từ ngày 8-10-1997 sau khi đã viết một loạt bài phê phán vụ Cục Hải Quan mua bốn tàu cao tốc của Ukraine. Với những dữ kiện trong tay, ông Linh tố giác là vụ mua tàu này đã có sự gian trá và làm thất thoát của nhà nước khoảng 30 tỷ đồng. Phải hiểu rằng những dữ kiện của ông Linh khá chính xác bởi vì Cục Hải Quan chỉ phản đối là "một số điểm trong bài báo không đúng sự thật". Trong bối cảnh thông tin bị bưng bít tại Việt Nam, sự sưu tập tài liệu như thế là đã khá công phu và đáng lẽ nhà nước phải dựa vào đó để điều tra việc làm của Cục Hải Quan. Nhưng thế lực của Cục Hải Quan quá mạnh vì họ quá giàu (quần chúng Việt Nam có câu về "giàu anh hải quan, sang anh thương nghiệp") nên cho tới nay cũng chẳng ai biết sự thật trong vụ này ra sao. Ký giả Nguyễn Hoàng Linh bị cách chức tổng biên tập báo *Doanh Nghiệp*, bị khai trừ khỏi đảng cộng sản và bị tống giam.

Vụ bắt giam này cực kỳ vô lý, vì nếu Cục Hải Quan cảm thấy bị vu cáo thì phải công bố những dữ kiện chính xác của vụ mua tàu này và vô đơn kiện báo *Doanh Nghiệp* đòi được cải chính, xin lỗi và, nếu cần, đòi bồi thường thiệt hại. Nhưng Cục Hải Quan không thanh minh, không kiện và nhà nước cũng không cần biết gì hơn là bệnh Cục Hải Quan, cách chức và bắt giam ông Nguyễn Hoàng Linh.

Trong thời gian ông Linh bị giam giữ, chính quyền tự biết là đã hồ nên đã nhiều lần đề nghị ông Linh nhận lỗi để được khoan hồng. Nhưng ông Linh đã nhất mực từ chối, đòi được đem ra tòa xét xử. Phiên tòa đã diễn ra chớp nhoáng ngày 21-10-1998, ông Linh được luật sư Lê Quốc Hùng bảo vệ. Tại đây đã không có tranh luận về vụ mua tàu để xem những điều ông Linh đưa ra công luận là đúng hay sai, ông Linh bị kết tội "lợi dụng các quyền tự do báo chí, gây thiệt hại cho uy tín của ngành hải quan và của chính báo Doanh Nghiệp", chiếu điều 205a Bộ Luật Hình Sự.

Tính tới ngày 21-10-1998, ông Linh đã bị giam giữ tổng cộng một năm 13 ngày. Tòa bèn tuyên án ông

Linh một năm 13 ngày tù, để xí xóa vụ bắt giam trái phép này.

**Khiếu nại: trên đây cây
cho dưới**

Ngày 12-10-1998, ông Phan Văn Khải đã ký chỉ thị về việc giải quyết các khiếu nại của dân chúng. Theo chỉ thị này thì tới nay dân chúng phải gởi các đơn khiếu nại tới chính quyền địa phương nơi mình có hộ khẩu thay vì gởi thẳng tới văn phòng chính phủ. Chỉ thị giao cho các chính quyền địa phương trách nhiệm giải quyết "đúng đắn và nhanh chóng" những khiếu nại của người dân.

Các cơ quan thông tấn quốc tế, sau khi tham khảo với các quan chức nhà nước cộng sản, cho biết sở dĩ có chỉ thị này vì càng ngày dân chúng càng có thói quen gởi thẳng đơn khiếu nại tới văn phòng chính phủ và bộ chính trị đảng cộng sản gây ra một tình trạng ứ đọng hồ sơ. Hơn nữa chính quyền còn lo ngại vì dân chúng bắt đầu có thói quen kéo nhau tụ tập trước tư gia các cấp lãnh đạo lớn đòi giải quyết đơn khiếu nại của họ. Hai người gặp tình trạng này thường xuyên là thủ tướng Phan Văn Khải và chủ tịch quốc hội Nông Đức Mạnh.

Bản chỉ thị mật khác nói rằng các công dân sau khi đã nộp đơn khiếu nại phải chờ đợi tại nhà để được giải quyết, chứ không được kéo nhau tới trước cửa các cơ quan công quyền. Trong trường hợp họ kéo đến thì chính quyền địa phương có nhiệm vụ làm cho họ phải quay về nhà. Người ta có thể hiểu là chính quyền cộng sản đang lo sợ những vụ tập trung để khiếu nại này có thể biến thành biểu tình.

Tương lai sẽ ra sao? Chính tồ Nhân Dân, khi đang chỉ thị này, cũng nhận định là việc dân chúng kiện cáo lên chính quyền cấp trên chúng tỏ họ không còn lòng tin ở chính quyền địa phương nữa. Từ nay các chính quyền địa phương được lệnh phải giải quyết khiếu nại của dân chúng, nhưng có giải quyết được không là vấn đề khác. Các đơn khiếu nại đại đa số do hai nguyên nhân: giải quyết bất công về nhà đất và tố giác sự tham nhũng của chính quyền địa phương. Cả hai vấn đề này chính quyền địa phương đều không giải quyết được, bởi

vì thường thường chính họ là đối tượng bị tố giác, và khi không là đối tượng bị tố giác thì họ lại không có thẩm quyền.

Một thí dụ điển hình là tờ Nhân Dân, cơ quan chính thức của Trung Ương Đảng, số ra ngày 12-10-1998, vừa đăng chỉ thị của ông Phan Văn Khải, vừa đăng một tin theo đó chính Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Hòa Bình đã làm ăn gian trá trong nhiều vụ nhà đất. Vậy dân chúng Hòa Bình sẽ phải tố giác như thế nào? Cuối cùng đây chỉ là một biện pháp đẩy cây hành chính. Trên đùn cho dưới, dưới không thể giải quyết và người dân hết chỗ kêu oan. Biện pháp này thay vì xoa dịu sẽ có triển vọng đưa tới sự nổi bùng vì bất mãn.

Tại sao tuổi trẻ Việt Nam nghiện hút?

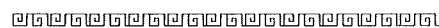
Trong vòng tám tháng đầu năm 1998, đã có 28 người bị kết án tử hình và 20 người bị đem hành quyết vì buôn lậu bạch phiến. Tuy vậy số lượng bạch phiến tiêu thụ vẫn tiếp tục gia tăng theo mức độ từ 30% đến 40% theo lời ông Trần Quang Đức, một sĩ quan công an.

Tại Hà Nội, khu đường Đào Duy Từ đã trở thành thị trường ma túy, ở đó người ta có thể mua bạch phiến dễ dàng như mua kẹo theo lời một phụ nữ cư ngụ tại khu phố. Bạch phiến được bán từng gói nhỏ với giá 50.000 đồng hay 25.000 đồng tùy phân lượng.

Tình hình Sài Gòn còn bi đát hơn. Ông Trần Thành Huyền, phó giám đốc công an, cho biết bọn buôn ma túy càng ngày càng tổ chức tinh vi hơn, chúng rất di động nhờ điện thoại cầm tay. Ông Huyền nói: "*Chúng tôi không thể bắt bọn bán lẻ vì chúng quá đông, và chúng cũng không sợ án tử hình*".

Số lượng người nghiện ma túy tại Việt Nam được ước lượng trên 200.000, phần lớn là thanh niên.

Bạo lực không xóa bỏ được nạn ma túy vì nguyên nhân của nó là sự tuyệt vọng của tuổi trẻ trước một tương lai bế tắc. Chỉ có một chế độ mới và một chính quyền mới, đem lại hy vọng cho tuổi trẻ, mới có cơ may làm giảm dần nạn nghiện ma túy.



Thư độc giả...

Một vài suy nghĩ về cuốn *Miền thơ ấu*

Trong lời tựa cuốn sách, có đoạn tác giả viết:

"Một thời nó đã là người bạn tâm tình, là cái nạng cho tôi vịn vào mà đi trên con đường vô định".

Cái nạng tác giả đã vịn qua hơn hai trăm trang sách, ít có năng lấp lánh, gió ngát hương và mây bay, trắng rằm. Chỉ toàn là những chú Cuội. Một niềm cay đắng uất hận do những người lớn chẳng có ý thức gì về tôn giáo, đã đem những giáo điều theo sự suy luận của họ, mà giáo dục, tẩy não. Những người cho mình cái quyền thay Chúa để giáo hóa con người. Họ nhân danh Chúa bóp nát tuổi thơ. Cũng hết như những người làm chính trị đã nhân danh Đảng để uốn nắn tư tưởng của đứa bé khi đã trưởng thành trong cuốn *Đêm giữa ban ngày*.

Cả hai hạng người giống nhau ở lòng cuồng tín. Họ có thể tử vì đạo hay chết cho Đảng. Đó là quyền tự do của cá nhân. Song khi sự cuồng tín đem áp dụng thành hành động cũng như tư tưởng để áp đặt cho người khác, thì không thể chấp nhận.

Miền thơ ấu của tác giả là một miền đen tối cùng vẫn là đêm giữa ban ngày.

Tôn giáo và chính trị thì theo tác giả đều qua những hành động những sự kiện.

Giọng văn mô tả các nhân vật dù rất khéo léo khách quan, song vẫn cho thấy sự đắng cay, mỉa mai, uất hận.

Đời với một người như tác giả đã trải qua rất nhiều gian khổ, đau thương, thì cái nạng ấy quả là nặng nề cho bước chân vô định.

Tổ chức chính trị và tôn giáo trong suốt lịch sử của nhân loại có nhiều sai lầm đã đưa đẩy các phe phái đến sự thanh toán lẫn nhau. Song cũng đã có những vẻ đẹp đáng khâm phục cho con người.

Đọc xong *Miền thơ ấu*, tôi đã hiểu được một điều: tại sao giữa lúc mọi thứ ngôn luận còn bị kiểm soát, chỉ có tự do hạn chế trong cuộc "cởi trói" mà cuốn sách không những được ấn loát mà còn được giải thưởng của nhà nước.

Có những điều Đảng vẫn sáng suốt.

Thái Tuấn

Một cơ sở từ thiện

Mái ấm tình thương người bất hạnh
Lòng vàng cứu khổ, bạc hiền nhân
Dù xây chín đợt phù trần,
Nào hơn hành thiện, ân cần độ sanh

Trẻ khiếm thị cố công học tập,
Chữ Bờ-Rai tươi sáng cuộc đời,
Xua tan bất hạnh chơi vơi,
Hảo tâm từ thiện, ân người khắc ghi.

Trên đây là hai vắn thơ của thầy Thích Thiện Chiếu, trụ trì chùa Kỳ Quang II, ngụ tại số 154/4A Lê Hoàng Phái, quận Gò Vấp thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở từ thiện Phật giáo chùa Kỳ Quang II, nơi nuôi dạy và hướng nghiệp thanh thiếu niên khiếm thị (mù), là một cơ sở được thiết lập từ năm 1925, được tu sửa lại năm 1957. Sau năm 1975, cơ sở này bị bắt ngưng hoạt động. Sau này, không biết rõ vào năm nào, chính quyền địa phương đã cho phép hoạt động lại. Hiện nay chùa Kỳ Quang II tiếp đón 70 cô nhi mù hoặc bị bệnh tâm thần, và 4 người già không nơi nương tựa. Cơ sở hoàn toàn tự lập, không có trợ cấp của nhà nước, và tồn tại do sự đóng góp của Phật tử tứ phương.

Hôm tôi ghé thăm, gặp một bà cụ già lè mề mang đến một bao tải gạo để giúp đỡ nhà chùa. Bước ra vườn tôi gặp các thanh thiếu niên khiếm thị đang vui vẻ ném và đá banh. Thầy Thiện Chiếu hướng dẫn các cháu về địa điểm bóng rơi để các cháu mò mẫm đến nhặt banh. Giương mắt các cháu sáng rực lên khi nhặt được trái banh khiến cho tôi vô cùng xúc cảm. Một cháu bị bệnh tâm thần chạy lại bá vào cổ thầy Thiện Chiếu, đánh đu một cách vô tư, được thầy công đi một vòng. Tôi đã bất ngờ đến thăm, không hẹn trước nhưng vẫn thấy cơ sở, tuy thô sơ, nhưng sạch sẽ, khang trang.

Chùa Kỳ Quang II, không những tiếp đón các trẻ khiếm thị và bị bệnh tâm thần lang thang không ai nuôi dưỡng, còn cố gắng dạy dỗ các cháu bằng cách tổ chức những lớp học văn hóa và âm nhạc với nhiều nhạc cụ như organ, guitar, trống, sáo và đàn tranh. Cơ sở đã muốn một số thầy giáo thuộc trường đặc

Mục lục

1. Đảng cộng sản bối rối trong tình thế khó khăn

Thông Luận

2. Xét lại đồng thuận Washington

Thông Luận

4. Liên Bang Úc đa nguyên

Huỳnh Hùng

5. Cuba: một thiên đường sụp đổ

Nguyễn Văn Huy

7. Về một cuộc đối thoại quốc - cộng

Trần Thanh Hiệp

9. Cuộc chiến đấu chống độc tài đảng trị...

Lê Trung Hưng

15. Các giá trị văn hóa cơ bản

Tôn Thất Long

19. Phật học và tánh hiện đại

Diệp Tường Bảo

23. Phạm Duy, Kiều và chúng ta

Quản Mỹ Lan

25. Phải dân chủ mới yêu nước?

Đặng Văn Châu

27. Tin tức thời sự

32. Thư độc giả

trách người mù Nguyễn Đình Chiểu (196 Nguyễn Chí Thanh Quận 10) đến giảng dạy. Chi phí cho mỗi thầy khoảng 500.000 VND/tháng. Chùa đã lập được một thư viện nho nhỏ trong đó phần lớn là tài liệu in bằng ký hiệu braille.

Ngoài ra chùa Kỳ Quang còn mở những lớp học tình thương cho những cháu sáng mắt nhưng không có tiền để học những trường của nhà nước.

Để trang trải chi phí, ngoài sự đóng góp của những nhà hảo tâm, chùa tổ chức kinh doanh với nghề mài đá làm tượng. Nhưng hoạt động này tất nhiên không thể đem lại thu nhập đều đặn. Do đó chùa Kỳ Quang II, theo thầy Thích Thiện Chiếu, muốn tìm vốn để thiết lập cơ sở sản xuất hàng nhựt.

Quý vị hảo tâm muốn giúp đỡ cơ sở này có thể liên lạc qua địa chỉ:

Chùa Kỳ Quang II, 154/4A Lê Hoàng Phái, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh - ĐT: 8941442. **NTN**